Ngày soạn : 19/8/2017

Ngày dạy : 22/8/2017 (6A1)

/8/2017 (6A2)

**PHẦN MỞ ĐẦU**

**Mục tiêu chương:** Phần mở đầu gồm 2 tiết, trình bày một số điều cần biết về môn Lịch sử ở mức độ sơ lược và bước đầu. Yêu cầu có vẻ thấp do vị trí của bài trong toàn bộ chương nhưng tầm quan trọng lại cao vì đây là bài khái quát có ý nghĩa chi phối tư duy HS trong việc học tập lịch sử cụ thể sau đó, và lại là bài duy nhất được học ở toàn cấp phổ thông nói chung.

Phần này gồm hai nội dung chủ yếu:

- Kiến thức khái quát về khoa học lịch sử

- Khái quát về cách tính thời gian trong lịch sử

Điểm chính trong nội dung thứ nhất là khẳng định tính khoa học và cần thiết của bộ môn.Lịch sử đòi hỏi sự chính xác của sự kiện và nhận định, nghĩa là đòi hỏi những bằng chứng xác thực.

Điểm chính của nội dung thứ hai là học lịch sử phải biết tầm quan trọng của cách tính thời gian.

**Tiết 1, Bài 1**

**SƠ LƯỢC VỀ MÔN LỊCH SỬ**

**I. Mục tiêu bài hoc:**

*1, Kiến thức:* HS hiểu rõ lịch sử là 1 khoa học có ý nghĩa quan trọng đối với cuộc đời mỗi con người. Học lịch sử là cần thiết .

*2, Kỹ năng:*

- Kĩ năng bài học: Bước đầu có kĩ năng liên hệ thực tế và quan sát.

- Kĩ năng sống: nhận thức, tư duy sáng tạo, hợp tác, giải quyết vấn đề.

*3, Thái độ:*Bồi dưỡng cho HS ý thức về tính chính xác và sự ham thích trong học tập bộ môn.

*4- Định hướng phát triển năng lực HS*

- Năng lực chung: nhận thức, giao tiếp, sáng tạo, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực chuyên biệt: Tái hiện sự kiện, hiện tượng, nhân vật; so sánh, phân tích, phản biện, khái quát hóa; nhận xét, đánh giá rút ra bài học lịch sử từ những sự kiện, hiện tượng, vấn đề lịch sử, nhân vật.

**II. Chuẩn bị của GV & HS**

**Gv :** SGK, tranh ảnh, bản đồ treo tường.

**Hs :** Nghiên cứu trước bài .

**III. Phương pháp**

- Phương pháp: thuyết trình, phân tích, vấn đáp, thảo luận,thực hành.

- Kĩ thuật: động não, hỏi và trả lời, trình bày 1’, chia nhóm.

**IV. Tiến trình lên lớp** **- Giáo dục**

1. *Ổn định tổ chức (1’)*

*6A1:6A2:*

*2. Kiểm tra bài cũ:* Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS. **(5’)**

*3. Bài mới.*

Giới thiệu bài (1’): Con người, cỏ cây, mọi vật xung quanh ta không phải từ khi sinh ra nó đã như thế này, mà nó đã trải qua một quá trình hình thành, tồn tại và phát triển, nghĩa là nó phải có một quá khứ. Để hiếu được quá khứ đó trí nhớ của chúng ta hoàn toàn ko đủ mà cần đến một khoa học. Đó là khoa học lịch sử . Vậy khoa học lịch sử là gì, chúng ta tìm hiểu bài hôm nay....

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò**  **Hoạt động 1**: **(10’)**  *- Mục tiêu: HS hiểu rõ nội dung môn Lịch sử*  *- Phương pháp: vấn đáp, thuyết trình*  *- Kĩ thuật: động não, hỏi và trả lời.*  **GV:** Trình bày theo SGK.  **?** Có phải ngay từ khi xuất hiện con người, cỏ cây, loài vật xung quanh ta đã có hình dạng như ngày nay không? .  H:- Cỏ cây: hạt -> cây bé -> lớn.  - Con người: vượn -> người tối cổ -> người tinh khôn …  **GV**: Sự vật, con người, làng xóm, phố phường, đất nước mà chúng ta thấy, đều trải qua quá trình hình thành, phát triển và biến đổi nghĩa là đều có 1 quá khứ => quá khứ đó là lịch sử .  **?** Vậy em hiểu lịch sử nghĩa là gì.?  **GV*:*** Ở đây, chúng ta chỉ giới hạn học tập lịch sử loài người, từ khi loài người xuất hiện trên trái đất (cách đây mấy triệu năm) qua các giai đoạn dã man, nghèo khổ vì áp bức bóc lột, dần dần trở thành văn minh tiến bộ và công bằng.  **?** Có gì khác nhau giữa lịch sử 1 con người và lịch sử của xã hội loài người.?  **H**:- Lịch sử của 1 con người là quá trình sinh ra, lớn lên, già yếu & chết.  - Lịch sử xã hội loài người là không ngừng phát triển, là sự thay thế của một xã hội cũ bằng một xã hội mới tiến bộ và văn minh hơn.  **GVKL:** Lịch sử chúng ta học là lịch sử xã hội loài người, tìm hiểu về toàn bộ những hoạt động của con người từ khi xuất hiện đến ngày nay.  **GV:** Giảng tiếp theo SGK.  Vậy chúng ta có phải học lịch sử không ? Và học lịch sử để làm gì…  **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung bài học**  **1/ Lịch sử là gì**.**?**  - Lịch sử là những gì diễn ra trong quá khứ.  - Lịch sử là 1 khoa học dựng lại toàn bộ hoạt động của con người và xã hội loài người trong quá khứ.  **Nội dung bài học** |
| **Rút kinh nghiệm:**  ................................................................................  .................................................................................  .................................................................................  **Hoạt động 2**: **(10’)**  *- Mục tiêu: HS nắm được mục đích học môn Lịch sử*  *- Phương pháp: vấn đáp, so sánh, thảo luận, thực hành.*  *- Kĩ thuật*: *chia nhóm, trình bày 1’.*  **GV**: Hướng dẫn HS quan sát kênh hình 1- SGK và trả lời.  **?** So sánh lớp học trường làng ngày xưa và lớp học hiện nay của các em có gì khác nhau ? Vì sao có sự khác nhau đó ?.  **H:** Khung cảnh, lớp học, thầy trò, bàn ghế có sự khác nhau rất nhiều, sở dĩ có sự khác nhau đó là do xã hội loài người ngày càng tiến bộ, điều kiện học tập tốt hơn, trường lớp khang trang hơn..  GV: Như vậy, mỗi con người, mỗi làng xóm, mỗi quốc gia đều trải qua những thay đổi theo thời gian mà chủ yếu do con người tạo nên.  **?** Các em đã nghe nói về lịch sử, đã học lịch sử, vậy tại sao học lịch sử là một nhu cầu không thể thiếu của con người? .  **H:** Con người nói chung, người Việt Nam nói riêng rất muốn biết về tổ tiên của mình, để rút ra những bài học kinh nghiệm trong cuộc sống, trong lao động, trong đấu tranh để sống với hiện tại và hướng tới tương lai.  **?** Theo em, học lịch.sử để làm gì.?  **GV:** Gọi HS lấy VD trong cuộc sống gia đình, quê hương, để thấy rõ sự cần thiết phải hiểu biết lịch sử.  **GVKL**: - Các em phải biết quý trọng những gì mình đang có, biết ơn những người làm ra nó và xác định cho mình phải làm gì cho đất nước, cho nên học Lịch sử rất quan trọng.  - Vậy dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử…  **Rút kinh nghiệm:**  .................................................................................  .................................................................................  **Hoạt động 3:** **(13’)**  *- Mục tiêu: HS hiểu dựa vào tư liệu để biết Lịch sử*  *- Phương pháp: vấn đáp, thực hành.*  *- Kĩ thuật*: *trình bày 1’.*  **GV:** Thời gian trôi qua song những dấu tích của gia đình, quê hương vẫn được lưu lại .  **?** Vì sao em biết được gia đình, quê hương em ngày nay.  **H:** Nghe kể, xem tranh ảnh, hiện vật…  **GV**:- Đặc điểm của môn lịch sử là sự kiện lịch sử đã xảy ra không được diễn lại, không thể làm thí nghiệm như các môn khoa học khác. Cho nên, lịch sử phải dựa vào các tài liệu là chủ yếu để khôi phục lại bộ mặt chân thực của qua khứ.  - Cho HS quan sát H2.  **?** Bia tiến sĩ ở Văn Miếu quốc tử giám làm bằng gì.?  **H:** Bằng đá.  **GV:** Nó là hiện vật người xưa để lại.  **?** Trên bia ghi gì.  **H:** Trên bia ghi tên tuổi, năm sinh, địa chỉ và năm đỗ của tiến sĩ.  **GV:** Khẳng định: Đó là *hiện vật* người xưa để lại, dựa vào những ghi chép trên bia đá, chúng ta biết được tên tuổi, địa chỉ, công trạng của tiến sĩ.  **GV:** Yêu cầu HS kể chuyện "Sơn Tinh, Thuỷ Tinh" hay " Thánh Gióng".  => L.sử ông cha ta phải đấu tranh với thiên nhiên và giặc  ngoại xâm để duy sản xuất, bảo đảm cuộc sống và giữ gìn độc lập dân tộc.  **GV:** Khẳng định: Câu chuyện này là truyền thuyết được truyền miệng từ đời này qua đời khác (từ khi nước ta chưa có chữ viết) sử học gọi đó là *truyền miệng*.  **?** Vậy, căn cứ vào đâu để biết được lịch sử?  **GV sơ kết bài**: Lịch sử là một khoa học dựng lại những hoạt động của con người trong quá khứ. Mỗi chúng ta phải học và biết lịch sử. Phải nắm được các tư liệu Lsử.  **GV:** Giải thích danh ngôn: "lịch sử là thầy dạy của cuộc sống".  **Rút kinh nghiệm:**  .................................................................................  ................................................................................. | **2. Học lịch sử để làm gì?**  - Là để hiểu được cội nguồn DT, biết quá trình dựng nước và giữ nước của cha ông cha.  - Biết quá trình đấu tranh với thiên nhiên và đấu tranh chống giặc ngoại xâm để gìn giữ độc lập DT.  **-** Biết lịch sử phát triển của nhân loại để rút ra những bài học kinh nghiệm cho hiện tại và tương lai.  **3/ Dựa vào đâu để biết và dựng lại lich sử?**  - Dựa vào tư liệu:  +Truyền miệng (các chuyện dân gian).  + Chữ viết (các văn bản viết).  + Hiện vật (những di tích, di vật, cổ vật người xưa để lại.) |

*4. Củng cố***(3’)**

**?** Lịch sử là gì? Học lịch sử để làm gì?

***\* Bài tập:*** (bảng phụ ).

**a,** *Đánh dấu (X) vào ô trống đầu câu mà em cho là đúng:*

Là một công dân của đất nước ta cần phải hiểu biết lịch sử của dân tộc mình.

Học lịch sử giúp ta hiểu biết được cội nguồn của DT, biết được công lao, sự hi sinh to lớn của tổ tiên trong quá trình dựng nước và giữ nước.

Nhờ có học lịch sử mà chúng ta thêm quý trọng và giữ gìn những gì tổ tiên ta để lại, ta có thêm kinh nghiệm để xây dựng hiện tại và tương lai tốt đẹp hơn.

Lịch sử là chuyện xa xưa chẳng cần biết, có cũng chẳng làm gì vì nó đã đi qua.

**b,** *Em hãy kể tên những chuyện dân gian có những chi tiết giúp em biết được lịch sử*

**-** Con Rồng.., Bánh Chưng …, Thánh Gióng, Sự Tích Hồ Gươm..

*5. Hướng dẫn HB&CBM***(2’)**

- Nắm vững nội dung bài.

- Nghiên cứu trước bài 2 và trả lời câu hỏi SGK. Chuẩn bị lịch treo tường.

***Ngày /8/ 2017/TTCM duyệt***

.................................

.................................

Nguyễn Thị Lanh

**---------------\*\*\*----------------**

Ngày soạn / /2017

Ngày dạy / /2017(6A1)

/ /2017(6A2 **) Tiết 2, bài 2**

**CÁCH TÍNH THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ**

**I. Mục tiêu bài học**

*1. Kiến thức:* - HS hiểu tầm quan trọng của việc tính thời gian trong lịch sử.

- Thế nào là dương lịch, âm lịch và công lịch.

- Biết cách chú ý ghi và tính năm tháng theo công lịch một cách chính xác.

*2. Kỹ năng:*

- Kĩ năng bài học: bồi dưỡng cách ghi và tính năm, tính khoảng cách giữa các thế kỷ chính xác.

- Kĩ năng sống: nhận thức, tư duy sáng tạo, hợp tác, giải quyết vấn đề

*3. Thái độ:* G.dục HS quý trọng (t), biết tiết kiệm thời gian; có ý thức về tính chính xác và tác phong khoa học trong mọi việc.

*4. Định hướng phát triển năng lực HS*

- Năng lực chung: nhận thức, tự quản lý, tính toán, sáng tạo, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực chuyên biệt: Tái hiện sự kiện, hiện tượng, nhân vật; so sánh, phân tích, phản biện, khái quát hóa; nhận xét, đánh giá rút ra bài học lịch sử từ những sự kiện, hiện tượng, vấn đề lịch sử, nhân vật.

**II. Chuẩn bị của GV & HS**

**Gv *:*** Quả địa cầu, lịch treo tường, ứng dụng CNTT: tranh ảnh.

**Hs *:*** Nghiên cứu trước bài, lịch treo tường.

**III. Phương pháp**

Phương pháp phân tích, thuyết trình

Kĩ thuật động não, thực hành có hướng dẫn

**IV. Tiến trình lên lớp - Giáo dục**

*1. Ổn định tổ chức* **(1')**

6A1: 6A2:

*2. Kiểm tra bài cũ:* **(5’)**

L.sử là gì ? Học L.sử để làm gì ? Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử ?

*3. Bài mới:*

Giới thiệu bài (1’): Các em đã biết lịch sử là những gì xảy ra trong quá khứ theo thứ tự thời gian. Vậy muốn hiểu và dựng lại lịch sử phải sắp xếp các sự kiện đó theo thứ tự thời gian. Vậy cách tính thời gian trong lịch sử như thế nào, thế giới đã dùng lịch ra sao? Bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu được điều này.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Nội dung bài học** |
| **Hoạt động 1:** **(10’)**  *- Mục tiêu: HS hiểu lí do cần xác định thời gian*  *- Phương pháp: vấn đáp, thuyết trình*  *- Kĩ thuật: động não, hỏi và trả lời.*  **GV** giảng: lịch sử loài người bao gồm muôn vàn sự kiện xảy ra vào những (t) khác nhau: con người, nhà cửa, phố xá, xe cộ đều ra đời và thay đổi. Xã hội loài người cũng vậy, muốn hiểu và dựng lại lịch sử phải sắp xếp các sự kiện đó theo thứ tự thời gian. Từ thời xa xưa, con người đã tìm cách ghi lại sự việc theo trình tự thời gian.  **GV** trình chiếu, cho HS quan sát H1 và H2 (bài 1).  **?** Có phải các bia tiến sĩ ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám được lập cùng một năm không?  **H:** Không.  **GV:** Nhìn vào bức tranh Văn Miếu Quốc tử giám, không phải các bia tiến sĩ được dựng cùng 1 năm. Có người đỗ trước, người đỗ sau, cho nên có người được dựng bia trước, người được dựng bia sau khá lâu. Như vậy người xưa đã có cách tính và cách ghi (t). Việc tính (t) là rất quan trọng vì nó giúp chúng ta nhiều điều.  **GV:** i HS quan sát : " Từ xưa …..từ đây ".  **?** Để tính (t), việc đầu tiên con người nghĩ đến là gì?  **H**: Ghi lại những việc mình làm, nghĩ cách tính (t), nhìn thấy những hiện tượng tự nhiên…=>Đó là cơ sở xác định thời gian.  **?** Vậy dựa vào đâu và bằng cách nào con người tính được (t).  **GV: -** Thời cổ đại, người nông dân luôn phụ thuộc vào thiên nhiên, cho nên, trong canh tác, họ phải luôn theo dõi và phát hiện ra các quy luật của thiên nhiên. Qua đó, họ phát hiện ra quy luật của thiên nhiên: hết ngày lại đến đêm; Mặt trời mọc ở đằng Đông, lặn ở đằng Tây (1 ngày)  - Nông dân Ai Cập cổ đại theo dõi và phát hiện ra chu kì hoạt động của Trái Đất quay xung quanh mặt trời (1 vòng ) là một năm (360 ngày)  **Rút kinh nghiệm:**  .........................................................................................  .........................................................................................  **Hoạt động 2**: **(12’)**  *- Mục tiêu: HS hiểu rõ nội dung môn Lịch sử*  *- Phương pháp: phân tích, thuyết trình*  *- Kĩ thuật: thực hành có hướng dẫn*  **?** Các em biết, hiện nay trên thế giới có những loại lịch nào?  **H:** Âm và dương lịch  ? Cho biết cách tính âm lịch và dương lịch?  **H:** - Âm lịch: dựa vào chu kỳ xoay của Mặt Trăng quay quanh Trái Đất (1 vòng) là 1 năm (360 ngày).  - Dương lịch: dựa vào chu kỳ xoay của trái đất quay quanh mặt trời (1 vòng) là 1 năm (365 ngày).  **H:** Xem trên bảng ghi "những ngày lịch sử và kỉ niệm" có những đơn vị (t) nào và có những loại lịch nào?  **H:** Ngày, tháng, năm âm lịch, dương lịch.  **GV**: - Cho HS quan sát lịch treo tường.  - Yêu cầu HS nói rõ lịch âm, dương.  **GV:** Cách đây 3000- 4000 năm, người phương Đông đã sáng tạo ra lịch.  **GV:** Dùng quả địa cầu để minh hoạ.  **?** Em hiểu thế nào là âm lịch, dương lịch?  **GVKL:** Người xưa cho rằng: mặt trăng, mặt trời đều quay quanh trái đất. Tuy nhiên họ tính khá chính xác, 1 tháng tức là 1 tuần trăng có 29 - 30 ngày, 1 năm có 360 -365 ngày => người xưa dựa vào mặt trăng, mặt trời, trái đất để tính (t).  **GV:** Mỗi quốc gia, mỗi dân tộc có các tính lịch riêng. Nhưng nhìn chung có 2 cách tính lịch là âm lịch và dương lịch.  **Rút kinh nghiệm:**  .........................................................................................  .........................................................................................  **Hoạt động 3**: **(12’)**  *- Mục tiêu: HS hiểu được nhu cầu thống nhất cách tính (t)* *cho các DT trên thế giới.*  *- Phương pháp: phân tích, thuyết trình*  *- Kĩ thuật: động não,**thực hành có hướng dẫn*  **GV giảng:**- xã hội loài người càng phát.triển, sự giao hoà giữa các nước, các DT, các khu vực ngày càng mở rộng => nhu cầu thống nhất cách tính (t) được đặt ra.  - GV đưa ra các sự kiện.  **?** Thế giới có cần 1 thứ lịch chung hay không ? Đó là loại lịch nào?  **?** Công lịch được tính ntn?  **GV:** Người xưa có sáng kiến: 4 năm có 1 năm nhuận, thêm 1 ngày cho tháng 2 (28 -> 29 ngày).  - 10 năm -> 1 thập kỉ  - 100 năm là 1 thế kỷ.  - 1000 năm là 1 thiên niên kỷ.)  **GV**: vẽ sơ đồ lên bảng: cách ghi thứ tự thời gian.  **HS:** vẽ vào vở.  TCN CN SCN    179 111 50 40 248 254  **?** Em xác định thế kỉ XXI bắt đầu năm nào và kết thúc vào năm nào?  **H:** 2001 -> 2100  **GVKL:** Việc xác định (t) là 1 nguyên tắc cơ bản quan trọng của Lsử, do nhu cầu ghi nhớ và xác định (t), từ xa xưa con người đã tạo ra lịch, tức là 1 cách tính và xác định (t) thống nhất cụ thể. Có 2 loại lịch: âm lịch và dương lịch. Trên cơ sở đó , hình thành công lịch.  **Rút kinh nghiệm:**  .........................................................................................  ......................................................................................... | **1/Tại sao phải xác định thời gian?**  - Việc xác định thời gian là 1 nguyên tắc cơ bản quan trọng của lịch.sử.  - Cơ sở để xác định thời gian là dựa trên sự quan sát và phát hiện ra những quy luật của các hiện tượng tự nhiên.  **2/ Người xưa đã tính thời gian như thế nào.**  - Âm lịch: căn cứ vào sự di chuyển của mặt trăng quay quanh trái đất  - Dương lịch: căn cứ vào sự di chuyển của trái đất quay quanh mặt trời (1 vòng) là 1 năm (365 ngày +1/4 ngày) nên họ xác định một tháng có 30 -> 31 ngày riêng tháng 2 có 28 ngày.  **3/Thế giới có cần một thứ lịch chung hay không?**  - Cần phải có 1 lịch chung cho các DT trên thế giới. Công lịch là lịch chung cho các DT trên thế giới.  - Công lịch lấy năm tương truyền chúa Giê-su ra đời làm năm đầu tiên của Công nguyên. Những năm trước đó gọi là trước công nguyên (TCN)  - Theo công lịch 1 năm có 12 tháng =365 ngày 6 giờ. Năm nhuận thêm một ngày vào tháng 2.  - Cách thời gian theo công lịch: |

4.*Củng cố* **(2’)**

\* Bài tập: GV làm mẫu:

+ Năm 1418 thế kỷ 15. thế kỷ 21 - 15 = 6 thế kỷ.

+ Năm 2006 - 1418 = 588 năm=> cách đây 588 năm ( tk VI).

- Nhóm 1: 1789. - Nhóm 2: 1288

- Nhóm 3: 40 - Nhóm 4: 1428.

*5. Dặn dò***(2’)**

- Học bài cũ và làm bài tập 2 (7).

- Xem trước bài 3 và trả lời câu hỏi trong SGK.

***Ngày / / 2017/TTCM duyệt***

.................................

.................................

Nguyễn Thị Lanh

---------------\*\*\*----------------

Ngày soạn /8/2017

Ngày dạy / 9/2017

**Phần một:** **LỊCH SỬ THẾ GIỚI**

**Mục tiêu chương:** Lịch sử thế giới, gồm 5 tiếtvề lịch sử thế giới thời nguyên thủy và thời cổ đại. Cũng như phần mở đầu, nội dung của phần này mang tính chất khái quát, hệ thống với 3 nội dung chủ yếu là:

- Loài người đã xuất hiện trên Trái Đất như thế nào và vai trò của lao động trong quá trình biến chuyển của con người từ buổi sơ khai đến khi tiếp cận với thời kì xuất hiện của những quốc gia đầu tiên.

- Sự hình thành và đặc điểm của các quốc gia cổ đại phương Đông.

- Sự hình thành và những đặc điểm của các quốc gia cổ đại phương Tâ.y

- Những thành tựu văn hóa lớn thời cổ đại.

Về mặt thời gian, phần này tương ứng với phần Lịch sử Việt Nam.

Về mặt không gian, phần này bao quát toàn bộ thế giới cổ đại , có ý nghĩa làm nền cho việc hoạc tập lịch sử dân tộc Việt Nam.

**Tiết 3, bài 3**

**XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ**

**I. Mục tiêu bài học**

*1. K.thức:* HS nắm được .

- Nguồn gốc loài người và các mốc lớn của quá trình chuyển biến từ Người tối cổ trở thành Người hiện đại.

- Đ/sống vật chất và tổ chức xã hội của người nguyên thuỷ.

- Vì sao xã hội nguyên thuỷ tan dã .

*2. Kỹ năng:*

- Kĩ năng bài dạy: Bước đầu rèn luyện kỹ năng quan sát tranh ảnh.

- Kĩ năng sống: nhận thức, tư duy sáng tạo, hợp tác, giải quyết vấn đề.

*3.Thái độ:* Bước đầu hình thành cho HS ý thức đúng đắn về vai trò của lao độngsản xuất trong sự p.triển của xã hội loài người.

*4. Định hướng phát triển năng lực HS*

- Năng lực chung: nhận thức, tự quản lý, tính toán, sáng tạo, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực chuyên biệt: Tái hiện sự kiện, hiện tượng, nhân vật; so sánh, phân tích, phản biện, khái quát hóa; Xác định và giải quyết mối liên hệ, ảnh hưởng, tác động giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử với nhau; thực hành với đồ dùng trực quan; thể hiện thái độ, xúc cảm, hành vi.

**II. Chuẩn bị của GV & HS**

**Gv:** Một số tranh ảnh, mẫu vật và bản đồ thế giới.

**Hs:** Nghiên cứu trước bài 3 và sưu tầm tranh ảnh xã hội nguyên thuỷ.

**III. Phương pháp**

Phương pháp phân tích, thuyết trình, phân tích, so sánh, thảo luận.

Kĩ thuật: động não, thực hành có hướng dẫn, chia nhóm, trình bày 1’.

**IV. Tiến trình lên lớp - Giáo dục**

*1. Ổn định tổ chức* **(1')**

6A1:

6A2:

*2. Kiểm tra bài cũ:* **(5’)**

Giải thích khái niệm âm lịch, dương lịch, công lịch ? Vì sao trên tờ lịch chúng ta ghi thêm ngày tháng âm lịch?

*3. Bài mới.*

Giới thiệu bài (1’): Lịch sử loài người cho chúng ta biết những sự việc diễn ra trong đời sống con người từ khi xuất hiện với tổ chức nguyên thuỷ cho đến ngày nay. Nguồn gốc của con người từ đâu? Đời sống của họ trong buổi đầu sơ khai đó như thế nào? Vì sao tổ chức đó lại tan dã. Bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu điều này.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung bài học** |
| **Hoạt động 1: (10’)**  *- Mục tiêu: HS nắm được cách đây khoảng 3 – 4 triệu năm, từ 1 loài vượn cổ đã tiến hoá thành người tối cổ (ngưòi vượn); cuộc sống bầy đàn phụ thuộc vào thiên nhiên của họ.*  *- Phương pháp: phân tích, thuyết trình*  *- Kĩ thuật: động não, thực hành có hướng dẫn*  **Gv:-** giảng theo SGK. "Cách đây…..3- 4 triệu năm".  - giải thích: Vượn cổ: Vượn có dáng hình người (vượn nhân hình) sống cách đây 5 - 15 triệu năm. Vượn nhân hình là kết quả của sự tiến hoá từ động vật bậc cao.  **HS:** q.sát H 5.  **?** Em có nhận xét gì về người tối cổ.  **GV:** giải thích: "Người tối cổ". Còn dấu tích của loài vượn (trán thấp và bợt ra phía sau, mày nổi cao, xương hàm còn choài về phía trước, trên người có 1 lớp lông bao phủ…) những người tối cổ đã hoàn toàn đi bằng 2 chân. Hai chi trước đã biết cầm, nắm, hộp sọ đã p.triển, thể tích sọ não lớn, biết sử dụng và chế tạo công cụ.  **?** Căn cứ vào đâu chúng ta khẳng định người tối cổ sống ở nhiều nơi trên thế giới.  **H:** Hài cốt của người tối cổ.  **GV:** chỉ bản đồ thế giới: Miền Đông Châu Phi, đảo Gia- Va (In đô nê xi a) gần Bắc Kinh (Trung Quốc).  **GV:** cho HS q.sát H3, H4.  **?** Nhìn vào hình 3, 4 em thấy người tối cổ sống như thế nào?  **H:** Sống thành từng bầy trong hang động, núi đá, chủ yếu là hái lượm săn bắn, có tổ chức, có người đứng đầu, bước đầu biết chế tạo công cụ lao động, biết sử dụng và lấy lửa bằng cách cọ sát đá (khác với động vật).  **?** Em có nhận xét gì về cuộc sống của người tối cổ.  **H:** Cuộc sống bấp bênh.  **GVKL:** Cách đây 3 - 4 triệu năm, do quá trình lao động sáng tạo tìm kiếm thức ăn, loài vượn cổ đã trở thành người tối cổ, bước đầu đời sống của họ có sự tiến bộ, sống có tổ chức. Tuy nhiên đó vẫn là 1 cuộc sống bấp bênh "ăn lông ở lỗ" kéo dài hàng triệu năm.  **Rút kinh nghiệm:**  .................................................................................  .................................................................................  **Hoạt động 2: Phương pháp phân tích, so sánh, thảo luận - Kĩ thuật động (13’)**  *- Mục tiêu: Hs nắm và so sánh nét khác biệt giữa người tinh khôn và người tối cổ và tổ chức công xã thị tộc.*  *- Phương pháp: phân tích, so sánh, thảo luận*  *- Kĩ thuật: chia nhóm, trình bày 1’*  **GV:** giảng theo SGK. " Trải qua….châu lục ".  **HS:** q.sát H5b.  **Thảo luận cặp:**  **?** Em thấy người tinh khôn khác người tối cổ như thế nào.  **H:** Về hình dáng: có cấu tạo cơ thể giống người ngày nay, xương cốt nhỏ hơn người tối cổ, bàn tay khéo léo, các ngón tay linh hoạt, hộp sọ và thể tích não p.triển, trán cao, mặt phẳng, cơ thể linh hoạt…  **GV** giảng: Nếu như người tối cổ sống theo bầy khoảng vài chục người (bầy người nguyên thuỷ) thì ->  **?** Tổ chức công xã thị tộc và bầy người nguyên thuỷ có gì khác nhau?  **H:** + Nguyên thuỷ mang tính chất tự nhiên do nhu cầu của cuộc sống do khả năng chống đỡ của con người ban đầu còn yếu.  + Thị tộc mang tính chất huyết thống nên chặt chẽ quy củ hơn.  **GV:-** giảng: " Những người cùng thị tộc…vui hơn”  - cho HS quan.sát mẫu vật - nhận xét.  **?** Con người biết làm đồ trang sức chứng tỏ điều gì?  **H:** Đã chú ý đến thẩm mĩ, làm đẹp cho mình.  **?** Qua đây, em thấy đời sống của người tinh khôn so với đời sống của người tối cổ như thế nào?  **H:** Cao hơn. đầy đủ hơn, họ đã chú ý đến đời sống vật chất và đời sống tinh thần.  **GVKL:** Đời sống của con người trong thị tộc đã tiến bộ hơn hẳn so với bầy người nguyên thuỷ, bước đầu đã dần thoát khỏi cảnh sống lệ thuộc vào thiên nhiên, mà đã biết tổ chức cuộc sống tốt hơn như chăn nuôi, trồng trọt, sản phẩm làm ra nhiều hơn, cuộc sống tốt đẹp hơn.  **Rút kinh nghiệm:**  .................................................................................  .................................................................................  **Hoạt động 3: (10’)**  *- Mục tiêu: HS hiểu rõ nguyên nhân xã hội nguyên thuỷ tan rã*  *- Phương pháp: Phương pháp phân tích, thuyết trình*  *- Kĩ thuật*: *thực hành có hướng dẫn, hợp tác*  **GV:-** giảng: " Cuộc sống….công cụ."  - hướng dẫn HS quan.sát H7.  **?** Người tinh khôn dùng những loại công cụ gì? Tác dụng của nó.  **H:** Rìu, cuốc, thuổng, lao, mũi tên, trống đồng.  **GV:** giảng SGK: Năng suất lao động tăng, sản phẩm tăng nhiều, dư thừa => có kẻ giàu, người nghèo.  **GVKL**: Công cụ bằng kim loại ra đời, làm cho xã hội nguyên thuỷ p.triển ở mức cao hơn, đ/s của cư dân đầy đủ hơn, bước đầu có sự phân hoá giàu nghèo. Chế độ “làm chung, ăn chung” thời kì công xã thị tộc bị phá vỡ. Đó chính là nguyên nhân làm cho xã hội nguyên thuỷ dần tan rã.  **GVCC toàn bài:**  **Rút kinh nghiệm:**  .................................................................................  ................................................................................. | **1. Con người xuất hiện như thế nào?**  - Người tối cổ sống ở nhiều nơi trên thế giới.  - Người tối cổ sống thành từng bầy trong các hang động, núi đá, chủ yếu hái lượm, săn bắn, biết chế tạo công cụ, biết dùng lửa… Sống có tổ chức, có người đứng đầu.  **2. Người tinh khôn sống như thế nào?**  - Người tinh khôn sống theo từng nhóm nhỏ có quan hệ huyết thống, ăn chung, ở chung gọi là thị tộc.  - Biết trồng trọt chăn nuôi.  - Làm gốm, dệt vải.  - Làm đồ trang sức.  **3/ Vì sao xã hội nguyên thủy tan rã?**  - Khoảng 4000 năm TCN công cụ kim loại ra đời.  - Nguyên nhân xã hội nguyên thuỷ tan rã :  + Công cụ kim loại ra đời.  + Năng suất lao động tăng, của cải dư thừa.  + Xã hội đã có sự phân biệt giàu nghèo. |

*4. Củng cố***(2’)**

- Sự khác nhau giữa người tối cổ và người tinh khôn?

- Vì sao xh nguyên thuỷ tan rã?

\* Bài tập: (Bảng phụ).

Hãy khoanh tròn vào trước câu trả lời mà em cho là đúng.

*Người tinh khôn sống như thế nào?*

A- Theo bầy, phụ thuộc vào thiên nhiên.

B- Độc lập, phụ thuộc vào thiên nhiên.

**C-** Theo nhóm, ăn chung làm chung, trồng trọt, chăn nuôi.

*D- Cả 3 ý trên.*

*5. HDVN* **(3’)**

- Học bài cũ, nắm vững nội dung bài.

- Nghiên cứu trước bài 4 và trả lời câu hỏi SGK. Q.sát H8.

***Ngày /9/2017, TT CM duyệt***

*..............................................*

*.............................................*

Nguyễn Thị Lanh

**CHỦ ĐỀ : CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI**

Tổng số tiết thực hiện chủ đề: 3 tiết

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Tiết theo***  ***chủ đề*** | ***Tiết theo PPCT*** | ***Nội dung*** |
| 1 | 4 | Các quốc gia cổ đại phương Đông |
| 2 | 5 | Các quốc gia cổ đại phương Tây |
| 3 | 6 | Văn hóa cổ đại |

**Bước 1: VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT TRONG CHỦ ĐỀ**

Hiểu biết và nhận thức về :

- Những nhà nước đầu tiên đã hình thành ở phương Đông (Ai Cập, ấn Độ, Lưỡng hà, Trung Quốc) từ cuối thiên niên kỷ thứ IV, đầu thiên niên kỷ III TCN; ở phương Tây (Hi Lạp và Rô- ma) vào khoảng đầu thiên niên kỷ I TCN.

- Nền tảng kinh tế, thể chế nhà nước và những thành tựu văn hóa tiêu biểu của các quốc gia cổ đại này.

**Bước 2: XÂY DỰNG NỘI DUNG CHỦ ĐỀ**

**I. Các quốc gia cổ đại phương Đông**

**1. Sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông**

*Biết và ghi nhớ :*

- Từ cuối thiên niên kỷ thứ IV, đầu thiên niên kỷ III TCN, trên lưu vực các con sông lớn: Sông ở Ai Cập, sông Ơ-phơ-rát và Ti-gi-rơ ở Lưỡng Hà ( L.Hà có nghĩa vùng giữa 2 con sông) thuộc khu vực Tây Á (nay nằm giữa lãnh thổ 2 nước I- rắc và I- ran), sông Ấn và sông Hằng nằm ở miền Bắc bán đảo Ấn Độ, sông Hoàng Hà, Trường Giang ở Trung Quốc, các quốc gia cổ đại phương Đông hình thành: Ai Cập, Ấn Độ, Lưỡng hà, Trung Quốc.

- Đất ven sông vừa mầu mỡ, dễ trồng trọt. Kinh tế chính là nông nghiệp

- Xác định trên Lược đồ các quốc gia cổ đại, Bản đồ thế giới hiện nay vị trí các quốc gia phương Đông.

- Sử dụng hình 8 trong SGK để biết được cảnh làm ruộng của người Ai Cập,

**2. Những tầng lớp trong xã hội cổ đại phương Đông**

- Xã hội cổ đại phương Đông gồm có hai tầng lớp:

+ Thống trị: quí tộc (vua, quan, chúa đất)

+ Bị trị: gồm có nông dân và nô lệ

**-** Sử dụng hình 8 trong SGK để biết được Luật Ham-mu-ra-bi là bộ luật đầu tiên xuất hiện ở các quốc gia cổ đại phương Đông, bảo vệ quyền lợi cho giai cấp thống trị.

**3. Nhà nước chuyên chế cổ đại phương Đông**

- Hình thành khái niệm: Nhà nước quân chủ chuyên chế

- Chế độ quân chủ chuyên chế là nhà nước do vua đứng đầu, có quyền hành cao nhất, từ việc đặt pháp luật, chỉ huy quân đội, xét xử người có tội.

**II. Các quốc gia cổ đại phương Tây**

1. **Sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Tây**

- Nhận biết đượccác quốc gia cổ đại phương Tây bao gồm Hi Lạp và Rô - ma hình thành từ đầu thiên niên kỷ I TCN trên 2 bán đảo Ban căng và I-ta-li-a.

- Địa hình đồi núi vừa hiểm trở, đi lại khó khăn vừa ít đất trồng, chủ yếu là đất đồi khô cứng. Chính vì thế nó chỉ thuận lợi cho việc trồng cây lưu niên như :nho. ô lưu…

- Kinh tế: nghề thủ công phát triển và thương nghiệp (ngoại thương) phát triển.

**2. Những tầng lớp trong xã hội cổ đại phương Tây- chế độ chiếm hữu nô lệ**

- Hình thành các khái niệm: **chế độ chiếm hữu nô lệ, nhà nước dân chủ chủ nô và cộng hòa**

- Xã hội cổ đại Hy Lạp và Rô- ma là xã hội chiếm hữu nô lệ có 2 giai cấp cơ bản: chủ nô và nô lệ.

+ Chủ nô: có quyền lực, giàu có và bóc lột nô lệ

+ Nô lệ: họ là những người dân nghèo và tù binh, họ là lực lượng sản xuất chính, nhưng sản phẩm họ làm ra đều thuộc về chủ nô, họ bị bóc lột, đánh đập nên đã nổi dậy chống chủ nô, điển hình là cuộc nổi dậy do Xpác- ta- cút lãnh đạo

**III. Văn hóa cổ đại**

1. **Phương Đông**

- Nắm được những thành tựu văn hoá của các quốc gia cổ đại Phương Đông: Thiên văn, chữ viết, toán học, kiến trúc.

*- Thiên văn học và lịch pháp*

+ Hiểu đã có những tri thức đầu tiên về thiên văn; sáng tạo ra lịch: lịch âm và lịch dương.

*+Chữ viết :* Họ đã tạo ra chữ tượng hình Ai Cập, chữ tượng hình Trung Quốc.

*+Toán học*: người Ai Cập nghĩ ra phép đếm 10, rất giỏi hình học; tính được số Pi=3,16; người Lưỡng Hà giỏi về số học đề tính toán; người Ấn Độ tìm ra số 0

*+Kiến trúc:* điêu khắc tháp Ba bi lon ( Lưỡng Hà), Kim tự tháp (Ai Cập).

- Sử dụng hình 11,12,13 trong SGK để thấy được các thành tựu văn hóa cổ đại phương Đông: Chữ tượng hình, Kim tự tháp; Thành Ba-bi-lon.

1. **Phương Tây**

- Hiểu biết về thiên văn, làm ra lịch dựa trên quy luật của Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời.

- Chữ viết: sáng tạo ra hệ chữ cái a,b, c.

- Các ngành khoa học:

+Toán học: Talét, Pitago.

+ Vật lí: ácximét .

+Triết học: Platôn, Arixtốt.

+ Sử học: Hêrôđốt, Tuxiđít.

+ Địa: Xtơrabôn .

+ Văn học cổ Hy lạp phát triển phát triển rực rỡ với bỗ sử thi nổi tiếng thế giới.

+ Kiến trúc điêu khắc: có nhiều kiệt tác.

- Sử dụng hình 14,15,16,17 trong SGK để thấy được các thành tựu văn hóa cổ đại phương Tây: Bình gốm Hi Lạp; Đền Pác-tê-nông; Khải hoàn môn ở kinh thành Rô-ma; tượng lực sĩ ném đĩa.

**Bước 3: XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ**

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong chủ đề, học sinh:

- Hiểu, biết, trình bày được: sự hình thành và *phát triển của các quốc gia cổ đại.*

- Giải thích, lí giải:

*+ Sự hình thành các quốc gia cổ đại: phương Đông sớm hơn phương Tây;*

*+ Những đặc điểm về điều kiện tự nhiên khác nhau thuận lợi cho kinh tế từng khu vực;*

- Phân tích được *sự khác nhau về thể chế nhà nước, xã hội*

- Lập bảng thống kê thành tựu văn hóa cổ đại phương Đông và phương Tây

- Đánh giá, so sánh sự hình thành, thể chế nhà nước, thành tựu văn hóa giữa các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây.

**2. Kĩ năng:**

\* Kĩ năng bài dạy: Luyện kĩ năng sử dụng lược đồ, bản đồ, tranh ảnh, đồ dùng thiết bị trong học tập lịch sử; kĩ năng thuyết trình, so sánh, phân tích đánh giá;

\* Kĩ năng sống:

- Rèn luyện kĩ năng tư duy sáng tạo: tư duy lôgic, xâu chuỗi các sự kiện, các vấn đề lịch sử;

- Kĩ năng tìm kiếm và xử lý thông tin,

**3. Thái độ:**

- Giáo dục lòng yêu thích môn học thông qua sự hứng thú trong giờ học, có thái độ nghiêm túc, tích cực trong giờ học;

- Thông qua việc tìm hiểu những giá trị mà các quốc gia cổ đại còn để lại giáo dục cho học sinh biết trân trọng, bảo vệ và gìn giữ những giá trị đó.

**4. Định hướng phát triển năng lực**

\* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác.

\* Năng lực chuyên biệt: tái hiện sự kiện; thực hành khai thác và sử dụng kênh hình có liên quan đến bài học; liên hệ, so sánh, đối chiếu, xâu chuỗi các sự kiện lịch sử...

**Bước 4. XÂY DỰNG BẢNG MÔ TẢ CÁC YÊU CẦU VÀ BIÊN SOẠN CÂU HỎI, BÀI TẬP VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ.**

**1. Bảng mô tả các mức độ, yêu cầu cần đạt cho mỗi loại câu hỏi/bài tập trong chủ đề**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **MỨC ĐỘ NHẬN THỨC** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** |
| Các quốc gia cổ đại phương Đông | **Nêu được** sự hình thành và phát triển của các quốc gia cổ đại phương Đông.  **Trình bày được** tổ chức bộ máy nhà nước cổ đại phương Đông. | **Giải thích được** vì sao các quốc gia cổ đại phương Đông lại được hình thành ở lưu vực các con sông lớn và lấy nông nghiệp làm kinh tế chủ đạo. | **Miêu tả** cảnh làm ruộng của người Ai Cập. | **Nhận xét, đánh giá** về vai trò của vua và sự tồn tại của chế độ chuyên chế cổ đại phương Đông. |
| Các quốc gia cổ đại phương Tây | **Trình bày được** những đặc điểm về nền tảng cơ cấu và thể chế nhà nước ở Hi Lạp và Rô ma cổ đại.  **Nêu được** các giai cấp trong xã hội chiếm hữu nô lệ | **Giải thích được** vì sao các quốc gia cổ đại phương Tây lại hình thành trên các bán đảo.  kinh tế chính: thủ công nghiệp và ngoại thương phát triển.  **Lí giải** nguyên nhân nô lệ nổi dậy chống lại chủ nô. | **So sánh sự** khác nhau về điều kiện tự nhiên, kinh tế và thể chế nhà nước của các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây | **Nhận xét, đánh giá** về vai trò, quyền lợi của giai cấp chủ nô. |
| Văn hóa cổ đại | **Trình bày được** những thành tựu văn hóa cổ đại phương Đông và phương Tây. | **Giải thích được** sự ra đời của thiên văn, lịch pháp và chữ viết. | **Lập được** bảng thống kê về những thành tựu văn hóa cổ đại phương Đông và phương Tây.  **So sánh** thành tựu văn hóa cổ đại phương Đông và phương Tây. | **Nhận xét, đánh giá** về giá trị của những thành tựu văn hóa cổ đại phương Đông và phương Tây. |

**Bước 5: BIÊN SOẠN CÁC CÂU HỎI/BÀI TẬP CỤ THỂ THEO CÁC MỨC ĐỘ ĐÃ MÔ TẢ**

**2. Hệ thống câu hỏi/bài tập**

**2.1. Câu hỏi tự luận**

**2.1.1. Câu hỏi nhận biết**

- Các quốc gia cổ đại phương Đông được hình thành ở đâu và vào thời gian nào?

- Ngành kinh tế chính của cư dân vùng này là gì?

- Trình bày tổ chức bộ máy nhà nước cổ đại phương Đông.

**-** Để ổn định xã hội, giai cấp thống tị đã làm gì?

- Em hiểu thế nào là chế độ quân chủ chuyên chế?

- Các quốc gia cổ đại phương Tây được hình thành ở đâu và vào thời gian nào?

- Kinh tế chính củacủa các quốc gia cổ đại phương Tây?

- Em hiểu thế nào là chế độ chiếm hữu nô lệ?

-Con người tìm hiểu quy luật Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất và Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời, để tạo ra cái gì?

**2.1.2. Câu hỏi thông hiểu**

- Giải thích vì sao các quốc gia cổ đại phương Đông lại được hình thành ở lưu vực các con sông lớn và lấy nông nghiệp làm kinh tế chủ đạo?

- Vì sao các quốc gia cổ đại phương Tây lại hình thành trên các bán đảo và kinh tế chính: thủ công nghiệp và ngoại thương phát triển?

- Lí giải nguyên nhân nô lệ nổi dậy chống lại chủ nô?

- Theo em, vì sao thiên văn, lịch pháp và chữ viết ra đời sớm ở các quốc gia cổ đại phương Đông?

**2.1.3. Câu hỏi vận dụng thấp**

- Miêu tả cảnh làm ruộng của người Ai Cập?

- So sánh sựkhác nhau về điều kiện tự nhiên, kinh tế và thể chế nhà nước của các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây?

- Vẽ sơ đồ về các giai cấp trong xã hội cổ đại phương Đông?

- Lập bảng bảng thống kê về những thành tựu văn hóa cổ đại phương Đông và phương Tây?

- So sánh thành tựu văn hóa cổ đại phương Đông và phương Tây?

**2.1.4. Câu hỏi vận dụng cao**

*- Em có nhận xét, đánh giá gì về vai trò của vua và sự tồn tại của chế độ chuyên chế cổ đại phương Đông?*

*- Nhận xét, đánh giá về vai trò, quyền lợi của giai cấp chủ nô?*

*- Em có suy nghĩ và đánh giá như thế nào về giá trị của những thành tựu văn hóa cổ đại phương Đông và phương Tây.*

**2.2. Câu hỏi trắc nghiệm**

**2.2.1. Nhận biết**:

1. Các quốc gia cổ đại phương Đông lại được hình thành ở:

b. Trên các bán đảo.

c. Trên các dòng sông lớn.

c. Ven biển.

*2.* Các quốc gia cổ đại phương Tây lại được hình

a. Thiên niên kỉ thứ III TCN.

b. Khoảng đầu thiên niên kỷ I TCN.

c. Khoảng đầu thiên niên kỷ II TCN.

d. Từ cuối thiên niên kỷ IV đến đầu thiên niên kỷ III TCN.

**3.** Ngày 17 tháng 9 năm Kỷ sửu là thuộc loại lịch nào ?

a. Công lịch. b. Dương lịch. c. Âm lịch

4. Xã hội cổ đại phương Đông bao gồm mấy tầng lớp ?

a. 1 b. 2 c. 3 d. 4

5. Số 0 là phát minh của người nước nào?

a. Ấn Độ B. Ai Cập c. Lưỡng Hà d. Trung Quốc

5. Tri thức khoa học ra đời sớm nhất của loài người là gì?

a. Địa lí và Lịch sử. b. Toán học. c. Thiên văn học và lịch pháp. d. Văn học.

6. Đấu trường Cô-li-dê là thành tựu văn hóa của quốc gia cổ đại nào?

a. Quốc gia cổ đại Rô-ma b. Quốc gia cổ đại Hi Lạp

c. Quốc gia cổ đại Trung Quốc d. Quốc gia cổ đại Ai Cập

7. Hệ chữ cái của người Hi Lạp và Rô-ma ban đầu bao gồm bao nhiêu chữ cái?

a. 20 b. 26 c. 29 d. 30

8. I-li-at và Ô-đi-xê là hai bộ sử thi nổi tiếng của đất nước nào?

a. Ấn Độ b.Rô-ma c. Lưỡng Hà d. Hi Lạp

**2.2.2. Thông hiểu:**

1. Các quốc gia cổ đại phương Đông lấy nông nghiệp làm kinh tế chủ đạo, vì:

a. Điều kiện tự nhiên thuận lợi, đất đai màu mỡ, dễ trồng trọt.

b. Địa hình đồi núi vừa hiểm trở, chủ yếu là đất đồi khô cứng.

c. Có biển bao bọc, bờ biển khúc khuỷu tạo ra nhiều vịnh, nhiều hải cảng.

2. Tri thức đầu tiên về thiên văn học của các dân tộc phương Đông thời cổ đại là:

a. Phát hiện nhiều sao trên trời.

b. Thời tiết có 4 mùa.

c. Thời tiết mưa nắng.

d. Phát hiện ra qui luật của tự nhiên, qui luật của Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất, Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời.

3. Trong xã hội cổ đại phương Tây, nô lệ nổi dậy đấu tranh vì:

a. Họ bị chủ nô đối xử rất tàn bạo.

b. Họ không thích làm việc trong các xưởng của chủ nô

c. Họ đòi quyền lợi về chính trị và kinh tế.

4. Hãy điền chữ Đ (đúng) S (sai) ở đầu các câu sau:

□ Trong xã hội cổ đại phương Tây, nô lệ bị coi là “công cụ biết nói”.

□ Người Ai Cập đã tính được số pi = 3,16.

□ Đấu trường Cô-li-dê ở Hi Lạp.

□ Người hi Lạp và Rô-ma đã làm ra Âm lịch.

* + 1. **Câu hỏi vận dụng thấp**

1. Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự phát triển của thương nghiệp ở Hi Lạp và Rô-ma thời cổ đại là:

a. Có biển bao bọc, bờ biển khúc khuỷu tạo ra nhiều vịnh, nhiều hải cảng tự nhiên an toàn, thuận lợi cho tàu bè đi lại vùng biển, có nhiều đảo nằm rải rác tạo thành 1 hành lang nối giữa lục địa với các đảo vùng tiểu á.

b. Không có biển bao bọc, ít hải cảng.

c. Ngành công nghiệp đóng tàu rất phát triển.

2. Các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây có sựkhác nhau về:

a. Thể chế nhà nước.

b. Điều kiện tự nhiên, kinh tế và thể chế nhà nước.

c. Điều kiện tự nhiên.

2.2.4. **Câu hỏi vận dụng cao**

1. Nhận xét nào đánh giá đúng về giá trị của những thành tựu văn hóa cổ đại phương Đông và phương Tây:

a. Đó là những thành tựu văn hoá thể hiện sự tiến hóa của loài người.

b. Đó là những thành tựu văn hoá quý giá , phong phú, đa dạng của người xưa trên nhiều lĩnh vực, thể hiện năng lực trí tuệ của loài người…

c.Đó là những thành tựu văn hoá thể hiện sự lao động chăm chỉ của người cổ đại.

2. Thành tựu văn hóa cổ đại ngày nay không có giá trị sử dụng là:

a. Hệ chữ cái a,b,c.

b. Chữ tượng hình.

c. Thiên văn

d. Triết học.

**\*. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Thiết bị dạy học: Lược đồ các quốc gia cổ đại, Bản đồ thế giới hiện nay, Tranh ảnh nói về những thành tựu văn hóa của các quốc gia cổ đại phương Đông, . Phương Tây để minh họa, Máy vi tính kết nối máy chiếu.

- Học liệu (tư liệu tham khảo): Tư liệu lịch sử 6, Tranh ảnh có liên quan.

- Các tài liệu tham khảo có liên quan.

- Phiếu học tập, giấy A0, A4, bút dạ.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Đọc trước sách giáo khoa.

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh liên quan đến nội dung chủ đề.

- Tìm hiểu 1 số thông tin về liên quan tới chủ đề.

**Bước 6. THIẾT KẾ TIẾN TRÌNH DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ**

Ngày soạn /9/2017

Ngày dạy 19 /9/2017(6A1)

14/9/2017(6A2)

**Tiết 4**

**CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG ĐÔNG**

**\* Chuẩn bị của giáo viên và học sinh**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Thiết bị dạy học: Lược đồ các quốc gia cổ đại, Bản đồ thế giới hiện nay, Tranh ảnh nói về những thành tựu văn hóa của các quốc gia cổ đại phương Đông, . để minh họa, Máy vi tính kết nối máy chiếu.

- Học liệu (tư liệu tham khảo): Tư liệu lịch sử 6, Tranh ảnh có liên quan.

- Các tài liệu tham khảo có liên quan.

- Phiếu học tập, giấy A0, A4, bút dạ.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Đọc trước sách giáo khoa.

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh liên quan đến nội dung chủ đề.

- Tìm hiểu 1 số thông tin về liên quan tới chủ đề.

\* **Hoạt động học tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG TẠO TÌNH HUỐNG HỌC TẬP** (Thời gian: 5 phút)  **1. Mục tiêu:** Sử dụng hình ảnh Kim tự tháp, hình ảnh đặc trưng (thủ đô, biểu tượng...) về Lưỡng Hà (Iran- Irac), Ấn Độ, Trung Quốc ngày nay để huy động kiến thức HS đã biết về các đất nước này nhằm tạo cầu nối và gợi hứng thú, sự tò mò tìm hiểu về các quốc gia cổ đại phương Đông (sự hình thành nhà nước, kết cấu xã hội và thiết chế chính trị).  **2. Phương thức:**  - Yêu cầu HS quan sát một số bức ảnh và trả lời các câu hỏi: *Những hình ảnh dưới đây gợi cho em liên tưởng tới các quốc gia nào? Em có ấn tượng gì về các quốc gia đó?*  The great Pyramids  **Bức ảnh Kim tự tháp**  Iran, Iraq: Điểm du lịch nổi tiếng trong tương lai? - 1  **Các vùng đất ngập nước của sông Tigris và Euphrates, chiếc nôi của nền văn minh Ba Tư cổ, từng bị tiêu thoát cạn khô thời Saddam Hussein đang được phục hồi hướng tới phát triển du lịch sinh thái bền vững.**  Iran, Iraq: Điểm du lịch nổi tiếng trong tương lai? - 2  **Vườn Eram**  Anh8-3727-1418356943.jpg  **Mumbai**  Kết quả hình ảnh cho thượng hải  **Thượng Hải**  HS quan sát tranh ảnh, trả lời câu hỏi.  **3. Dự kiến sản phẩm:**  **-** Qua quan sát ảnh HS nhận diện, kể tên của các quốc gia Ai Cập, Iran, Ấn Độ, Trung quốc ngày nay và nêu được một vài hiểu biết về các quốc gia này.  - GV khẳng định: Đây là hình ảnh về sự tồn tại của Kim tự tháp tại quốc gia Ai Cập, quốc gia Iran, quốc gia Ấn Độ, Trung Quốc hiện nay. Các quốc gia này đều được hình thành và phát triển từ các quốc gia cổ đại phương Đông. *Vậy em có hiểu biết gì về xã hội cổ đại phương Đông? Các quốc gia cổ đại này hình thành ở đâu và từ bao giờ? Đặc trưng phát triển kinh tế, xã hội của các quốc gia cổ đại phương Đông là gì?* Những vấn đề này chúng ta chỉ có thể giải quyết được qua bài học hôm nay.  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **1. Hoạt động 1. Các quốc gia cổ đại phương Đông được hình thành ở đâu và từ bao giờ?** (Thời gian: 10 phút)  ***\* Mục tiêu:*** *Giải thích được tình hình phát triển sớm và sự hình thành của các nhà nước phương Đông cổ đại (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ).*  ***\* Phương thức***  **-** *Phương pháp- Kĩ thuật:* PP vấn đáp, đàm thoại, , giải quyết vấn đề, phân tích, thảo luận- Kĩ thuật động não, chia nhóm,trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn.  *- Hình thức:* dạy học cá nhân  ***-*** *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV yêu cầu HS sử dụng phương pháp làm việc với SGK, phương pháp trực quan và sử dụng câu hỏi: đọc SGK trang 14, quan sát Lược đồ các quốc gia cổ đại phương Đông, trả lời câu hỏi:  ? Các quốc gia cổ đại phương Đông được hình thành ở đâu và vào thời gian nào?  *rivervalleymap*  **Lược đồ các quốc gia cổ đại phương Đông**  - *Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc SGK, quan sát lược đồ, suy nghĩ câu hỏi.  *- Báo cáo sản phẩm:* HS trả lời câu hỏi kết hợp sử dụng lược đồ.  *- Nhận xét, đánh giá: HS, GV.*  *\* Dự kiến sản phẩm:*  **-** HS *nêu* thời gian ra đời của các quốc gia cổ đại phương Đông trên lược đồ.  - Các quốc gia cổ đại phương Đông ra đời sớm: Từ cuối thiên niên kỷ IV đến đầu thiên niên kỷ III TCN, trên lưu vực các con sông lớn:  + Sông Nin năm ở phía Đông Bắc châu Phi, nó có vai trò quan trọng lịch.sử của đất nước Ai Cập cổ đại -> nó tạo nên đất nước Ai Cập, người xưa nói " Ai Cập là quà tặng của sông Nin".  + Sông Ơ-phơ-rát và Ti-gi-rơ ở Lưỡng Hà ( L.Hà có nghĩa vùng giữa 2 con sông) thuộc khu vực Tây Á (nay nằm giữa lãnh thổ 2 nước I- rắc và I- ran).  + Sông ấn và S. Hằng nằm ở miền Bắc bán đảo Ấn Độ.  + Sông Hoàng Hà, Trường Giang (Trung Quốc), đất ven sông vừa mầu mỡ, dễ trồng trọt -> nghề trồng lúa phát triển.  ***-*** *Chuyển giao nhiệm vụ:*yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi:  **?** Vì sao các quốc gia cổ đại phương Đông lại được hình thành ở lưu vực các con sông lớn?  - *Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  -  *Báo cáo sản phẩm:*  Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  *- Nhận xét, đánh giá: HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm và chốt các nội dung chính.  **\* Dự kiến sản phẩm:**  - Điều kiện tự nhiên thuận lợi  - Đất đai màu mỡ, dễ trồng trọt.  ***-*** *Chuyển giao nhiệm vụ:*yêu cầu HS suy nghĩ và quan.sát H.8 và trả lời câu hỏi:  **?** Ngành kinh tế chính của cư dân vùng này là gì? Hãy miêu tả nội dung bức tranh H.8?  - *Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* suy nghĩ câu hỏi.  -  *Báo cáo sản phẩm:*  cá nhân HS trình bày  *- Nhận xét, đánh giá: HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả và chốt các nội dung chính.  **\* Dự kiến sản phẩm:**  - Kinh tế chính: nông nghiệp.  - Cảnh làm ruộng của người Ai Cập qua H.8: Hình dưới từ trái -> phải: cảnh gặt và gánh lúa về.  - Hình trên từ phải -> trái: cảnh đập lúa và ND nộp thuế cho quý tộc.  ***-*** *Chuyển giao nhiệm vụ:*yêu cầu HS suy nghĩ, thảo luận nhóm 2 cặp bàn và trả lời câu hỏi:  **?** Để chống lũlụt, ổn định sản xuất, nông dân phải làm gì? Khi sản xuất phát triển, lúa gạo nhiều, của cải dư thừa sẽ dẫn đến tình trạng gì?  - *Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* suy nghĩ thảo luận  -  *Báo cáo sản phẩm:*  cá nhân HS trình bày  *- Nhận xét, đánh giá: HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả và chốt các nội dung chính.  **\* Dự kiến sản phẩm:**  - Để chống lũlụt, ổn định sản xuất: đắp đê, làm thuỷ lợi.  => Xã hội xuất hiện tư hữu; Có sự phân biệt giàu nghèo; xã hội phân chia đẳng cấp; nhà nước ra đời.  **2. Hoạt động 2. Tìm hiểu xã hội** **cổ đại phương Đông** (Thời gian: 13 phút)  ***\*Mục tiêu:*** HS nắm được xã hội cổ đại phương Đông gồm có hai tầng lớp: quí tộc, nông dân và nô lệ  ***\* Phương thức***  **-** *Phương pháp- Kĩ thuật:* PP vấn đáp, đàm thoại, dạy học cá nhân, nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, thảo luận- Kĩ thuật động não, chia nhóm,trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn.  *- Hình thức:* dạy học cá nhân, nhóm  ***-*** *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV yêu cầu HS nghiên cứu – SGK/12 và trả lời câu hỏi:  **?** Kinh tế chính của các quốc gia cổ đại Phương Đông là nông nghiệp. Vậy ai là người chủ yếu tạo ra của cải vật chất nuôi sống xã hội? Họ sản xuất như thế nào và có quyền lợi gì?  - *Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* suy nghĩ, thảo luận theo nhóm bàn  -  *Báo cáo sản phẩm:*  đại diện nhóm bàn HS trình bày  *- Nhận xét, đánh giá: HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả và chốt các nội dung chính.  **\* Dự kiến sản phẩm:**  **-** Nông dân là người nuôi sống xã hội.  - Họ là lực lượng sản xuất chính, họ cày cấy trên rộng của quý tộc, phải nộp thuế và lao dịch cho quý tộc.  ***-*** *Chuyển giao nhiệm vụ:*GV yêu cầu HS nghiên cứu – SGK và trả lời câu hỏi:  **?** Ngoài quý tộc và nông dân, xã hội cổ đại phg Đông còn tầng lớp nào hầu hạ, phục dịch vua quan, và quí tộc?  - *Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* suy nghĩ  -  *Báo cáo sản phẩm: cá nhân trả lời*  *- Nhận xét, đánh giá: HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả và chốt.  **\* Dự kiến sản phẩm:** Tầng lớpnô lệ, cuộc sống của họ rất cực khổ...  ***-*** *Chuyển giao nhiệm vụ:*yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi:  ? Em có suy nghĩ gì về 2 sự kiện: Năm 2300 TCN cuộc bạo động nổ ra ở La gát (Lưỡng Hà). Năm 1750 TCN dân nghèo nổi dậy ở Ai Cập?Những cuộc nổi dậy đó có mang lại kết quả tốt đẹp gì không? Vì sao?  - *Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  -  *Báo cáo sản phẩm:*  Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  *- Nhận xét, đánh giá: HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm và chốt các nội dung chính.  **\* Dự kiến sản phẩm:**  - Hai sự kiện cho thấy họ bị đối xử bất công, đã vùng dậy đấu tranh chống lại giai cấp thống trị.  - Để ổn định xã hội, giai cấp thống trị đã ra bộ luật khắc nghiệt (Hammurabi-khắc đá) để đàn áp dân chúng.  **Hoạt động 3.Tìm hiểu Nhà nước chuyên chế cổ đại phương Đông** (Thời gian 11 phút)  ***\* Mục tiêu:*** Giải thích đượctổ chức bộ máy nhà nước cổ đại phương Đông. Nhận xét, đánh giá được về chế độ chuyên chế và vai trò của vua chuyên chế trong xã hội cổ đại phương Đông.  ***\* Phương thức***  *- Phương pháp- Kĩ thuật:* PP vấn đáp, đàm thoại, dạy học cá nhân, nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, thảo luận- Kĩ thuật động não, chia nhóm,trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn.  *- Hình thức:* dạy học cá nhân, nhóm  ***-*** *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV yêu cầu HS đọc SGK trang 15,16 SGK và trả lời câu hỏi:  ? Trình bày tổ chức bộ máy nhà nước cổ đại phương Đông.  ? Nhận xét gì về vai trò của vua và sự tồn tại của chế độ chuyên chế cổ đại phương Đông?  *- Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:*HS đọc SGK, suy nghĩ, trao đổi nhóm.  *- Báo cáo sản phẩm:* HS trả lời, cử đại diện nhóm báo cáo.  *- Nhận xét, đánh giá:*các nhóm HS nhận xét lẫn nhau, GV đánh giá kết quả làm việc của cá nhân, nhóm.  **\* Dự kiến sản phẩm:**  - HS trình bày tổ chức bộ máy nhà nước cổ đại phương Đông và nhận xét về vai trò của vua và sự tồn tại của chế độ chuyên chế cổ đại phương Đông.  - Về tổ chức bộ máy nhà nước: đứng đầu là vua, dưới vua là bộ máy hành chính quan liêu gồm toàn quý tộc, đứng đầu là Vidia hoặc thừa tướng, có chức năng thu thuế, trông coi và xây dựng các công trình, chỉ huy quân đội.  - Chế độ chuyên chế cổ đại là chế độ nhà nước của xã hội có giai cấp đầu tiên ở phương Đông, trong đó vua là người đứng đầu, có quyền lực tối cao.  - Quyền lực của vua: vua nắm cả pháp quyền và thần quyền, có tên gọi khác nhau ở mỗi nước…  **GVKL:** Chế độ chính trị ở các quốc gia cổ đại phương Đông là chế độ quân chủ chuyên chế: Vua đứng đầu nắm mọi quyền hành. Tuy nhiên ở Ai Cập, Ấn Độ, bộ phận tăng lữ khá đông -> họ tham gia vào các việc chính trị và quyền hành khá lớn, thậm trí có lúc lấn át quyền vua. | **1. Các quốc gia cổ đại phương Đông được hình thành ở đâu và từ bao giờ?**  - Từ cuối thiên niên kỷ IV đến đầu thiên niên kỷ III TCN, trên lưu vực các con sông lớn, các quốc gia cổ đại phương Đông được hình thành ở Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc => Đó là những quốc gia xuất hiện sớm nhất trong lịch sử.  - Kinh tế chính: nông nghiệp.  **2. Xã hội cổ đại phương Đông bao gồm những tầng lớp nào?**  - Nông dân: chiếm đa số trong xã hội. họ là lực lượng sản xuất chính, họ phải nộp thuế và lao dịch cho quý tộc.  - Nô lệ: hèn kém, phụ thuộc vào quý tộc.  => Xã hội cổ đại phương Đông gồm có hai tầng lớp:  + Thống trị: quí tộc (vua, quan, chúa đất)  + Bị trị: gồm có nông dân và nô lệ (nô lệ có thân phận thấp hèn nhất xax hội)  - Do bị bóc lột nông dân, nô lệ đã nổi dậy đấu tranh.  - Bộ luật Hammurabi là bộ luật đầu tiên xuất hiện ở các quốc gia cổ đại phương Đông, bảo vệ quyền lợi cho giai cấp thống trị.  **3. Nhà nước chuyên chế cổ đại phương Đông**  - Chế độ quân chủ chuyên chế là nhà nước do vua đứng đầu, có quyền hành cao nhất, từ việc đặt pháp luật, chỉ huy quân đội, xét xử người có tội.  => Đó là chế độ quân chủ chuyên chế.  - Giúp việc cho vua là bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương, gồm toàn quý tộc. |

*4. Củng cố* (Thời gian 3’)

**\* Mục tiêu:** Giúp HS củng cố kiến thức toàn bài

**\* Phương thức:**

*- Phương pháp dạy học:* vấn đáp, dạy học cá nhân /cả lớp- Kĩ thuật động não, trình bày 1 phút.

*- Hình thức:* dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân

***-*** *Chuyển giao nhiệm vụ:*yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi:

? Em hãy khái quát những nội dung chính trong tiết học?

- *Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* suy nghĩ câu hỏi.

-  *Báo cáo sản phẩm:*  HS trả lời câu hỏi

*- Nhận xét, đánh giá: HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét và kết luận.

**\* Dự kiến sản phẩm:**

**-** Sau khi xã hội nguyên thuỷ tan dã, các quốc gia cổ đại phương Đông sớm được hình thành trên lưu vực các con sông lớn. Vì ở đây điều kiện tự mhiên thuận lợi. Cùng với sự ra đời của nhà nước là sự xuất hiện các tầng lớp thống trị, bị trị … Tầng lớp thống trị là vua: đứng đầu, nắm mọi quyền hành, Đó là nhà nước quân chủ chuyên chế.

***-*** *Chuyển giao nhiệm vụ:*yêu cầu HS cả lớp suy nghĩ câu hỏi:

? Xác định các quốc gia cổ đại phương Đông trên lưu vực các con sông. Điền dấu đúng sai vào ô trống.

Sông Nin ở Ấn Độ.

Sông Ơ-pơ-rát ở Ai Cập

Sông Ấn và sông Hằng ở Ấn Độ

Sông Hoàng Hà, Trường Giang ở Trung Quốc.

- *Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* suy nghĩ câu hỏi.

-  *Báo cáo sản phẩm:*  HS trả lời câu hỏi

*- Nhận xét, đánh giá: HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét và kết luận.

**\* Dự kiến sản phẩm:**

Xác định các quốc gia cổ đại phương Đông trên lưu vực các con sông:

Sông Nin ở Ấn Độ. S

Sông Ơ-pơ-rát ở Ai Cập S

Sông Ấn và sông Hằng ở Ấn Độ Đ

Sông Hoàng Hà, Trường Giang ở Trung Quốc. Đ

*5. Hướng dẫn về nhà***(3’)**

- Học thuộc, nắm vững ND bài 4.

- Vẽ sơ đồ nhà nước cổ đại phg Đông.

- Chuẩn bị bài 5: Các quốc gia cổ đại phương Tây

? Các quốc gia cổ đại phương Tây được hình thành ở đâu và vào thời gian nào?

**?** Nền tảng kinh tế chính của các quốc gia cổ đại phương Tây là gì?

? Xã hội cổ đại Hi lạp, Rô ma gồm những giai cấp nào? Nhận xét về vai trò của các giai cấp đó?

? Thể chế nhà nước cổ đại Hi lạp, Rô ma khác với nhà nước cổ đại phương Đông ở điểm nào? Hãy chỉ rõ? Em hiểu thế nào là nhà nước chiếm hữu nô lệ ?(Nhóm tổ 1+2)

? Lập bảng thống kê thành tựu văn hoá phương Đông và phương Tây?(Nhóm tổ 3+4)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành tựu** | **Phương Đông** | **Phương Tây** |
| *Thiên văn và lịch pháp* |  |  |
| *Chữ viết* |  |  |
| *Các ngành khoa học* |  |  |

**\* Rút kinh nghiệm**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

Ngày soạn 15/9/2017

Ngày dạy 26/9/2017(6A1)

21/9/2017(6A2)

**Tiết 5**

**Định hướng kiến thức**

**CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG TÂY- VĂN HÓA CỔ ĐẠI**

**I. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Thiết bị dạy học: Lược đồ các quốc gia cổ đại, Bản đồ thế giới hiện nay, Tranh ảnh nói về những thành tựu văn hóa của các quốc gia cổ đại phương Đông và Tây, . để minh họa, Máy vi tính kết nối máy chiếu.

- Học liệu (tư liệu tham khảo): Tư liệu lịch sử 6, Tranh ảnh có liên quan.

- Các tài liệu tham khảo có liên quan.

- Phiếu học tập, giấy A0, A4, bút dạ.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Đọc trước sách giáo khoa.

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh liên quan đến nội dung chủ đề.

- Tìm hiểu 1 số thông tin về liên quan tới chủ đề.

**II. Tiến trình lên lớp- Giáo dục**

1. **Ổn định tổ chức (1’)**

+ 7B1:

**+ 7**B2:

**2. Kiểm tra bài cũ (5’)**

- Các quốc gia cổ đại phương Đông được hình thành ở đâu và từ bao giờ ? Vì sao các quốc gia này lại hình thành trên lưu vực các con sông lớn.

- Vẽ sơ đồ nhà nước cổ đại phương Đông ?

- Sơ đồ:

Nô lệ

Nông dân

Vua

Quý tộc (quan lại)

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung bài học** |
| **A. HOẠT ĐỘNG TẠO TÌNH HUỐNG HỌC TẬP** (Thời gian 3 phút)  **1. Mục tiêu:** Sử dụng hình ảnh Tượng lực sĩ ném đĩa, hình ảnh đặc trưng (thủ đô, biểu tượng...) của I-ta-li-a và Hi Lạp về ngày nay để huy động kiến thức HS đã biết về các đất nước này nhằm tạo cầu nối và gợi hứng thú, sự tò mò tìm hiểu về các quốc gia cổ đại phương Tây (sự hình thành nhà nước, kết cấu xã hội và thiết chế chính trị), về thành tựu văn hóa cổ đại.  **2. Phương thức:**  - Yêu cầu HS quan sát một số bức ảnh và trả lời các câu hỏi: *Những hình ảnh dưới đây gợi cho em liên tưởng tới các quốc gia nào? Em có ấn tượng gì về các quốc gia đó?*  **tuong_bức điêu khắc nổi tiếng nhất thế giới 3**  **Tượng lực sĩ ném đĩa**  **<http://dulichhanoi.vn/wp-content/uploads/2017/06/roma-thu-do.jpg>**  **Thủ đô Rô-ma**  **[1024px-Panoramic_view_of_Athens_cityscape_(composition_center-_Lykavittos_Hill)._Athens,_Greece](http://cacnuocchauau.com/home/wp-content/uploads/2015/07/1024px-Panoramic_view_of_Athens_cityscape_composition_center-_Lykavittos_Hill._Athens_Greece.jpg)**  **Toàn cảnh thành phố Athens**  [Đền Parthenon nhìn  từ đồi Pnyx .](http://cacnuocchauau.com/home/wp-content/uploads/2015/07/%C4%90%E1%BB%81n-Parthenon-nh%C3%ACn-t%E1%BB%AB-%C4%91%E1%BB%93i-Pnyx-..jpg)  **Đền Pac-tê-nông**  HS quan sát tranh ảnh, trả lời câu hỏi.  **3. Dự kiến sản phẩm:**  **-** Qua quan sát ảnh HS nhận diện, kể tên của các quốc gia I-ta-li-a và Hi Lạp ngày nay và nêu được một vài hiểu biết về các quốc gia này.  - GV khẳng định: Đây là hình ảnh về sự tồn tại Tượng lực sĩ ném đĩa ở Rô-ma; Đền Pac-tê-nông tại quốc gia Hi Lạp hiện nay. Các quốc gia này đều được hình thành và phát triển từ các quốc gia cổ đại phương Tây. Và ở các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây đều để lại cho ngày nay những thành tựu văn hóa có giá trị. Để hiểu rõ về các quốc gia cổ đại phương Tây cùng những thành tựu văn hóa cổ đại, tiết học hôm nay cô cùng các em sẽ tìm hiểu những vấn đề đó...  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1:** (Thời gian 7 phút)  ***1. Mục tiêu:*** *HS nắm được các quốc gia cổ đại phương Tây bao gồm Hi Lạp và Rô - ma từ đầu thiên niên kỷ I TCN.*  **-** *Phương pháp- Kĩ thuật*: PP vấn đáp, đàm thoại, dạy học cá nhân, giải quyết vấn đề, phân tích, thảo luận- Kĩ thuật động não, chia nhóm,trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn.  *Hình thức:* dạy học cá nhân  ***2. Phương thức***  ***-*** *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV yêu cầu HS sử dụng phương pháp làm việc với SGK, phương pháp trực quan và sử dụng câu hỏi: đọc SGK, quan sát Lược đồ các quốc gia cổ đại phương Tây, trả lời câu hỏi:  ? Các quốc gia cổ đại phương Tây được hình thành ở đâu và vào thời gian nào? **?** Nền tảng kinh tế chính của các quốc gia cổ đại phương Tây là gì?  - *Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc SGK, quan sát lược đồ, suy nghĩ câu hỏi.  *- Báo cáo sản phẩm:* HS trả lời câu hỏi kết hợp sử dụng lược đồ.  *- Nhận xét, đánh giá: HS, GV.*  **3. Dự kiến sản phẩm:**  - ở Rô ma và Hi lạp được hình thành trên bán đảo Băng căng và I ta li a, địa hình đồi núi vừa hiểm trở, đi lại khó khăn vừa ít đất trồng, chủ yếu là đất đồi khô cứng. Chính vì thế nó chỉ thuận lợi cho việc trồng cây lưu niên như :nho. ô lưu…  - Bù lại Rô ma và Hi lạp có biển bao bọc, bờ biển khúc khuỷu tạo ra nhiều vịnh, nhiều hải cảng tự nhiên an toàn, thuận lợi cho tàu bè đi lại vùng biển, có nhiều đảo nằm rải rác tạo thành 1 hành lang nối giữa lục địa với các đảo vùng tiểu á => Sự phát triển của nghề thủ công và điều kiện địa lí thuận lợi làm cho nghành thương nghiệp được mở mang.  **GV** giảng: người Rô ma và Hi lạp mang các sản phẩm thủ công rượu, dầu sang Lưỡng hà, Ai Cập… bán,-> mua lúa mì, súc vật.  **GVKL:** các quốc gia cổ đại phương Tây được hình thành trên bán đảo Ban căng và I ta li a, điều kiện tự nhiên chỉ thuận lợi cho p.triển kinh tế thương nghiệp, thủ công nghiệp.  **Hoạt động 2. Xã hội cổ đại Hi lạp, Rô ma gồm những giai cấp nào - Chế độ chiếm hữu nô lệ** (Thời gian 8 phút)  ***\* Mục tiêu:*** HS nắm được xã hội cổ đại Hy Lạp và Rô- ma là xã hội chiếm hữu nô lệ có 2 giai cấp cơ bản: chủ nô và nô lệ.  **\* Phương thức**  *- Phương pháp dạy học:* vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận*- Kĩ thuật* động não, chia nhóm,trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn.  *- Hình thức:* dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân  ***-*** *Chuyển giao nhiệm vụ:*yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi:  ? Xã hội cổ đại Hi lạp, Rô ma gồm những giai cấp nào? Nhận xét về vai trò của các giai cấp đó?  ? Thể chế nhà nước cổ đại Hi lạp, Rô ma khác với nhà nước cổ đại phương Đông ở điểm nào? Hãy chỉ rõ?  - *Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  -  *Báo cáo sản phẩm:*  Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  *- Nhận xét, đánh giá: HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm và chốt các nội dung chính.  **\* Dự kiến sản phẩm:**  **-** Sự p.triển mạnh mẽ của các ngành thủ công, thương nghiệp dẫn đến sự hình thành 1 số chủ xưởng, chủ lò, chủ thuyền buôn giàu có thế lực, nuôi nhiều nô lệ…Đó chính là giai cấp chủ nô.  - Chủ nô (Gồm dân tự do và quý tộc), có mọi quyền hành, sống sung sướng…  **-** Chủ nô chỉ làm việc trong các lĩnh vực chính.trị, khoa học, xã hội , họ sử dụng và bóc lột sức lao động của đông đảo nô lệ.  - Nô lệ lực lượng sản xuất chính, làm việc cực nhọc trong các trang trại, xưởng thủ công, khuân vác…Chính vì thế mà chủ nô nuôi nhiều nô lệ để hằng ngày cho thuê lấy tiền, để sinh con như 1 hình thức kinh doanh. Nô lệ là lực lượng sản xuất chính trong xã hội, phần lớn họ là người nước ngoài, số đông là tù binh bị bắt đem ra chợ bán như 1 súc vật. Nô lệ ở Hi lạp, Rô ma đông gấp nhiều lần chủ nô, họ được sử dụng trong mọi lĩnh vực kinh.tế, xã hội, văn hoá, nhiều ca sĩ, vũ nữ, nhạc công giỏi là nô lệ. Nô lệ là tài sản của chủ nô, họ ko có quyền, có gia đình và tài sản riêng. Chủ nô có quyền giết nô lệ =>Họ gọi nô lệ là '' những công cụ biết nói''.  - về chế độ chính trị khác với các quốc gia cổ đại phương Đông, ở phương Tây người dân tự do, họ có quyền cùng quý tộc bầu ra những người quản lí đất nước theo thời hạn quy định.  ***-*** *Chuyển giao nhiệm vụ:*yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi:  ? Như vậy ở Hi lạp, Rô ma đã hình thành 2 giai cấp chính là nô lệ và chủ nô. Em hiểu thế nào là nhà nước chiếm hữu nô lệ ?  - *Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  -  *Báo cáo sản phẩm:*  Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  *- Nhận xét, đánh giá: HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm và chốt các nội dung chính.  **\* Dự kiến sản phẩm:**  - Nhà nước chiếm hữu nô lệ: Thể chế nhà nước theo thể chế dân chủ chủ nô, do quý tộc và dân tự do bầu ra quản lí nhà nước.  - Xã hội có 2 giai cấp cơ bản: chủ nô và nô lệ, 1 xã hội dựa trên lao động của nô lệ và bóc lột nô lệ.  **Hoạt động 3. Văn hóa cổ đại** (Thời gian 15 phút)  **\* Mục tiêu:** HS nắm được **q**ua mấy ngàn năm tồn tại, thời cổ đại đã để cho loài người một di sản văn hoá đồ sộ, quý giá.  -Tuy ở mức độ khác nhau nhưng người phương đông và người phương Tây cổ đại đều sáng tạo nên những thành tựu văn hoá đa dạng, phong phú bao gồm chữ viết, chữ số, lịch, Văn học, Khoa học, Nghệ thuật đặc biệt là Toán học….  \* **Phương thức:**  *- Phương pháp- Kĩ thuật dạy học:* vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận*- Kĩ thuật* động não, chia nhóm,trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn.  *- Hình thức:* dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân  ***-*** *Chuyển giao nhiệm vụ:*yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi:  ? Lập bảng thống kê thành tựu văn hoá phương Đông và phương Tây?  - *Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  -  *Báo cáo sản phẩm:*  Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận( đính bảng bằng giấy A0 đã chuẩn bị)  *- Nhận xét, đánh giá: HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  **\* Dự kiến sản phẩm:** GV trình chiếu bảng định hướng để HS so sánh với bảng nhóm của mình => tự ghi chép... | **1. Sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Tây**  - Khoảng đầu thiên niên kỷ I TCN, trên bán đảo Ban căng và I-ta-li-a, hình thành 2 quốc gia Hi Lạp và Rô- ma.  - Điều kiện kinh tế thuận lợi trồng cây lưu niên: nho, ô lưu…  - Kinh tế: nghề thủ công, thương nghiệp (ngoại thương) phát triển.  **2. Xã hội cổ đại Hi lạp, Rô ma gồm những giai cấp nào ? Chế độ chiếm hữu nô lệ**  - Chủ nô: có quyền lực, giàu có và bóc lột nô lệ .  - Nô lệ: họ là những người dân nghèo và tù binh, họ là lực lượng sản xuất chính, nhưng sản phẩm họ làm ra đều thuộc về chủ nô, họ bị bóc lột, đánh đập.  - Họ đã nổi dậy chống chủ nô, điển hình là cuộc nổi dậy do Xpác- ta- cút lãnh đạo.  \* Thể chế nhà nước  - Nhà nước do dân tự do và quý tộc bầu ra, gọi là chế độ dân chủ chủ nô và cộng hoà chế độ (chế độ chiếm hữu nô lệ).  **3. Văn hóa cổ đại** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành tựu** | **Phương Đông** | **Phương Tây** |
| *Thiên văn và lịch pháp* | + Họ đã có những tri thức đầu tiên về thiên văn.  + Người ta sáng tạo ra lịch: lịch âm và lịch dương. | - Hiểu biết về thiên văn, làm ra lịch dựa trên quy luật của Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời.  (lịch dương) |
| *Chữ viết* | Họ đã tạo ra chữ tượng hình Ai Cập, chữ tượng hình Trung Quốc. | - Chữ viết: sáng tạo ra hệ chữ cái a,b, c(ban đầu gồm 20 chữ cái) |
| *Các ngành khoa học* | *Toán học*  + Người Ai Cập nghĩ ra phép đếm 10, rất giỏi hình học  + Chữ số: sáng tạo ra số ( Pi=3,16) toán học.  + Người Lưỡng Hà giỏi về số học đề tính toán  + Người Ấn Độ tìm ra số 0  *Kiến trúc:* thành Ba bi lon (Lưỡng Hà), Kim tự tháp (Ai Cập). | *Toán học:* Ta-lét, Pi-ta-go.  *Vật lí:* Ác-xi-mét .  *Triết học:* Pla-tôn, A-ri-xtốt.  *Sử học:* Hê-rô-đốt, Tu-xi-đít.  *Địa:* Xtơ-ra-bôn .  *Văn học:* Văn học cổ Hy lạp phát triển phát triển rực rỡ với bộ sử thi I-li-at- Ôđixê nổi tiếng thế giới.  *Kiến trúc điêu khắc:* Nhiều kiệt tác: tượng lực sĩ ném đĩa, đấu trường Cô-li-dê (Rô-ma), đền Pac-tê-nông (Hi Lạp),... |

*4/Củng* ***cố*** (Thời gian 2’)

Kể tên các thành tựu văn hoá của các quốc gia cổ đại phương Đông

\*Bài tập: Điền dấu đúng sai vào ô trống.

Người phương Đông và PTây đều dùng chữ tượng hình. Đ

Tháp Ba bi lon ở Hi Lạp. S

Kim tự tháp ở Lưỡng Hà. S

Người Hy Lạp và Rô - ma sáng tạo ra chữ viết a,b,c . Đ

*5/ Hướng dẫn học bài ở nhà* **(3’)**

- Học thuộc bài cũ.

- Nghiên cứu kỹ câu hỏi và trả lời câu hỏi trong SGK. Chuẩn bị giờ sau: Luyện tập- Tổng kết chủ đề:

1. Sử dụng trục thời gian (timeline) để củng cố mốc thời gian ra đời của các nhà nước cổ đại phương Đông và phương Tây?(cả lớp chuẩn bị)

2. Vẽ sơ đồ về các giai cấp trong xã hội cổ đại phương Đông và sơ đồ về các giai cấp trong xã hội cổ đại phươngTây? Em có nhận xét, đánh giá gì về vai trò của vua và sự tồn tại của chế độ chuyên chế cổ đại phương Đông; về vai trò, quyền lợi của giai cấp chủ nô?(Nhóm 1+2: mỗi nhóm một sơ đồ trên giấy A0 và kèm theo nhận xét)

3.So sánh sựkhác nhau về điều kiện tự nhiên, kinh tế và thể chế nhà nước, thành tựu văn hóa của các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây? Qua đó em có nhận xét gì?(Nhóm 3+4: Kẻ bảng trên giấy A0)

4. Nếu được đến thăm quan một công trình kiến trúc nổi tiếng của các quốc gia cổ đại phương Đông còn tồn tại đến ngày nay,hãy viết cho bạn em một bức thư kể về cảm xúc của em đối với công trình này?(Hoặc hãy giới thiệu một thành tựu văn hoá của cư dân cổ đại còn tồn tại đến ngày nay ?( Nhóm 5,6: viết một bức thư hoặc viết bài giới thiệu)

***Ngày 18/9/2017, TT CM duyệt***

*..............................................*

*.............................................*

Nguyễn Thị Lanh

**-------------------\*\*\*\*-----------------**

**Tiết 6**

Ngày soạn 23/9/2017

Ngày dạy 03/10/2017(6A1)

28/9/2017(6A2)

**LUYỆN TẬP- TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ**

**\* Chuẩn bị của giáo viên và học sinh**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Thiết bị dạy học: Lược đồ các quốc gia cổ đại, Tranh ảnh nói về những thành tựu văn hóa của các quốc gia cổ đại phương Đông và Tây để minh họa, Máy vi tính kết nối máy chiếu.

- Học liệu (tư liệu tham khảo): Tư liệu lịch sử 6, Tranh ảnh có liên quan.

- Các tài liệu tham khảo có liên quan.

- Phiếu học tập, giấy A0, A4, bút dạ.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh liên quan đến nội dung chủ đề.

- Tìm hiểu 1 số thông tin về liên quan tới chủ đề.

- Chuẩn bị bài tập theo nhóm và cá nhân dưới sự hướng dẫn của GV.

\* **Hoạt động học tập**

Giới thiệu bài (1 phút): Để hiểu sâu sắc kiến thức về sự hình thành sớm của các nhà nước cổ đại phương Đông, tổ chức bộ máy nhà nước, tình hình kinh tế, sự phân hóa các tầng lớp xã hội và những thành tựu văn hóa mà nhân dân nước phương Đông đã sáng tạo ra, tiết hộc này cô cùng các em luyện tập và tổng kết chủ đề...

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thày và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (Thời gian 15 phút)  **Hoạt động 1** (Thời gian 33 phút)  **1. Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa và nâng cao kiến thức về sự hình thành sớm của các nhà nước cổ đại phương Đông, tổ chức bộ máy nhà nước, tình hình kinh tế, sự phân hóa các tầng lớp xã hội và những thành tựu văn hóa mà nhân dân nước phương Đông đã sáng tạo ra.  **2. Phương thức**  *- Phương pháp dạy học:* vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận*- Kĩ thuật* động não, chia nhóm,trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn.  *- Hình thức:* dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân  *- Chuyển giao nhiệm vụ:*Yêu cầu HS:  1. Vẽ sơ đồ trục thời gian để củng cố mốc thời gian ra đời của các nhà nước cổ đại phương Đông và phương Tây?(cả lớp chuẩn bị vào phiếu học tập)  2. Vẽ sơ đồ về các giai cấp trong xã hội cổ đại phương Đông và? Em có nhận xét, đánh giá gì về vai trò của vua và sự tồn tại của chế độ chuyên chế cổ đại phương Đông; (Nhóm 1+2: mỗi nhóm một sơ đồ trên giấy A0 và kèm theo nhận xét)  *- Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* HS vẽ sơ đồ (trên lớp hoặc ở nhà).  *- Báo cáo sản phẩm:* GV kiểm tra bài tập 1 được giao về nhà. Hs đại diện 2 nhóm lên bảng đính Sơ đồ và trình bày sản phẩm.  *- Nhận xét, đánh giá:* GV nhận xét đánh giá việc thực hiện bài tập của HS.  **3. Dự kiến sản phẩm**  - HS vẽ sơ đồ trục thời gian về thời gian ra đời của các nhà nước cổ đại phương Đông và sơ đồ về các giai cấp trong xã hội cổ đại phương Đông. | **I. Luyện tập**  **Bài tập 1**  **Bài tập 2** |

- Sơ đồ trục thời gian:

Ai Cập, Lưỡng Hà Ấn Độ Trung Quốc Hi lạp, Rô-ma

TNK IV TCN TNK III TCN TNK III TCN TNK I TCN

- Sơ đồ xã hội cổ đại phương Đông

**Quý tộc**

**Nông dân công xã**

**Nô lệ**

**Vua**

- Nhận xét

+ Về tổ chức bộ máy nhà nước: đứng đầu là vua, dưới vua là bộ máy hành chính từ TW đến địa phương gồm toàn quý tộc.

+ Chế độ chuyên chế cổ đại là chế độ nhà nước của xã hội có giai cấp đầu tiên ở phương Đông, trong đó vua là người đứng đầu, có quyền lực tối cao (vua nắm cả pháp quyền và thần quyền), có tên gọi khác nhau ở mỗi nước…

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| *- Chuyển giao nhiệm vụ:*Yêu cầu HS: So sánh sựkhác nhau về điều kiện tự nhiên, kinh tế và thể chế nhà nước, thành tựu văn hóa của các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây? Qua đó em có nhận xét gì?(Nhóm 3+4: Kẻ bảng trên giấy A0)  *- Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* HS chuẩn bị bảng nhóm trên giấy A0 (ở nhà).  *- Báo cáo sản phẩm:* Hs đại diện 2 nhóm lên bảng đính bảng nhóm giấy A0 và trình bày sản phẩm.  *- Nhận xét, đánh giá:* Hs hoán đổi vị trí, chấm điểm, dánh giá cho nhau/GV nhận xét đánh giá việc thực hiện bài tập của HS, cho điểm.  **\*Dự kiến sản phẩm** | **Bài tập 3** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia cổ đại** | **Điều kiện**  **tự nhiên** | **Kinh tế chính** | **Cơ cấu xã hội** | **Thể chế nhà nước** | **Thành tựu**  **văn hóa** |
| Phương Đông | Thuận lợi, đất đai ven sông màu mỡ, dễ trồng trọt. | Nông nghiệp | 3 tầng lớp: Nông dân, quý tộc, nô lệ. | C.độ quân chủ chuyên  chế. | - Thiên văn và lịch pháp: lịch âm và lịch dương; đồng hồ đo thời gian.  - Họ đã tạo ra chữ tượng hình Ai Cập, chữ tượng hình Trung Quốc.  - Các ngành khoa học  *Toán học*  + Người Ai Cập nghĩ ra phép đếm 10, rất giỏi hình học  + Chữ số: sáng tạo ra số ( Pi=3,16) toán học.  + Người Lưỡng Hà giỏi về số học đề tính toán  + Người Ấn Độ tìm ra số 0  *Kiến trúc:* thành Ba bi lon (Lưỡng Hà), Kim tự tháp (Ai Cập). |
| Phương Tây | - Địa hình đồi núi vừa hiểm trở, đi lại khó khăn vừa ít đất trồng, chủ yếu là đất đồi khô cứng.  - Có biển bao bọc, bờ biển khúc khuỷu tạo ra nhiều vịnh, nhiều hải cảng tự nhiên an toàn, thuận lợi cho tàu bè đi lại vùng biển, có nhiều đảo nằm rải rác | Công thương  nghiệp | 2 g/cấp chính: chủ nô, nô lệ | Dân chủ chủ nô (Chiếm hữu nô lệ) | - Thiên văn và lịch pháp: Hiểu biết về thiên văn, làm ra lịch dựa trên quy luật của Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời.  (lịch dương)  - Chữ viết: sáng tạo ra hệ chữ cái a,b, c(ban đầu gồm 20 chữ cái).  - Các ngành khoa học  *Toán học:* Ta-lét, Pi-ta-go.  *Vật lí:* Ác-xi-mét .  *Triết học:* Pla-tôn, A-ri-xtốt.  *Sử học:* Hê-rô-đốt, Tu-xi-đít.  *Địa:* Xtơ-ra-bôn .  *Văn học:* Văn học cổ Hy lạp phát triển phát triển rực rỡ với bộ sử thi I-li-at- Ôđixê nổi tiếng thế giới.  *Kiến trúc điêu khắc:* Nhiều kiệt tác: tượng lực sĩ ném đĩa, đấu trường Cô-li-dê (Rô-ma), đền Pac-tê-nông (Hi Lạp),... |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG** (Thời gian 18 phút)  **1. Mục tiêu:** Nhằm vận dụng, liên hệ mở rộng kiến thức HS được học về những giá trị mà các quốc gia cổ đại phương Đông còn để lại cho các quốc gia này hiện nay.  **2. Phương thức**  *- Phương pháp dạy học:* vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận*- Kĩ thuật* động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn.  *- Hình thức:* dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân  *- Chuyển giao nhiệm vụ*  1. Nếu được đến thăm quan một công trình kiến trúc nổi tiếng của các quốc gia cổ đại phương Đông còn tồn tại đến ngày nay: Hãy viết cho bạn em một bức thư kể về cảm xúc của em đối với công trình này.  2. Hãy giới thiệu một thành tựu văn hoá của cư dân cổ đại phương Tây còn tồn tại đến ngày nay.  *- Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* thực hiện tại nhà.  *- Báo cáo sản phẩm:* Hs nhóm 4 trình bàycác bức thư; nhóm 5 giới thiệu thành tựu.  *- Nhận xét, đánh giá: Hs nhận xét/đánh giá/GV đánh giá, kết luận*  **3. Dự kiến sản phẩm**  - Thư viết dưới dạng cảm nhận về một công trình kiến trúc phải nêu rõ được: tên kiến trúc, lí do vì sao chọn, những nét độc đáo của công trình, trách nhiệm của bản thân…  - Giới thiệu nội dung thành tựu, nét đặc sắc hoặc ý nghĩa của thành tựu đó đối với nhân loại.  **Hoạt động 2. Tổng kết chủ đề** *(Thời gian: 5 phút)*  *\* Mục tiêu:* hướng dẫn HS tổng kết chủ đề.  *\* Phương thức*  *- Phương pháp: vấn đáp, đọng não; KT: động não, trình bày 1’*  *- Hình thức: dạy học nhóm*  *- Chuyển giao nhiệm vụ*  1.Em hãy chỉ ra những điểm giống nhau giữa 3 bài học?  2. Em đánh giá như thế nào về Nnhững thành tựu văn hóa cổ đại nào còn có giá trị đến ngày nay?  *- Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* suy nghĩ thảo luận nhóm  *- Báo cáo sản phẩm: trả lời*  *- Nhận xét, đánh giá: Hs nhận xét/đánh giá/GV đánh giá, kết luận*  *\* Dự kiến sản phẩm*  - GV nhấn mạnh ý nghĩa các bài thuộc chủ đề: Những nhà nước đầu tiên đã hình thành ở phương Đông (Ai Cập, ấn Độ, Lưỡng hà, Trung Quốc) từ cuối thiên niên kỷ thứ IV, đầu thiên niên kỷ III TCN; ở phương Tây (Hi Lạp và Rô- ma) vào khoảng đầu thiên niên kỷ I TCN với điều kiện tự nhiên, nền tảng kinh tế, thể chế nhà nước và những thành tựu văn hóa khác nhau là cơ sở cho các quốc gia hiện đại, văn minh ngày nay. Chúng ta nhận thức và hiểu biết những giá trị đó để rút kinh nghiệm cho xã hội hiện tại và hướng đến tương lai tốt đẹp của loài người.  Đây là những thành tựu văn hoá quý giá , phong phú, đa dạng của người xưa trên nhiều lĩnh vực, thể hiện năng lực trí tuệ của loài người. Từ đó trân trọng, giữ gìn, bảo tồn và phát triển những thành tựu đó. | **Bài tập 4**  **Bài tập 5**  **II. Tổng kết chủ đề**  - Những nhà nước đầu tiên đã hình thành ở phương Đông  ở phương Tây  với điều kiện tự nhiên, nền tảng kinh tế, thể chế nhà nước và những thành tựu văn hóa khác nhau là cơ sở cho các quốc gia hiện đại, văn minh ngày nay.  - Đây là những thành tựu văn hoá quý giá , phong phú, đa dạng của người xưa trên nhiều lĩnh vực, thể hiện năng lực trí tuệ của loài người.  - Chúng ta cần trân trọng, giữ gìn, bảo tồn và phát triển những thành tựu đó. |

*4/Củng cố* (Thời gian 2 phút)

**\* Mục tiêu:** Giúp HS củng cố lại kiến thức trong chủ đề.

**\* Phương thức**

*- Phương pháp dạy học:* vấn đáp- *Kĩ thuật* động não, trình bày 1 phút.

*- Hình thức:* dạy học cả lớp

*- Chuyển giao nhiệm vụ*

1. Nhắc lại các kiến thức trong chủ đề

2. Điền dấu đúng sai vào ô trống.

Người phương Đông và phương Tây đều dùng chữ tượng hình.

Tháp Ba bi lon ở Hi Lạp.

Kim tự tháp ở Lưỡng Hà.

Người Hy Lạp và Rô - ma sáng tạo ra chữ viết a,b,c .

- Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ: suy nghĩ, động não

*- Báo cáo sản phẩm: Hs trình bày*

*- Nhận xét, đánh giá: HS/GV*

**\* Dự kiến sản phẩm**

- Các kiến thức: các quốc gia cổ đại, văn hóa cổ đại

- Bài tập: Điền dấu đúng sai vào ô trống.

Người phương Đông và phương Tây đều dùng chữ tượng hình. Đ

Tháp Ba bi lon ở Hi Lạp. S

Kim tự tháp ở Lưỡng Hà. S

Người Hy Lạp và Rô - ma sáng tạo ra chữ viết a,b,c . Đ

*5/ Hướng dẫn học bài ở nhà* (2’)

- Học thuộc bài cũ.

- Nghiên cứu kỹ câu hỏi và trả lời câu hỏi trong SGK. Chuẩn bị giờ sau ôn tập.

*1. Những dấu vết của người tối cổ (vượn người) được phát hiện ở đâu? Thời gian nào?Người tinh khôn khác người tối cổ ở điểm nào.(Nhóm 1+2)*

*2. Thời cổ đại (Phương Đông, P.Tây) có những quốc gia lớn nào ?Nêu những tầng lớp xã hội chính thời cổ đại? Về thể chế nhà nước, nhà nước phương Đông và nhà nước p.Tây có nhiều điểm khác nhau. Em hãy chỉ ra sự khác nhau đó ?(Nhóm 3)*

*3. Kể tên những thành tựu văn hoá lớn thời cổ đại? Những thành tựu nào được nhân loại ngày nay kế thừa? Từ những thành tựu trên, em có nhận xét gì về văn minh thời cổ đại ?(Nhóm 4)*

***Ngày 25/9/2017, TT CM duyệt***

*..............................................*

*.............................................*

Nguyễn Thị Lanh

**-------------------\*\*\*\*-----------------**

Soạn 06/10/2017

Giang 10/10/2017

12/10/2017 **Tiết 7, bài 7**

**ÔN TẬP**

**I/ Mục tiêu bài học:**

*1.Kiến thức:* HS nắm được các kiến thức cơ bản của phần lịch sử thế giới cận đại.

- Sự xuất hiện của con người trên trái đất.

- Các giai đoạn p.triển của thời nguyên thuỷ thông qua lao động sản xuất.

- Các quốc gia cổ đại

- Những thành tựu văn hoá lớn thời cổ đại, tạo cơ sở đầu tiên cho việc học tập phần lịch sử DT.

*2. Kỹ năng*:

- Kĩ năng bài dạy: quan sát, bước đầu tập so sánh và xác định các điểm chuẩn.

- Kĩ năng sống: nhận thức, tư duy sáng tạo, hợp tác, giải quyết vấn đề.

*3. Thái độ:* Bước đầu ý thức tìm hiểu về L.sử thế giới cổ đại.

*4. Định hướng phát triển năng lực HS*

- Năng lực chung: nhận thức, giao tiếp, sáng tạo, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực chuyên biệt: Tái hiện sự kiện, hiện tượng, nhân vật; so sánh, phân tích, phản biện, khái quát hóa; nhận xét, đánh giá rút ra bài học lịch sử từ những sự kiện, hiện tượng, vấn đề lịch sử, nhân vật.

**II/ Chuẩn bị của GV & HS**

**1. Thầy**:: Lược đồ thế giới cổ đại, tranh ảnh công trình thế giới nghệ thuật

**2. Trò**: Nghiên cứu và trả lời câu hỏi bài 7.

**III/ Phương pháp**

- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.

- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,

**IV/ Tiến trình lên lớp- Giáo dục**

*1. Ổn định tổ chức* (1’)

6A1: 6A2:

*2. Kiểm tra bài cũ:* (kết hợp trong giờ)

*3. Bài mới.*

**Hoạt động 1: Khởi động**

*- Thời gian: 1 phút*

*- Mục tiêu: Giới thiệu bài*

*- Phương pháp dạy học:* nêu vấn đề

*- Kĩ thuật dạy học: “trình bày một phút”*

*- Hình thức: dạy học cả lớp*

Chúng ta đã tìm hiểu xong phần Lịch sử thế giới cổ đại, các em đã nắm được những nét cơ bản của xã hội loài người từ khi xuất hiện đến cuối thời cổ đại. Các em đã biết loài người đã lao động và chuyển biến ntn, để dần dần đưa xã hội tiến lên và xây dựng quốc gia đầu tiên trên thế giới. Đồng thời đã sáng tao nên những thành tựu văn hoá quý giá để lại cho đời sau. Tiết học hôm nay chúng ta sẽ điểm lại những nét chính đó.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung ghi bảng** |
| **Hoạt động 1**  ***\* Thời gian 5’***  ***\* Mục tiêu:*** *yêu cầu HS nhắc lại kiến thức đã học: những dấu vết của người tối cổ*  ***\* Phương thức***  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  ***-*** *GV* yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi:  ***?*** *Những dấu vết của người tối cổ (vượn người) được phát hiện ở đâu? Thời gian nào*.  ***?*** *Căn cứ vào đâu để thấy được người tối cổ xuất hiện ở những địa điểm trên.*  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  - HS nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  *Dự kiến sản phẩm:*  Ở 3 địa điểm:  + Đông phi.  + Đảo Gia - va.  + Gần Bắc Kinh (Trung Quốc)  Thời gian: 3 - 4 triệu năm trước đây.  *-* Căn cứ: Hài cốt.  **GV:** gọi HS lên chỉ lược đồ 3 địa điểm trên bản đồ.  **Rút kinh nghiệm:**  .........................................................................  .........................................................................  **Hoạt động 2**  **\* Thời gian 7’**  **\* Mục tiêu*:*** yêu cầu HS so sánh được điểm khác nhau giữa người tối cổ và người tinh khôn.  ***\* Phương thức***  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  ***-*** *GV* yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi:  ***?*** *Người tối cổ chuyển thành người tinh khôn vào (t)? Nhờ đâu ?*  - HS suy nghĩ câu hỏi và trả lời  - HS nhận xét, bổ sung;  - GV nhận xét đánh giá  *Dự kiến sản phẩm:*  *4 vạn năm trước đây*  **H:**Người tối cổ người  tinh khôn  *nhờ lao động sản xuất*  ***-*** *GV* yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:  ***?*** *Người tinh khôn khác người tối cổ ở điểm nào?*  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  - HS nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  *Dự kiến sản phẩm:*  **-** *Con người:*  + Người tinh khôn: dáng, tay, trán cao, xương cốt, hộp sọ, cơ thể, không còn lớp lông bao phủ => cơ bản như người ngày nay.  + Người tối cổ: còn dáng dấp của động vật bậc cao.  **-** *Công cụ sản xuất:*  + Người tinh khôn: Tinh xảo, phong phú, đa dạng, nhiều chất liệu (đá, tre, gỗ, đồng.)  + Người tối cổ: it, chủ yếu bằng đá, mài một mặt  **-** *Tổ chức xã hội:*  + Người tinh khôn: sống theo thị tộc, biết làm nhà, ở chòi….  + Người tối cổ: sống thành từng bầy.  **Rút kinh nghiệm:**  .........................................................................  .........................................................................  **Hoạt động 3(3’)**  **\* Thời gian**  **\* Mục tiêu*:*** yêu cầu HS nhắc lại các quốc gia cổ đại lớn  ***\* Phương thức***  - Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, , - Kĩ thuật động não,thực hành có hướng dẫn,  - Hình thức: dạy học cá nhân  ***-*** *GV* yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi:  ***?*** *Thời cổ đại (Phương Đông, P.Tây) có những quốc gia lớn nào ?*  - HS suy nghĩ câu hỏi và trả lời cá nhân  - HS nhận xét, bổ sung;  - GV nhận xét đánh giá  *Dự kiến sản phẩm:*  **GV:** cho HS lên chỉ bản đồ.  - Phương Đông: Ai cập, Lưỡng Hà, Ấn độ Trung Quốc.  - P.Tây: Hi lạp, Rô ma.  **Rút kinh nghiệm:**  .........................................................................  .........................................................................  **Hoạt động 4: (3’)**  **\* Thời gian**  **\* Mục tiêu*:*** yêu cầu HS nhắc lại kiến thức đã học: những dấu vết của người tối cổ  ***\* Phương thức***  - Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.  - Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,  - Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân  **Hoạt động 5: (5’)**  \* Thời gian  \* Mục tiêu*:* yêu cầu HS nắm được thể chế nhà nước phương Đông và nhà nước p.Tây có nhiều điểm khác nhau  *\* Phương thức*  - Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.  - Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,  - Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân  *? Về thể chế nhà nước, nhà nước phương Đông và nhà nước p.Tây có nhiều điểm khác nhau. Em hãy chỉ ra sự khác nhau đó ?*  **Rút kinh nghiệm**:  .........................................................................  .........................................................................  **Hoạt động 6 (7’)**  **\* Thời gian**  **\* Mục tiêu*:*** yêu cầu HS nhắc lại kiến thức những thành tựu văn hoá lớn thời cổ đại.  ***\* Phương thức***  - Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.  - Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,  - Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân  ***?*** *Kể tên những thành tựu văn hoá lớn thời cổ đại ?*  *? Những thành tựu nào được nhân loại ngày nay kế thừa?*  **Rút kinh nghiệm:**  .........................................................................  .........................................................................  **Hoạt động 7 (3’)**  **\* Thời gian**  **\* Mục tiêu*:*** yêu cầu HS đánh giá giá trị các thành tựu văn minh thời cổ đại.  ***\* Phương thức***  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  - GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:  ? Em đánh giá ntn về giá trị các thành tựu văn minh thời cổ đại?  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  \* Dự kiến sản phẩm  **Rút kinh nghiệm:**  .........................................................................  ......................................................................... | **1/ Dấu vết của người tối cổ (vượn người) phát hiện ở đâu ?**  - Ở 3 địa điểm:  + Đông phi.  + Đảo Gia - va.  + Gần Bắc Kinh (Trung Quốc)  - Thời gian: 3 - 4 triệu năm trước đây.  **2/ Những điểm khác nhau giữa người tinh khôn và người tối cổ thời nguyên thuỷ**  => Giữa người tối cổ và người tinh khôn có sự khác nhau cơ bản về hình dáng, về cuộc sống, về sự chế tạo công cụ lao động. Ta thấy được vai trò của lao động trong sự tiến hoá từ vượn thành người.  **3/ Những quốc gia cổ đại lớn**  - Phương Đông: Ai cập, Lưỡng Hà, Ấn độ Trung Quốc.  - P.Tây: Hi lạp, Rô ma.  **4/Những tầng lớp xã hội chính ở thời cổ đại**  - Phương Đông: Quý tộc (vua, quan), nông dân công xã và nô lệ.  - P. Tây: Chủ nô, nô lệ.  **5/ Các loại nhà nước thời cổ đại**  - Nhà nước cổ đại Phương Đông: quân chủ chuyên chế (vua đứng đầu). .  - Nhà nước cổ đại P.Tây:chiếm hữu nô lệ. Gồm 2 tầng lớp: chủ nô, nô lệ.  **6/ Những thành tựu lớn thời cổ đại**  - Thiên văn học, làm ra lịch  - Chữ viết: tượng hình Ai Cập và Trung Quốc.  - Toán học:  + Tìm ra số đếm đến 10, giỏi về hình học, số học, tìm ra chữ số (Ấn Độ tìm ra số 0, số pi= 3,16, tìm ra bảng chữ cái a,b,c…  - Các ngành khoa học: toán, lý, triết, sử, địa,…  - Kiến trúc: kim tự tháp, thành Babilon; Đền páctênông (Aten), Đấu trường Côlidê (Rôma), tượng thần vệ nữ (Milô),..  - Văn học nghệ thuật: sử thi,…  **7/ Đánh giá các thành tựu văn minh thời cổ đại**  **-** Là những thành tựu văn hoá quý giá , phong phú, đa dạng của người xưa trên nhiều lĩnh vực, thể hiện năng lực trí tuệ của loài người…  - Chúng ta rất trân trọng, giữ gìn, bảo tồn và phát triển những thành tựu đó. |

*4/ Củng cố* **(3’)**

*\*Thời gian: 2 phút*

*\*Mục tiêu:Giúp HS hệ thống kiến thức toàn bài*

*- Phương thức:*

*- Phương pháp dạy học: vấn đáp*

*- Kĩ thuật dạy học: động não*

*- Hình thức: dạy học cả lớp*

**\* Bài tập**: GV phát phiếu:

*Khoanh tròn vào trước câu trả lời mà em cho là đúng.*

A- Khoảng 4 vạn năm trước đây, nhờ lao động sản xuất, người tối cổ trở thành người tinh khôn. Đ

B- Nhà nước cổ đại phương Đông là nhà nước quân chủ chuyên chế. Đ

C- Nhà nước cổ đại phương Tây là nhà nước chiếm hữu nô lệ. Đ

D- Người phương Đông sáng tao ra chữ cái a, b, c . S

Đ- Kim tự tháp ở Ấn độ là 1 kỳ quan thế giới. S

**GVKL toàn bài:** Trong phần Lịch sử thế giới, các em đã tìm hiểu 4 tiết. Cần năm vững 4 nội dung cơ bản vừa ôn.

- Loài người xuất hiện trên trái đất ntn? và vai trò của lao động trong quá trình chuyển biến của con người từ buổi đầu sơ khai đến khi tiếp cận với thời kì xuất hiện những quốc gia đầu tiên.

- Sự hình thành và đặc điểm các quốc gia cổ đại p. Đông.

- Sự hình thành và đặc điểm các quốc gia cổ đại p.Tây.

- Những thành tựu văn hoá thời cổ đại.

*5/ Hướng dẫn HB&CBBM* **(2’)**

- Học và trả lời các câu hỏi từ bài 1 -> bài 7.

- Chuẩn bị giờ sau : Bài 8- Thời nguyên thủy trên đất nước ta.

+ Dấu tích của người tối cổ

+ Người tinh khôn: giai đoạn hình thành và phát triển

+ Nghỉên cứu các bài tập.

***Ngày 09/10/2017, TT CM duyệt***

*..............................................*

*.............................................*

Nguyễn Thị Lanh

**Phần II**

**LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN THẾ KỈ X**

**Chương I: BUỔI ĐẦU LỊCH SỬ NƯỚC TA**

**\* Mục tiêu chương:** Chương này bao gồm những nội dung cơ bản sau:

Con người xuất hiện trên đất nước ta vào thời gian nào, ở đâu, họ đã sống và lao động như thế nào và trên cơ sở đó mở rộng vùng cư trú, phát triển xã hội của mình ngày càng cao để tạo nên những nền văn hóa có ý nghĩa trung tâm, tạo nền cho sự hình thành của thời đại mới**.**

**Soạn 14/10/2017**

**Giang 17/10/2017**

**19/10/2017**

**Tiết 8, bài 8**

**THỜI NGUYÊN THUỶ TRÊN ĐẤT NƯỚC TA**

**I. Mục tiêu bài học**

*1. Kiến thức:* qua bài cho HS hiểu

- Trên đất nước ta, từ xa xưa đã có con người sinh sống.

- Trải qua hàng chục vạn năm những con người đó đã chuyển dần từ Người tối cổ đến Người tinh khôn.- Thông qua sự quan sát các công cụ, giúp HS hiểu được giai đoạn phát triển của người nguyên thủy trên đất nước ta.

*2. Kĩ năng*

- Kĩ năng bài dạy: Rèn luyện cách quan sát, nhận xét, bước đầu biết so sánh.

**- Kĩ năng sống:** tư duy sáng tạo, hợp tác, giải quyết vấn đề.

*3. Thái độ:* - Bồi dưỡng cho HS rõ về lịch sử lâu đời trên đất nước ta

- Có ý thức lao động, xây dựng xã hội

*4. Định hướng phát triển năng lực HS*

- Năng lực nhận thức;

- Năng lực giải quyết vấn đề;

- Năng lực tư duy sáng tạo;

- Năng lực hợp tác;

- Năng lực thể hiện thái độ, xúc cảm, hành vi;

- Năng lực thực hành với đồ dùng trực quan.

- Năng lực so sánh, phân tích, phản biện, khái quát hóa;

**II. Chuẩn bị của GV& HS**

**1.Giáo viên:** Soạn giáo án, tham khảo tài liệu, ứng dụng CNTT: tranh ảnh, lược đồ Việt Nam, bộ mô phỏng dụng cụ và đồ dùng của người nguyên thuỷ.

**2. Học sinh**: Nghiên cứu và trả lời câu hỏi bài 8.

**III.Phương pháp:**

- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.

- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn.

**IV. Tiến trình lên lớp – Giáo dục:**

*1. Ổn định tổ chức (1’)*

+ 6A1

+ 6A2

*2. Kiểm tra bài cũ:* (5’)

*H:* - Kể tên những quốc gia lớn thời cổ đại?

- Nêu những thành tựu lớn của thời cổ đại ?

*3. Bài mới:*

**Hoạt động 1: Khởi động(tình huống xuất phát)**

*\* Thời gian: 1phút*

*\* Mục tiêu: Giới thiệu bài*

*\* Phương thức*

*- Phương pháp dạy học:* nêu vấn đề, vấn đáp

*- Kĩ thuật dạy học: “trình bày một phút”*

*- Hình thức: dạy học cả lớp*

Cũng như một số nước trên thế giới, nước ta cũng có một lịch sử lâu đời, cũng đã trải qua các thời ki của xã hội nguyên thủy và xã hội cổ đại. Bài 8, chúng ta sẽ nghiên cứu thời kì đầu tiên của con người trên đất nước ta thời cổ đại.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 2**  \* Thời gian:10 p  \* Mục tiêu: *HS nắm được những dấu tích của người tối cổ cách đây khoảng 40-30 vạn năm.*  \* Phương thức:  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  HS: nghiên cứu mục 1 SGK – 22,23.  GV: trình chiếu lược đồ  *- GV* yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi:  ? Nước ta xưa kía như thế nào?  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  *- HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kếtquả làm việc các nhóm  - Rừng núi rậm rạp, nhiều hang động  - Sông rất nhiều, bờ biển dài cho tôm cá, đất đai màu mỡ  - Khí hậu hai mùa nóng lạnh rõ rệt  =>Tất cả thiên nhiên thuận lợi cho cây cối muông thú cuộc sống của cả con người  *- GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:*  ? Vì sao thực trạng cảnh quan đó lại rất quan trọng đối với Người nguyên thủy?  *- HS suy nghĩ câu hỏi*  *- HS trình bày*  *- HS/ GV nhận xét, bổ sung*  Họ chủ yếu sống dựa vào thiên nhiên | 1.Những dấu tích của người tối cổ được tìm thấy ở đâu ?  - Người tối cổ: cách nay khoảng 4-5 triệu năm, 1 loài vượn cổ đã chuyển từ trên cây xuống đất kiếm ăn, biết dùng công cụ thô sơ để kiếm ăn; Sống thành từng bầy trong các hang động, sống bằng hái lượm và săn bắt; hoàn toàn phụ thuộc vào thiên nhiên. |
| *- GV yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi:*  **?** Người tối cổ là những người ntn?  **?** Cho biết người tối cổ trên đất nước ta xuất hiện trong khoảng thời gian nào?Di tích có ở những đâu?  *- GV yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi (****Tích hợp kĩ năng sống: tư duy sáng tạo, hợp tác, giải quyết vấn đề)***  *- HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.*  *- Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận*  *- HS nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm*  **-** Từ năm 1960-1965, các nhà khảo cổ học đã phát hiện thấy di tích người tối cổ: Xương, răng, công cụ lao động, đồ dùng của người xưa.  **-** Răng này vừa có đặc điểm của răng vượn, vừa có đặc điểm của răng người, vì họ còn “ăn tươi nuốt sống”  - Di tích: Hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hải (Bình Gía, Lạng Sơn  **?** Ngoài di tích ở Lạng Sơn, người tối cổ còn cư trú ở địa phương nào trên đất nước ta?  **GV:** trình chiếu lược đồ SGK - 26.  - GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi: ? Nhận xét về địa điểm sinh sống của Người tối cổ trên đất nước ta?  *(****Tích hợp kĩ năng sống: tư duy sáng tạo, hợp tác, giải quyết vấn đề)***  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  Người tối cổ sống trên mọi miền nước ta, tập trung chủ yếu ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. | - Cách đây khoảng 40-30 vạn năm Người tối cổ sinh sống ở khắp nơi trên đất nước ta (gần: sông, suối, ven biển)  - Di tích ở:  + Hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hải (Bình Gía, Lạng Sơn) tìm thấy răng của Người tối cổ => Việt Nam là nơi có dấu tích của người tối cổ sinh sống. |
| **GV:** Với công cụ thô sơ song cuộc sống của con người dần ổn định đi lên. Nhưng thời gian này rất dài lâu chậm chạp. Vậy ở giai đoạn đầu người tinh khôn sống ntn?  **Rút kinh nghiệm:**  .....................................................................  .....................................................................  ***Hoạt động 3***  ***\* Thời gian:10 p***  ***\* Mục tiêu: HS nắm được cuộc sống ở giai đoạn đầu của người tinh khôn.***  ***\* Phương thức:***  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  **HS:** nghiên cứu SGK - 23 .  ***-*** *GV* yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:  **Nhóm 1**  **?** Người tối cổ trở thành người tinh khôn từ bao giờ trên đất nước Việt Nam?  **?** Di tích Người tinh khôn được tìm thấy ở đâu?  **?** Người tinh khôn sống ntn ?  **Nhóm 2**  **GV trình chiếu, Hs** Quan sát công cụ hình 19-20 SGK  **?** So sánh công cụ hình 19-20 SGK, rút ra nhận xét về sự sự khác biệt ?  **?** Với công cụ bằng đá được cải tiến, cuộc sống của Người tinh khôn ntn?  - Năng suất lao động cao hơn, nguồn thức ăn nhiều hơn => cuộc sống dần ổn định không dựa tất cả vào thiên nhiên.  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  *- HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm/chốt.  **Rút kinh nghiệm:**  .....................................................................  .....................................................................  ***Hoạt động 4***  *\* Thời gian:13 p*  *\* Mục tiêu: HS nắm được cuộc sống ở giai đoạn phát triểncủa người tinh khôn.*  *\* Phương thức:*  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  **HS:** Nghiên cứu 3 SGK – 23,24.  ***-*** *GV* yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:  **Nhóm 1+2**  **?** Những dấu tích của Người tinh khôn được tìm thấy ở những địa phương nào trên đất nước ta?  **?** Bằng phương pháp hiện đại – phóng xạ cacbon, người ta xác dịnh người nguyên thủy sống cách đây khoảng bao nhiêu năm?  **GV trình chiếu** hình 21,22,23 SGK – 24 (hoặc hiện vật phục chế).  **?** Em có nhận xét gì về những công cụ lao động này?  **Nhóm 3+4**  **?** Ngoài việc chế tạo công cụ bằng đá người nguyên thuỷ còn biết chế tạo công cụ và đồ dùng nào?  **?**Công cụ lao động được cải tiến làm cho cuộc sống của người nguyên thuỷ có gì khác?  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  *- HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  **GV sơ kết**  Thời nguyên thủy trên đất nước ta được chia làm hai giai đoạn:  - Người tối cổ (sống cách đây hàng triệu năm)  - Người tinh khôn (sống cách đây hàng vạn năm)  => là sự phát triển phù hợp với lịch sử thế giới.  *- GV yêu cầu HS suy nghĩ thảo luận nhóm* bàn *trả lời câu hỏi:*  **?** Giải thích câu nói của Bác Hồ trong phần đóng khung?  *- HS suy nghĩ câu hỏi*  *- HS trình bày*  *- HS/ GV nhận xét, bổ sung*  - Người Việt Nam phải biết Lịch sử Việt Nam, biết rõ quá trình phát triển qua các giai đoạn, để hiểu và rút kinh nghiệm của quá khứ, sống trong hiên tại tốt đẹp và hướng đến tương lai rực rỡ hơn.  **Rút kinh nghiệm:**  .....................................................................  ..................................................................... | + Ở Quan Yên, Núi Đọ (Thanh Hoá), Xuân Lộc (Đồng Nai) phát hiện công cụ đá được ghè đẽo thô sơ.  => Chúng ta có thể khẳng định: Việt Nam là một trong những quê hương của loài người.  **2. Ở giai đoạn đầu Người tinh khôn sống ntn?**  - Cách đây khoảng 3-2 vạn năm, Người tối cổ chuyển dần thành Người tinh khôn.  - Di tích có ở: Mái đá Ngườm (Võ Nhai, Thái Nguyên), Sơn Vi (Phú Thọ), nhiều nơi khác ở Lai Châu, Sơn La, Bắc Giang, Thanh Hoá, Nghệ An.  - Họ cải tiến việc chế tác công cụ đá. Từ ghè đẽo thô sơ đến những chiếc rìu đá mài nhẵn, sắc phần lưỡi để đào bới thức ăn.  - Công cụ vẫn bằng đá nhưng ngày càng được chế tác tinh xảo, gọn, rõ hình thù, sắc bén hơn.  - Năng suất lao động cao hơn, nguồn thức ăn nhiều hơn => cuộc sống dần ổn định không dựa tất cả vào thiên nhiên.  **3.Giai đoạn phát triển của người tinh khôn có gì mới ?**  - Họ sống ở Hoà Bình, Bắc Sơn (Lạng Sơn), Quỳnh Văn (Nghệ An), Hạ Long (QNinh), Bàu Tró ( QBình)  - Cách ngày nay khoảng 12.000-4000 năm  - Công cụ bằng đá phong phú, đa dạng, hình thù gọn hơn; họ biết mài ở lưỡi cho sắc bén hơn, tay cầm của rìu được cải tiến dễ cầm hơn. Ngoài ra, còn có công cụ  - Người nguyên thuỷ biết làm đồ gốm và cuốc đá.  - Năng suất lao động cao hơn, cuộc sống ổn định và được cải thiện hơn. |

*4. Củng cố*

*\* Thời gian: 3phút*

*\*Mục tiêu:Giúp HS hệ thống kiến thức toàn bài*

*\*Phương thức*

*- Phương pháp dạy học: vấn đáp*

*- Kĩ thuật dạy học: động não*

*- Hình thức: dạy học cả lớp*

**?** Lập bảng thống kê các giai đoạn phát triển của người nguyên thuỷ ở nước ta?

- Giai đoạn: tối cổ tinh khôn

- Thời gian mở đầu kết thúc

- Công cụ điển hình (chế tác đá)

*5. Hướng dẫn HB&CBBM***(2’)**

- Học bài, trả lời câu hỏi cuối bài

- Chuẩn bị: Đời sống của người nguyên thủy trên đất nước ta.

***Ngày 16/10/2017, TT CM duyệt***

*..............................................*

*.............................................*

Nguyễn Thị Lanh

-------------------\*\*\*\*-----------------

Soạn 20/10/2017

Giang 24/10/2017

26/10/2017

**Tiết 9, bài 9**

**ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI NGUYÊN THUỶ**

**TRÊN ĐẤT NƯỚC TA**

**A/ Mục tiêu bài học**

1. Kiến thức

- Hiểu được ý nghĩa quan trọng của những đổi mới trong đ/sống vật chất của người nguyên thuỷ thời Hoà Bình- Bắc Sơn.

- Ghi nhận tổ chức xã hội đầu tiên của người nguyên thuỷ và ý thức nâng cao đ/sống tinh thần của họ.

2. Kĩ năng

- Kĩ năng bài dạy: Rèn kỹ năng nhận xét , so sánh.

- Kĩ năng sống: nhận thức, tư duy sáng tạo, hợp tác, giải quyết vấn đề.

3. Thái độ: Bồi dưỡng cho Hs ý thức về lao động và tinh thần cộng đồng.

4. Định hướng phát triển năng lực HS

- Năng lực nhận thức;

- Năng lực giải quyết vấn đề;

- Năng lực tư duy sáng tạo;

- Năng lực hợp tác;

- Năng lực thể hiện thái độ, xúc cảm, hành vi;

- Năng lực thực hành với đồ dùng trực quan.

- Năng lực so sánh, phân tích, phản biện, khái quát hóa;

**B/ Chuẩn bị của GV& HS**

**1. Thầy:** Soạn giáo án, tham khảo tài liệu, ứng dụng CNTT: Tranh ảnh, hiện vật phục chế.

**2.** **HS:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

**C/ Phương pháp – Kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.

- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn.

**D/ Tiến trình dạy - học - giáo dục**

*I. Ổn định tổ chức* (1’)

+ 6A1

+ 6A2

*II. Kiểm tra bài cũ:*(5’)

? Nêu các giai đoạn phát triển của người nguyên thuỷ trên đất nước ta?

Thời nguyên thủy trên đất nước ta được chia làm hai giai đoạn:

- Người tối cổ (sống cách đây hàng triệu năm: 40-30 vạn năm); Người tinh khôn (sống cách đây hàng vạn năm: 3-2 vạn năm)

*III. Giảng bài mới*

Hoạt động 1: Khởi động(tình huống xuất phát)

*\* Thời gian: 1 phút*

*\*Mục tiêu: Giới thiệu bài*

*\* Phương thức:*

*- Phương pháp dạy học:* nêu vấn đề, vấn đáp

*- Kĩ thuật dạy học: “trình bày một phút”*

*- Hình thức: dạy học cả lớp*

Thời nguyên thuỷ trên đất nước ta trải qua giai đoạn: người tối cổ, người tinh khôn (giai đoạn đầu và giai đoạn p.triển). Ở mỗi giai đoạn đều được đánh dấu bởi việc chế tác công cụ sản xuất của người nguyên thuỷ. Ngoài việc chế tác công cụ đẻ nâng cao đ/sống vật chất , người nguyên thuỷ còn chú ý đến đời sống tinh thần. Ở thời Bắc Sơn, Hoà Bình, Hạ Long đời sống tinh thần vật chất của họ như thế nào. Chúng ta tìm hiểu bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung bài học** |
| **Hoạt động 2**  \* Thời gian 13’  \* Mục tiêu: Hiểu được ý nghĩa quan trọng của những đổi mới trong đ/sống vật chất của người nguyên thuỷ thời Hoà Bình- Bắc Sơn.  \* Phương thức:  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  H: Nghiên cứu đoạn 1, SGK – 27;  GV trình chiếu cho HS xem hình 25 - SGK  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm lời câu hỏi:  **Nhóm 1**  **?** Trong quá trình sinh sống, người nguyên thủy Việt Nam làm gì để nâng cao năng suất lao động?  **?** Công cụ chủ yếu làm bằng gì?  **?** Em hãy chỉ ra sự cải tiến đó.  **?** Công cụ ban đầu của người Sơn Vi (đồ đã cũ) được chế tác ntn?  **?** Đến thời Hòa Bình - Bắc Sơn (đồ đá giữa và đồ đá mới), người nguyên thủy Việt Nam chế tác công cụ lao động ntn?  **Nhóm 2: ?** Việc làm đồ gốm có gì khác so với việc làm công cụ bằng đá?  **?** Những điểm mới về công cụ sản xuất của thời Hoà Bình, Bắc Sơn là gì ?  Đồ đá tinh sảo hơn.  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  - HS nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  Dự kiến: Nhóm 1:  - Sự cải tiến đó: Ghè đẽo thô sơ-> mài mỏng-> sắc hơn-> đẹp hơn.)  - Đồ gốm là phát minh quan trọng nhất  Nhóm 2  - Việc làm đồ gốm khác so với việc làm công cụ bằng đá: Đất-> nặn-> nung => Chứng tỏ công cụ sản xuất được cải tiến. Đời sống của người nguyên thuỷ được nâng cao hơn…  **HS:** Nghiên cứu đoạn tt (tr 28)  *- GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:*  **?** Ý nghĩa của việc trồng trọt, chăn nuôi ?  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  **Rút kinh nghiệm:**  .....................................................................  .....................................................................  ***Hoạt động 3***  *\* Thời gian 10 p*  *\* Mục tiêu: HS ghi nhận tổ chức xã hội đầu tiên của người nguyên thuỷ: quan hệ huyết thống với chế độ thị tộc mẫu hệ.*  *\* Phương thức:*  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  **HS:** nghiên cứu- SGK tr 28.  **-** GV yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi:  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  **?** Người nguyên thủy Hòa Bình - Bắc Sơn sống ntn ? Quan hệ xã hội ra sao?  **?** Cơ sở nào giúp ta khẳng định như vậy?  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  - HS nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  **-**  Chế độ thị tộc mẫu hệ là tổ chức xã hội đầu tiên của loài người, lúc đó vị trí của người phụ nữ trong xã hội và gia đình (thị tộc) rất quan trọng (kinh tế hái lượm và săn bắn, cuộc sống phụ thuộc nhiều vào người phụ nữ). Trong thị tộc có người đứng đầu để lo việc làm ăn, đó là người mẹ lớn tuổi nhất. Lịch sử gọi đó là thời kỳ thị tộc mẫu hệ.  **-** Hang động có lớp vỏ sò dày 3-> 4 m .  **Rút kinh nghiệm:**  .....................................................................  .....................................................................  **Hoạt động 4**  *\* Thời gian: 10 p*  *\* Mục tiêu: HS nắm và ghi nhận ý thức nâng cao đời sống tinh thần của người nguyên thuỷ: làm đồ trang sức, khiếu thẩm mĩ.*  *\* Phương thức:*  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  **HS:** Nghiên cứu 3 SGK, quan sát tranh và H 26.  GV: Đây là những vòng tai, khuyên tai bằng đá, dùng để trang sức.  *- GV* yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi:  **?** Ngoài lao động sản xuất, người Hòa Bình - Bắc Sơn còn biết làm gì ? Làm bằng gì?  **?** Theo em, sự xuất hiện của những đồ trang sức đó có ý nghĩa gì.  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  *- HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  **GV trình chiếu hình** **H 27.**  *- GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:*  **?** Miêu tả, hình đó nói lên điều gì ?  **?** Việc chôn lưỡi cuốc (công cụ) theo người chết có ý nghĩa gì ?  *- HS suy nghĩ câu hỏi*  *- HS trình bày*  *- HS/ GV nhận xét, bổ sung*  *-*  Quan hệ thị tộc (mẹ con, anh em ngày càng gắn bó hơn).  - Người nguyên thuỷ Hoà Bình, Bắc Sơn quan niệm rằng, người chết sang thế giới bên kia vẫn phải lao động, đã có sự phân biệt giàu nghèo.  **GV sơ kết:** *Đời sống V/C, tinh thần của người nguyên thuỷ Hoà Bình, bắc Sơn phong phú hơn, xã hội đã có sự phân biệt giàu nghèo.*  **Rút kinh nghiệm:**  .....................................................................  ..................................................................... | **1/ Đời sống vật chất.**  - Người nguyên thuỷ luôn tìm cách cải tiến công cụ lao động,  - Công cụ chủ yếu bằng đá.  + Thời Vi Sơn: Họ chỉ biết ghè đẽo các hòn cuội ven suối làm rìu,  + Thời Hoà Bình, Bắc Sơn:  Họ biết mài, chế tác nhiều loại công cụ khác nhau: rìu mài vát một bên, có chuôi tra cán, chày; ngoài ra họ còn dùng tre, gỗ, xương, sừng đặc biệt là biết làm đồ gốm => Dấu hiệu của thời kì đồ đá mới.  - Họ còn biết trồng trọt như rau, đậu, bầu bí…biết chăn nuôi chó, lợn…  => Con người tự tạo ra lương thực, thức ăn cần thiết, cuộc sống ổn định hơn, ít phụ thuộc vào thiên nhiên.  - Họ sống chủ yếu ở hang động, mái đá, làm túp lều lợp cỏ cây  **2/ Tổ chức xã hội.**  - Người nguyên thuỷ sống thành từng nhóm ở vùng thuận tiện, định cư lâu dài ở một nơi.  - Quan hệ xã hội được hình thành, đó là quan hệ huyết thống (cùng chung một dòng máu, có họ hàng với nhau); tôn người mẹ lớn tuổi nhất làm chủ => gọi là chế độ *thị tộc mẫu hệ.*  **3/ Đời sống tinh thần**  - Họ biết làm đồ trang sức: vỏ ốc được xuyên lỗ, vòng tay, khuyên tai bằng đá, chuỗi hạt bằng đất nung.  => Cuộc sống vật chất của con người ngày càng ổn định, cuộc sống tinh thần phong phú hơn, họ có nhu cầu làm đẹp.  - Họ đã có khiếu thẩm mĩ, biết vẽ trên hang đá, những hình mô tả cuộc sống tinh thần.  - Họ có quan niệm tín ngưỡng (chôn công cụ lao động cùng với người chết). |

*IV. Củng cố*

*- Thời gian: 3 phút*

*- Mục tiêu:Giúp HS hệ thống kiến thức toàn bài*

*- Phương pháp dạy học: vấn đáp*

*- Kĩ thuật dạy học: động não*

*- Hình thức: dạy học cả lớp*

\* Bài tập: Điền dấu đúng sai vào ô trống sau.

**?** Những điểm mới trong đời sống vật chất, xã hội và tinh thần của người nguyên thuỷ thời kỳ Hoà Bình, Bắc Sơn, Hạ Long.

Công cụ đá, rìu, ghè đẽo. S

Công cụ rìu mài, đá, bôn chày, tre, gỗ, sừng, xương, gốm. Đ

Biết chăn nuôi, trồng trọt. Đ

Quan hệ xã hội thị tộc. S

Biết làm đồ trang sức. Đ

*V. Hướng dẫn HB& CBBM:* **(2’)**

- Học và nắm vững nội dung bài.

- Chuẩn bị kiến thức, tiết 10 kiểm tra 45 phút.

- GV hướng nội dung ôn tập kiểm tra- Sơ lược về môn lịch sử :

+ Công cụ sản xuất

+ Sự hình thành các quốc gia cổ đại

+ Người tối cổ và thành tựu văn hóa

+ Đời sống tinh thần

***Ngày 23/10/2016, TTCM duyệt***

*..............................................*

*.............................................*

Nguyễn Thị Lanh

-------------------\*\*\*\*-----------------

**Soạn 27/10/2017**

**Giảng 31/10/10/2017**

**02/11/2017 Tiết 10**

**KIỂM TRA (1 Tiết)**

**A / Mục tiêu**

- Kiểm tra đánh giá khả năng tiếp thu bài của học sinh từ tiết 1 đến tiết 9

-Giúp các em nhớ lâu hơn các sự kiện lịch sử

-Giáo dục tính tự giác trong quá trình làm bài

**B / Hình thức đề kiểm tra**

**-** Trắc nghiệm và tự luận

**C/ Thiết lập ma trận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức  độ  Chủ đề | NhËn biÕt | | Thông hiểu | | VD cÊp độ thÊp | | VD  cÊp cao | | Tổng  đtểm |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TN | TL | TN | TL |
| 1. Cách tính gian trong lịch sừ | Häc sinh cÇn ph©n biÖt ©m lÞch, d­¬ng lÞch |  |  |  |  | Hiểu các k/n: “ thế kỉ”, “thập kỉ”, “thiên niên kỉ”; thời gian “trước công nguyên”, “sau công nguyên” vận dụng vào bài làm |  |  |  |
| *S*ố câu  *S*ố điểm  *Tỉ l*ệ *%* | 1  0.25  2.5% |  |  |  |  | 1  2  20% |  |  | *2*  *2.25*  *22,5 %* |
| 2. Các quốc gia cổ đại ph/Đông | Nắm những tầng lớp xã hội cổ đại ph/ Đông |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *S*ố câu  *S*ố điểm  *Tỉ l*ệ *%* | 1  0,.25  2,5% |  |  |  |  |  |  |  | *2*  *1,25*  *12,5 %* |
| 3. Các quốc gia cổ đại ph/Tây |  |  | Nắm những tầng lớp xã hội cổ đại ph/ Tây |  |  |  |  |  |  |
| *S*ố câu  *S*ố điểm  *Tỉ l*ệ *%* |  |  | 1/4  0,25  2,5% |  |  |  |  |  |  |
| 4. Văn hoá cổ đại | Nắm những  Thành tựuVH đa dạng, phong phú, .. |  | Hiểu những thành tựu VH phg Đông thời cổ đại đặc biệt là chữ số |  |  |  |  |  |  |
| *S*ố câu  *S*ố điểm  *Tỉ l*ệ *%* | 6  1,5  15% |  | 1/4  0.25  2,5% |  |  |  |  |  | *6*  *1,5*  *15%* |
| 5. Thời nguyên thuỷ trên đất nước ta |  |  | Thông qua quan sát các công cụ giúp học sinh phân biệt và hiểu được các giai đoạn phát triển của người nguyên thuỷ trên đất nước ta |  |  |  |  | Nắm cuộc sống của người tinh khôn có những điểm tiến bộ hơn người tối cổ |  |
| *S*ố câu  *S*ố điểm  *Tỉ l*ệ *%* |  |  | 1/4  0,25  2,5% |  |  |  |  | 1  3  30% | *1*  *3*  *30%* |
| 6. Đời sống của người nguyên thuỷ trên đất nước ta |  |  | Hiểu được ý nghĩa quan träng của những đổi mới trong đời sống v/c của người nguyên thuỷ thời Hoà Bình -Bắc Sơn |  |  |  |  | Hiểu được ý nghĩa quan träng của những đổi mới trong đời sống v/c và tinh thần của người nguyên thuỷ thời Hoà Bình -Bắc Sơn |  |
| *S*ố câu  *S*ố điểm  *Tỉ l*ệ *%* |  |  | 1/4  0,25  2,25% |  |  |  |  | 1  2  20% | *1*  *2*  *20%* |
| *S*ố câu  *S*ố điểm  *Tỉ l*ệ *%* | 8  2  20% |  | 1  1  10% |  |  | 1  2  20% |  | 2  5  50% | 12  10  100*%* |

**IV. Biên soạn đề bài & biểu điểm**

**I. Phần trắc nghiệm:** (3 đ) Khoanh tròn vào chữ cái đầu em cho là đúng

Câu1 “Ngày 17 tháng 9 năm Kỷ sửu” là thuộc loại lịch nào ?

A. Công lịch. B. Dương lịch. C. Âm lịch

Câu 2. Xã hội cổ đại phương Đông bao gồm mấy tầng lớp ?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 3. Người tối cổ đã sử dụng công cụ lao động nào?

A. Đá B. Đồng C. Sắt D. Cả 3 công cụ trên.

Câu 4. Số 0 là phát minh của người nước nào?

A. Ấn Độ B. Ai Cập C. Lưỡng Hà D. Trung Quốc

Câu 5. Tri thức khoa học ra đời sớm nhất của loài người là gì?

A. Địa lí và Lịch sử. B. Toán học. C. Thiên văn học và lịch pháp. D. Văn học.

Câu 6. Đấu trường Cô-li-dê là thành tựu văn hóa của quốc gia cổ đại nào?

A. Quốc gia cổ đại Rô-ma B. Quốc gia cổ đại Hi Lạp

C. Quốc gia cổ đại Trung Quốc D. Quốc gia cổ đại Ai Cập

Câu 7. Hệ chữ cái của người Hi Lạp và Rô-ma ban đầu bao gồm bao nhiêu chữ cái?

A. 20 B. 26 C. 29 D. 30

Câu 8. I-li-at và Ô-đi-xê là hai bộ sử thi nổi tiếng của đất nước nào?

A. Ấn Độ B.Rô-ma C. Lưỡng Hà D. Hi Lạp

Câu 9: Hãy điền chữ Đ (đúng) S (sai) ở đầu các câu sau:

□ Trong xã hội cổ đại phương Tây, nô lệ bị coi là “công cụ biết nói”.

□ Người Ai Cập đã phát minh ra số 0

□ Người tối cổ đã biết sử dụng công cụ đá được ghè đẻo thô sơ để tìm kiếm thức ăn.

□ Người nguyên thủy Hòa Bình - Bắc Sơn - Hạ Long, đã biết làm và sử dụng đồ trang sức.

**II. Phần Tự luận : (7đ)**

Câu 1: Một chiếc bình cổ bị chôn vùi năm 1000 TCN. Đến năm 2011 chiếc bình đó được đào lên. Hỏi nó đã nằm dưới đất bao nhiêu năm? Bao nhiêu thế kỉ? Chiếc bình đó thuộc loại tư liệu lịch sử nào? (2đ)

Câu 2 : Cuộc sống của người tinh khôn có điểm nào tiến bộ hơn người tối cổ ? (3đ)

Câu 3 : Theo em sự xuất hiện những đồ trang sức của người nguyên thủy có ý nghĩa gì?(2đ)

**\*§¸p ¸n:**

**I. Phần trắc nghiệm:**

**Câu 1:** c C©u2: c C©u3: a C©u4: c C©u5: c C©u6: aC©u7:a C©u8: d

**Câu 9:** § 134 S 2

**II. Phần Tự luận :**

**Câu 1**: - 3011 năm, 31 thế kỉ, thuộc loại tư liệu lịch sử hiện vật.

**C©u2:**

- c«ng cô ®­îc c¶i tiÕn víi viÖc dïng nhiÒu chñng lo¹i ®¸, biÕt mµi cho s¾c, h×nh d¸ng phï hîp h¬n víi s¶n xuÊt.

-> S¶n xuÊt thuËn lîi, n¨ng suÊt cao h¬n, ®êi sèng ®­îc c¶i thiÖn.

Chỗ ở lâu dài, xuất hiện nhiều loại hình công cụ mới đặc biệt là gốm.

**C©u 3**: HS phân tích

***-> Hä kh«ng chØ biÕt lao ®éng mµ cßn biÕt lµm ®å trang søc.***

- HS tr¶ lêi hoµn c¶nh míi cña §S vËt chÊt (æn ®Þnh) t¹o ®iÒu kiÖn cho sù h×nh thµnh nhu cÇu trang søc vµ kh¶ n¨ng ®¸p øng nhu cÇu ®ã.

- §êi sèng æn ®Þnh, ngµy mét n©ng cao (kh«ng cßn ®ãi rÐt)-> cuéc sèng tinh thÇn phong phó n¶y sinh nhu cÇu lµm ®Ñp.

- Quan hÖ thÞ téc ngµy mét g¾n bã.

**Củng cố:**

- Thu bài, nhận xét

**HDHB& chuẩn bị bài mới**

- Xem lại Kĩ thuật cũ

- Chuẩn bị Bài 10: Những chuyển biến trong đời sống kinh tế.

***Ngày 30 /10/2017, TT CM duyệt***

*..............................................*

*.............................................*

Nguyễn Thị Lanh

-------------------\*\*\*\*-----------------

***Chương II***

**THỜI ĐẠI DỰNG NƯỚC: VĂN LANG - ÂU LẠC**

**Mục tiêu chương**: Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc đã hình thành trên cơ sở nào, những đặc trưng kinh tế- văn hoá của cư dân Văn Lang và những hoạt động của họ nhằm bảo vệ độc lập và phát triển đất nước. Chương này gồm 7 bài(từ bài 10 đến bài 16), được học trong 7 tiết và 1 tiết kiểm tra học kì I

+ Những chuyển biến trong đời sống kinh tế

+ Những chuyển biến về xã hội

+ Nước Văn Lang

+ Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang

+ Nước Âu Lạc

+ Ôn tập chương I và II.

**Soạn 03/11/2017**

**Giảng 07/11/2017**

**09/11/2017**

**Tiết 11, bài 10**

**NHỮNG CHUYỂN BIẾN TRONG ĐỜI SỐNG KINH TẾ**

**A/ Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức:** HS hiểu được.

- Những chuyển biến lớn về ý nghĩa hết sức quan trọng trong đ/sống kinh tế của người nguyên thuỷ.

- Công cụ cải tiến ( kỹ thuật chế tác đá tinh sảo hơn.)

- Phát minh nghề kỹ thuật luyện kim (công cụ bằng đồng xuất hiện) -> năng xuất lao động tăng nhanh .

- Nghề trồng lúa nước ra đời làm cho c/sống của người Việt ổn định hơn.

**2. Kỹ năng:**

- Kĩ năng bài dạy: Tiếp tục bồi dưỡng cho HS kỹ năng nhận xét, so sánh, liên hệ thực tiễn.

- Kĩ năng sống: nhận thức, tư duy sáng tạo, hợp tác, giải quyết vấn đề.

**3. Thái độ:** giáo dục cho các em tinh thần lao động sáng tạo trong lao động.

**4. Định hướng phát triển năng lực HS**

\* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác.

\* Năng lực chuyên biệt: tái hiện sự kiện; thực hành khai thác và sử dụng kênh hình có liên quan đến bài học; liên hệ, so sánh, đối chiếu, xâu chuỗi các sự kiện lịch sử...

**B/ Chuẩn bị của GV& HS:**

**1. Thầy:** CNTT: Tranh ảnh, lược đồ, hiện vật phục chế.

**2. HS:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

**C/ Phương pháp– Kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.

- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,

**D/ Tiến trình dạy học – Giáo dục**

I Ổn định tổ chức (1’)

II. Kiểm tra bài cũ**:** Không

III. Bài mới

**Hoạt động 1: Khởi động**

*\*Thời gian: 1 phút*

*\* Mục tiêu: Giới thiệu bài*

*\* Phương thức*

*- Phương pháp dạy học:* nêu vấn đề, vấn đáp

*- Kĩ thuật dạy học: “trình bày một phút”*

*- Hình thức: dạy học cả lớp*

Ở bài 8 các em đã được làm quen với địa hình Việt Nam (điều kiện tự nhiên) địa bàn sinh sống chủ yếu của người nguyên thuỷ. Đây là địa hình rừng núi rậm rạp, nhiều sông suối, có chiều dài giáp biển Đông…Người nguyên thuỷ sống chủ yếu trong các hang động mái đá…Như vậy từ miền rừng núi này con người đã từng bước di cư và đây là thời điểm hình thành những chuyển biến lớn về kinh tế. Đó là những chuyển biến gì? Chúng ta tìm hiểu bài hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung bài học** |
| ***Hoạt động 2***  *\* Thời gian: 29 p*  *\* Mục tiêu: HS nắm được những chuyển biến lớn về ý nghĩa hết sức quan trọng trong đ/sống kinh tế của người nguyên thuỷ: Công cụ cải tiến ( kỹ thuật chế tác đá tinh sảo hơn.); phát minh nghề kỹ thuật luyện kim làm năng xuất lao động tăng nhanh.*  *\* Phương thức:*  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  - GV trình chiếu ảnh, HS quan sát những hiện vật được phục chế H. 29, 30.  ***\* HS hoạt động nhóm bàn***  ***-*** *GV* yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi **(Tích hợp kĩ năng sống tư duy sáng tạo, hợp tác, giải quyết vấn đề)**  **?** Vì sao họ lại di chuyển xuống vùng đất bãi ven sông  **?** So sánh với công cụ sản xuất thời trước, em có nhận xét gì ?  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  *- HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  - Dự kiến sản phẩm:  + Dễ làm ăn, thuận lợi chăn nuôi, trồng trọt.  **+** Rìu đá có vai, mài nhẵn 2 mặt lưỡi đục những bàn mài, những mảnh của đá, sừng, xương, gốm, bình lò…  ***\* HS hoạt động cá nhân***  **?** Những công cụ đồ dùng này được tìm thấy ở đâu và trong khoảng thời gian nào? **(Tích hợp kĩ năng sống: nhận thức, tư duy sáng tạo)**  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  **?** Em có nhận xét gì về trình độ sản xuất công cụ của người thời đó  **-** Cải tiến ngày một tiến bộ, kỹ thuật cao, đa dạng, phong phú, có nhiều loại hình, nhiều chủng loại…  - HS nghiên cứu SGK  **?** Tác dụng của việc cải tiến công cụ lao động?  - C/S người Việt cổ ổn định hơn, xuất hiện nhiều bản làng ven các con sông lớn.  **HS hoạt động cặp đôi (Tích hợp kĩ năng sống tư duy sáng tạo, hợp tác, giải quyết vấn đề)**  1. Để định cư lâu dài trong điều kiện dân số ngày càng tăng, con người phải làm gì?  2**.** Theo em làm đồ gốm cần những gì?Trong quá trình làm gốm, người nguyên thuỷ đã phát hiện ra điều gì ?  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  \* Dự kiến sản phẩm  1. Cải tiến hơn nữa công cụ sản xuất và đồ dùng hằng ngày.  2. Đất sét nặn, hình, khô cứng….  **-** Kim loại (quặng đồng) khi nung gốm ở nhiệt độ cao .  **GVKL:** Nhờ có sự phát triển của nghề làm gốm, người Phùng Nguyên, Hoa Lộc đã phát minh ra kỹ thuật luyện kim, người ta lọc từ quặng ra kim loại đồng, dùng đất làm khuôn đúc (theo phương thức làm bình, vại, gốm) nung chảy đồng và rót vào khuân nhờ kinh nghiệm làm gốm => đồ đồng xuất hiện.  ***\* HS hoạt động cá nhân***  **?** Thuật luyện kim được phát minh có ý nghĩa ntn đối với C/S của người Việt cổ ?  **-** Chế tạo ra những công cụ theo ý muốn, năng suất lao động cao, công cụ dồi dào, cuộc sống ổn định .  **GV liên hệ:** Không chỉ ở thời đó, mà ngày nay đồ đồng cũng có tác dụng…  **Rút kinh nghiệm:**  ..........................................................................  .........................................................................  **Hoạt động 2**  *\* Thời gian: 10 p*  *\* Mục tiêu:Hs hiểu rõ nghề trồng lúa nước ra đời làm cho c/sống của người Việt ổn định hơn.*  *\* Phương thức:*  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  **HS:** Nghiên cứu 3- SGK.  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  **?** Những dấu tích nào chứng tỏ người thời bấy gìờ phát minh ra nghề trồng lúa ?  **HS:** Công cụ bằng đá, đồng, đồ đựng, dấu vết gạo cháy, dấu vết thóc lúa bên cạnh các bình, vò bằng đất nung lớn.  **GV giải thích:** Nghề nông nguyên thuỷ gồm 2 ngành chính chăn nuôi, trồng trọt.  + Chăn nuôi: trâu, bò, chó, lợn…  + Trồng trọt: rau, củ.. đặc biệt là cây lúa => cây lương thực chính của nước ta.  **- HS thảo luận nhóm (Tích hợp kĩ năng sống tư duy sáng tạo, hợp tác, giải quyết vấn đề)**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi:  1. So sánh cuộc sống của con người trước và sau khi có nghề trồng lúa nước  2. Vậy theo em hiểu, vì sao từ đây con người có thể định cư lâu dài ở đồng bằng các con sông lớn.  3. Ý nghĩa của việc phát minh ra nghề trồng lúa nước ?  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  - HS nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  \* Dự kiến sản phẩm:  1. Sau -> cuộc sống ổn định hơn, năng xuất lao động cao hơn, của cải vật chất nhiều hơn.  2. Đất phù xa màu mỡ, đủ nước tưới cho cây lúa, thuận lợi cho cuộc sống.  3. phát minh ra nghề trồng lúa nước -> đời sống được nâng cao.  **Rút kinh nghiệm:**  .....................................................................  ..................................................................... | **1, Công cụ sản xuất được cải tiến như thế nào? Thuật luyện kim được phát minh như thế nào ?**  - Người nguyên thuỷ mở rộng vùng cư trú xuống ven sông.  - Công cụ:  + Được mài toàn bộ  + Nhiều loại hình, cân xứng, đẹp.  + Đồ gốm kỹ thuật cao, văn hoa tinh sảo, đa dạng.  - Địa điểm: Phùng Nguyên (PhúThọ), Hoa Lộc (Thanh Hoá).  - Thời gian: cách đây 4000 -> 3500 năm  \* Thuật luyện kim:  - Nhờ có sự phát triển của nghề làm gốm, người Phùng Nguyên, Hoa Lộc phát minh ra thuật luyện kim từ quặng, đồng => đồ đồng xuất hiện.  - Ý nghĩa: Sau công cụ bằng đá, từ đây, con người đã tìm ra một thứ nguyên liệu mới để làm công cụ theo yêu cầu của mình - đồng.  **2. Nghề nông trồng lúa nước ra đời ở đâu và trong điều kiện nào?**  - Công cụ sản xuất được cải tiến, người nguyên thuỷ định cư lâu dài ở đồng bằng ven sông, ven biển => nghề trồng lúa ra đời.  - Thóc gạo trở thành cây lương thực chính của con người. |

IV/ Củng cố

- Thời gian: 2 phút

- Mục tiêu:Giúp HS hệ thống kiến thức toàn bài

- Phương pháp dạy học: vấn đáp

- Kĩ thuật dạy học: động não

- Hình thức: dạy học cả lớp

? Thuật luyện kim được phát minh như thế nào ?

\* Bài tập: Điền dấu đúng sai vào ô trống.

*1/ Thuật luyện kim được phát minh nhờ đâu và ở địa điểm nào ?*

Nhờ sự phát triển của công cụ bằng đá, thuật luyện kim ra đời. S

Nhờ sự phát triển của nghề gốm, thuật luyện kim ra đời. Đ

Thuật luyện kim được phát minh ở hoà Bình, Bắc sơn. S

Thuật luyện kim được phát minh ở Phùng Nguyên, Hoa Lộc. Đ

*2/ Nghề trồng lúa nước ra đời ở đâu ?*

Ven sông.

Ven biển.

Cả 2 ý trên. (Đ)

**GV:** Trên bước đường phát triển sản xuất, để nâng cao đời sống con người đã biết sử dụng ưu thế của đất đai và tạo ra 2 phát minh lớn: thuật luyện kim và nghề trồng lúa nước. Cuộc sống ổn định hơn, một c/sống mới bắt đầu chuẩn bị cho con người bước sang thời đại mới - thời đại dựng nước.

IV/ HDHB& chuẩn bị bài mới (2’)

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị: Những chuyển biến về xã hội.

- Xem lại Kĩ thuật cũ

- Chuẩn bị Bài 10: Những chuyển biến trong đời sống kinh tế.

***Ngày 06/11/2017, TT CM duyệt***

*..............................................*

*.............................................*

Nguyễn Thị Lanh

**-------------------\*\*\*\*-----------------**

**Soạn 10/11/2017**

**Giảng 14/11/10/2017**

**16/11/2017 Tiết 12 , bài 11**

**NHỮNG CHUYỂN BIẾN VỀ XÃ HỘI**

**A. Mục tiêu bài học**

1. K.thức: HS nắm được.

- Do tác động của sự phát triển kinh tế, xã hội nguyên thuỷ có những biến chuyển trong quan hệ giữa người với người ở nhiều lĩnh vực.

- Sự nảy sinh những vùng văn hoá trên khắp ba miền đất nước chuẩn bị bước sang thời kì dựng nước, trong đó đáng chú ý nhất là văn hoá Đông Sơn.

2. Kỹ năng

- Kĩ năng bài dạy: Bồi dưỡng kĩ năng nhận biết, so sánh sự việc, bước đầu sử dụng bản đồ.

- Kĩ năng sống: nhận thức, tư duy sáng tạo, hợp tác, giải quyết vấn đề.

3.Thái độ : Bồi dưỡng ý thức về cội nguồn dân tộc.

4. Định hướng phát triển năng lực HS

- Năng lực nhận thức;

- Năng lực giải quyết vấn đề;

- Năng lực tư duy sáng tạo;

- Năng lực hợp tác;

- Năng lực thể hiện thái độ, xúc cảm, hành vi.

**B. Chuẩn bị của GV&HS**

**1. Thầy**: CNTT:- Bản đồ với những địa danh liên quan,tranh ảnh và những đồ dùng phục chế.

**2. Trò** : Nghiên cứu kĩ và trả lời câu hỏi bài 11.

**C. Phương pháp – Kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.

- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,

**D. Tiến trình dạy học - Giáo dục**

1. Ổn định tổ chức (1’)

2. Kiểm tra bài cũ: (15’)

*1, H:* Nêu những chuyển biến trong đời sống kinh tế của người Phùng Nguyên – Hoa Lộc ?

*2, Đ:* - Nhờ sự phát triển của nghề làm gốm, Người Phùng Nguyên – Hoa Lộc đã phát minh ra thuật luyện kim - nghề đúc đồng.

- Cư dân Việt cổ sống định cư ở đồng bằng ven các con sông lớn -> Nghề trồng lúa nước ra đời.

3. Bài mới

**Hoạt động 1: Khởi động(tình huống xuất phát)**

*- Thời gian: 1 phút*

*- Mục tiêu: Giới thiệu bài*

*- Phương pháp dạy học:* nêu vấn đề, vấn đáp

*- Kĩ thuật dạy học: “trình bày một phút”*

*- Hình thức: dạy học cả lớp*

Thuật luyện kim và nghề trồng lúa nước ra đời đã đánh dấu sự chuyển biến lớn trong đời sống kinh tế của người nguyên thuỷ. Sự chuyển biến về kinh tế là điều kiện dẫn đến sự chuyển biến về đ/sống xã hội. Xã hội có gì mới…Chúng ta tìm hiểu bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung bài học** |
| **Hoạt động 2**  *\* Thời gian:* 6 p  *\* Mục tiêu: HS nắm được sản xuất thủ công nghiệp phát triển tách khỏi nông nghiệp dẫn đến sự phân công lao động trong xã hội.*  *\* Phương thức:*  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  **H:** Nghiên cứu 1 -SGK  ***\* HS hoạt động cá nhân/cả lớp***  - GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:  **?** Em có nhận xét gì về việc đúc một đồ đồng hay làm 1 bình bằng đất nung so với việc làm 1 công cụ bằng đá ?  **GV** **trình chiếu :** - 1 rìu đá (phục chế)  - 1 công cụ bằng đồng.  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  \* Dự kiến sản phẩm: Công cụ bằng đồng đòi hỏi kỹ thuật cao, vì nó phức tạp hơn, nhưng nhanh chóng hơn, sắc bén hơn => năng suất lao động cao hơn.  **\* HS hoạt động nhóm**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời các câu hỏi:  1. Có phải trong xã hội ai cũng biết đúc công cụ bằng đồng ?  2. Trong trồng trọt, muốn có thóc lúa, người dân cần phải làm những gì ?  3. Ai là người cày bừa, cấy lúa, chế tác công cụ đúc đồng ?  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  - HS nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  \* Dự kiến sản phẩm:  1. Chỉ có một số người biết luyện kim đúc đồng -> có chuyên môn và kĩ thuật cao (phải biết đồng làm thế nào, nhiệt độ bao nhiêu thì chảy. VD: 800 -> 100 độ).  2. Cày, bừa, làm đất, gieo hạt, chăm bón, thu hoạch.  3. Đàn ông cày bừa, làm công cụ, đàn bà cấy…  **GV:** Số người làm nông nghiệp tăng, cần có người làm ở ngoài đồng, người làm ở trong nhà lo việc ăn uống…=> Cần có sự phân công lao động.  ***\* HS hoạt động cá nhân/cả lớp***  - GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:  **?** Trong xã hội đã có sự phân công lao động ntn ?  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  Nữ làm việc nhẹ, nam làm việc nặng & khó, đòi hỏi chuyên môn và sức khoẻ nhiều hơn.  **GVKL:** K.tế phát triển, lao động càng phức tạp, cần phải phân công lao động theo giới tính, theo nghề nghiệp. Sự phân công lao động phức tạp hơn nhưng đó là 1 chuyển biến cực kỳ quan trọng trong xã hội.  **GV trình bày:** Phân công lao động làm cho kinh tế phát triển thêm 1 bước, tất nhiên cũng tạo ra sự thay đổi các mối quan hệ giữa người với người (quan hệ xã hội).  **Rút kinh nghiệm:**  .....................................................................  .....................................................................  **Hoạt động 2**  *\* Thời gian:10 p*  *\* Mục tiêu: HS nắm được đổi mới xã hội với sự xuất hiện của chiềng, chạ, bộ lạc*  *\* Phương thức:*  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  **HS:** nghiên cứu, SGK – 33.  ***\* HS hoạt động cá nhân/cả lớp***  - GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:  **?** So với trước đây, cuộc sống của cư dân ở lưu vực các sông như thế nào ?  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  \* Dự kiến sản phẩm  - Trước: thị tộc  - Dân số tăng lên, nhiều thị tộc ở cùng một vùng, cùng làm cùng hưởng -> Từ đó hình thành chiềng (làng) , chạ (bản), rồi bộ lạc.  ***\* HS hoạt động nhóm***  ***-*** *GV* yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời các câu hỏi:  **?**Bộ lạc được ra đời như thế nào.  **?** Vị trí của người đàn ông trong gia đình, làng bản thay đổi ntn ?  **?** Vì sao phải bầu người quản lí làng bản ?  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  - HS nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  \* Dự kiến sản phẩm:  **-** Vị trí của người đàn ông ngày càng tăng lên. Người đứng đầu cả thị tộc, bộ lạc là nam giới, ko phải là phụ nữ như trước nữa.  **-**  Để chỉ huy sản xuất, lễ hội, giải quyết mối quan hệ trong làng bản, và giữa các làng với nhau trong bộ tộc…-> những người này được chia phần thu hoạch lớn hơn => các mộ cổ khác nhau.  **?**Em có suy nghĩ gì về sự khác nhau giữa các ngôi mộ ?  **GVKL:** Đời sống ổn định, hình thành chiềng chạ, bộ lạc, chế độ phụ hệ thay thế chế độ mẫu hệ…có sự phân chia giàu nghèo.  **Rút kinh nghiệm:**  .....................................................................  .....................................................................  **Hoạt động 4**  \* Thời gian:8 p  \* Mục tiêu: HS nắm được sự nảy sinh những vùng văn hoá trên khắp ba miền đất nước chuẩn bị bước sang thời kì dựng nước, trong đó đáng chú ý nhất là văn hoá Đông Sơn.  \* Phương thức:  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  **HS:** Nghiên cứu mục 3.  ***\* HS hoạt động cá nhân/cả lớp***  *- GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:*  **?** Các nền văn hoá đã hình thành tên đất nước ta vào thời gian nào và ở đâu ?  *- HS suy nghĩ câu hỏi*  *- HS trình bày*  *- HS/ GV nhận xét, bổ sung*  *\* Dự kiến sản phẩm*  Khắp trên cả nước, tập trung ở Bắc, Bắc Trung Bộ.  **GV:** Tuy nhiên có khu vực p.triển cao hơn và rộng hơn đó là Bắc, Bắc Trung Bộ, Đông Sơn là 1 vùng đất ven sông Mã thuộc đất Thanh Hoá, nơi p.triển hàng loạt đồ đồng tiêu biểu cho giai đoạn p.triển cao hơn của người nguyên thuỷ thời đó. Do đó được dùng để gọi chung nền văn hoá đồng thau ở Bắc Việt Nam chúng ta.  - GV trình chiếu cho HS quan sát H 31, 32, 33, 34 miêu tả và nhận xét.  **HS: Thảo luận nhóm** (**Tích hợp giáo dục kĩ năng sống** tư duy sáng tạo, hợp tác, giải quyết vấn đề)    - GV yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi:  Nhóm 1+2**?** So sánh với thời Phùng Nguyên – Hoa Lộc, thời kỳ văn hoá Đông Sơn, công cụ chủ yếu được chế tác bằng nguyên liệu gì ? Hãy nhận xét?  Nhóm 3+4**?** Theo em những công cụ nào góp phần tạo nên bước chuyển biến trong xã hội ?  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  - HS nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  \* Dự kiến sản phẩm:  - Đa dạng, tiến bộ, kỹ thuật tinh sảo,… đẹp hơn trước, mới chỉ dừng lại ở dây đồng, dùi đồng .  - Công cụ đồng thay thế công cụ đá: vũ khí đồng, dao găm đồng, lưỡi liềm đồng…đặc biệt là lưỡi cày đồng.  **GVKL:** Do sự p.triển của nông nghiệp trên vùng đồng bằng sông lớn, sự phân công lao động -> Sự p.triển kinh tế, xã hội nước ta hình thành những nền văn hoá, đăc biệt là văn hoá Đông Sơn. Cư dân ở vùng văn hoá Đông Sơn gọi là Lạc Việt.  **Rút kinh nghiệm:**  .........................................................................  ......................................................................... | **1/Sự phân công lao động được hình thành như thế nào?**  - Sự phát triển sản xuất dẫn đến sự phân công lao động.  - Thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp dẫn đến sự phân công lao động trong xã hội.  + Phụ nữ: làm việc nhà, tham gia vào sản xuất nông nghiệp như cấy, hái, dệt vải, làm gốm...  + Nam giới: làm nông nghiệp, săn bắt, đánh cá; Một số chuyên chế tác công cụ, đồ trang sức (nghề thủ công).  **2/ Xã hội có gì đổi mới ?**  - Hình thành hàng loạt làng bản.  - Nhiều làng bản trong một vùng có quan hệ chặt chẽ với nhau gọi là bộ lạc .  - Đứng đầu thị tộc là tộc trưởng (già làng ); đứng đầu bộ lạc là tù trưởng.  - Chế độ mẫu hệ chuyển sang chế độ phụ hệ.  - Xã hội đã có sự phân chia giàu nghèo (nhưng chưa lớn).  **3/ Bước phát triển mới về xã hội ?**  - Từ thế kỷ VIII đến thế kỷ I TCN đã hình thành các nền văn hoá phát triển: Óc eo (An Giang), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi, tập chung hơn là văn hoá Đông Sơn (Bắc bộ và Bắc Trung Bộ).  - Công cụ sản xuất, đồ đựng, đồ trang sức đều phát triển hơn trước .  - Đồng gần như thay thế đá:  + Công cụ đồng : Lưỡi cày , lưỡi rìu.  + vũ khí đồng : lưỡi giáo , mũi tên.  - Cư dân của văn hoá Đông Sơn gọi chung là Lạc Việt. |

4. Củng cố

- Thời gian: 2 phút

- Mục tiêu:Giúp HS hệ thống kiến thức toàn bài

- Phương pháp dạy học: vấn đáp

- Kĩ thuật dạy học: động não

- Hình thức: dạy học cả lớp

**GVCC toàn bài:** Trên cơ sở những phát minh lớn trong kỹ thuật, quan hệ xã hội có nhiều chuyển biến tạo điều kiện hình thành những khu vực văn hoá lớn: óc eo, Sa Huỳnh và đăc biệt là văn hoá Đông Sơn ở vùng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ mà cư dân được gọi chung là người Lạc Việt.

\*Bài tập: Điền dấu đúng sai vào ô trống sau.

Đàn bà dệt vải. Đ

Đàn ông săn bắn. Đ

Đàn bà làm đồ trang sức. S

Đàn ông làm việc nhà . S

Đàn bà chế tác công cụ sản xuất. S

5. Hướng dẫn về nhà: (2’)

- Nắm vững nội dung bài.

- Vẽ sơ đồ tư duy cho nội dung bài học.

- Nghiên cứu trước bài 12, tập vẽ sơ đồ nhà nước Văn Lang (bài12 ).

***Ngày 13/11/2017, TT CM duyệt***

*..............................................*

*.............................................*

Nguyễn Thị Lanh

-------------------\*\*\*\*-----------------

**Soạn 16/11/2017**

**Giảng 21/11/10/2017**

**23/11/2017**

**Tiết 13, bài 12**

**NƯỚC VĂN LANG**

**A. Mục tiêu bài học**

1. Kiến thức: HS sơ bộ nắm được những nét cơ bản về điều kiện hình thành nhà nước Văn Lang. Nhà nước Văn Lang tuy còn sơ khai nhưng đó là 1 tổ chức quản lý đất nước bền vững đánh dấu giai đoạn mở đầu thời kỳ dựng nước.

2. Kĩ năng

- Kĩ năng bài dạy: Bồi dưỡng kỹ năng vẽ bản đồ một tổ chức quản lý.

**- Kĩ năng sống:** nhận thức, tư duy sáng tạo, hợp tác, giải quyết vấn đề.

3.Thái độ : Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc và tổ chức cộng đồng.

**- Tích hợp giáo dục đạo đức:** Sự ra đời của nhà nước Văn Lang. Giáo dục ý thức tự chủ. Trách nhiệm của bản thân trong việc phát huy quyền tự chủ của dân tộc.

4. Định hướng phát triển năng lực HS

- Năng lực nhận thức;

- Năng lực giải quyết vấn đề;

- Năng lực tư duy sáng tạo;

- Năng lực hợp tác;

- Năng lực thể hiện thái độ, xúc cảm, hành vi.

**B. Chuẩn bị của GV & HS**

**1. Thầy**: Bản đồ Việt Nam, tranh ảnh, hiện vật phục chế (thuộc bài trước); Ứng dụng CNTT: Sơ đồ tổ chức nhà nước thời Hùng Vương.

**2. Trò:** Nghiên cứu trước bài. Tập vẽ sơ đồ nhà nước Văn Lang.

**C. Phương pháp**

- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.

- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn.

**D. Tiến trình dạy học - Giáo dục:**

1. Ổn định tổ chức (1’)

2. Kiểm tra bài cũ: Không

3. Bài mới:

**Hoạt động 1: Khởi động(tình huống xuất phát)**

*- Thời gian: 1 phút*

*- Mục tiêu: Giới thiệu bài*

*- Phương pháp dạy học:* nêu vấn đề, vấn đáp

*- Kĩ thuật dạy học: “trình bày một phút”*

*- Hình thức: dạy học cả lớp*

Những chuyển biến lớn trong sản xuất và xã hội dẫn đến sự kiện có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với người dân Việt Cổ: Sự ra đời của nhà nước Văn Lang, mở đầu cho một thời đại của dân tộc. Nhà nước ra đời trong hoàn cảnh nào? Tổ chức của nhà nước ra sao? Chúng ta tìm hiểu bài 12.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung bài học** |
| **Hoạt động 1**  *\* Thời gian: 13 p*  *\* Mục tiêu:HS sơ bộ nắm được những nét cơ bản về điều kiện hình thành nhà nước Văn Lang.*  *\* Phương thức:*  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  **HS:** Nghiên cứu 1- SGK.  ***\* HS hoạt động cá nhân/cả lớp***  ***(Tích hợp giáo dục kĩ năng sống nhận thức, tư duy sáng tạo, hợp tác)***  - GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:  **?** Vào khoảng cuối TK VIII – đầu TK VII TCN, ở đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đã có thay đổi gì lớn ?  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  ***\* HS hoạt động cá nhân/cả lớp***  - GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:  **?** Theo em truyện STTT nói lên hành động gì của ND ta thời đó ?  **?** Để chống lại sự khắc nghiệt của thiên nhiên, người Việt cổ lúc đó đã làm gì ?  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  \* Dự kiến sản phẩm  **-** Sự cố gắng nỗ lực của ND ta chống lũ lụt, bảo vệ mùa màng và cuộc sống thanh bình.  - Đắp đê...  \* Gv trình chiếu cho HS quan sát hình 31, 32- SGK.  **?** Em có suy nghĩ gì về vũ khí trong các hình 31, 32 ?  **HS:** Là những vũ khí đồng của nền văn hoá Đông Sơn, mũi giáo, dao găm có hình dáng và trang trí hoa văn giống nhau, vũ khí đầu tiên bằng kim loại dùng để tự vệ…  **GV:** Liên hệ vũ khí ấy với truyện Thánh Gióng: vũ khí bằng đồng. Đời Hùng Vương thứ 6 – truyện Thánh Gióng vũ khí bằng sắt, roi sắt, ngựa sắt.  - GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:  **?** Nhà nước Văn Lang ra đời trong hoàn cảnh ntn ?  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  \* Dự kiến sản phẩm  nhà nước Văn Lang ra đời trong hoàn cảnh khá phức tạp: kinh tế phát triển, cuộc sống ổn định, xã hội nảy sinh mâu thuẫn giàu, nghèo, dân cư luôn phải đấu tranh chống lũ lụt, ngoại xâm, bảo vệ cuộc sống thanh bình…Trong hoàn cảnh đó, các bộ lạc có nhu cầu thống nhất với nhau, muốn vậy cần có một người chỉ huy có uy tín và tài năng **Rút kinh nghiệm:**  .....................................................................  .....................................................................  **Hoạt động 2**  *\* Thời gian: 14p*  *\* Mục tiêu:* Nhà nước VL hình thành từ 1 bộ lạc có tên là Văn Lang, vào thế kỷ VII TCN đứng đầu là vua Hùng.  *\* Phương thức:*  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  **HS:** - nghiên cứu SGK - 36  - Quan sát trên bản đồ khu vực vùng sông Cả (Nghệ An), sông Mã (Thanh Hoá) với Đông Sơn.  **\* HS hoạt động nhóm**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi:  **Nhóm 1+2**  **?** Địa bàn cư trú của bộ lạc Văn Lang ở đâu ?  **?** Trình độ phát triển của nhà nước VL ntn ?  **Nhóm 3+4**  **?** Dựa vào thế mạnh của mình, thủ lĩnh bộ lạc VL đã làm gì ?  **?** Nhà nước VL ra đời vào thời gian nào? Do ai đứng đầu ? Đóng đô ở đâu?  **?** Câu chuyên truyền thuyết nào phản ánh sự ra đời của nhà nước Văn Lang? Em hãy kể lại và cho biết nội dung, ý nghĩa?  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  - HS nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  \* Dự kiến sản phẩm:  **Nhóm 1+2**  Di chỉ làng Cả (VTrì) cho ta biết, ở địa bàn cư trú của người VL có nghề đúc đồng phát triển sớm, cư dân đông đúc => tù trưởng bộ lạc VL được các tù trưởng các vùng khác tôn trọng và ủng hộ.  **Nhóm 3+4**  - Thủ lĩnh bộ lạc VL lên đứng đầu nhà nước, tự xưng là Hùng Vương.  - Kinh đô đóng ở Văn Lang (Bạch Hạc thuộc tỉnh Phú Thọ ngày nay).  ? Em hiểu Hùng Vương nghĩa là gì?  **GV: Tích hợp GD đạo đức:** Giáo dục HS ý thức tự chủ ,trách nhiệm của bản thân đối với đất nước  **Rút kinh nghiệm:**  .....................................................................  .....................................................................  **Hoạt động 3**  *\* Thời gian: 12 p*  *\* Mục tiêu: HS nắm được nhà nước Văn Lang sơ khai nhưng là 1 tổ chức quản lý đất nước bền vững mở đầu thời kỳ dựng nước.*  *\* Phương thức:*  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  **HS:** Nghiên cứu 3 –SGK.  ***\* HS hoạt động cá nhân/cả lớp***  - GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:  **?** Sau khi nhà nước VL ra đời, Hùng Vương đã tổ chức nhà nước ntn ?  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  \* Dự kiến sản phẩm  - Bộ là cơ quan trung gian giữa trung ương và địa phương.  - Con trai của vua gọi là Quan lang, con gái vua gọi là Mỵ nương.  ***\* HS hoạt động nhóm***  ***-*** *GV* yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi:  ?Có ý kiến cho rằng Nhà nước Văn Lang là nhà nước quân chủ chuyên chế. Ý kiến của em? Hãy lí giải?  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  *- HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  *\* Dự kiến sản phẩm:*  **-** Tuỳ theo việc lớn hay việc nhỏ đều có người giải quyết khác nhau, người có quyền cao nhất là Hùng Vương.  **-** Khi có giặc ngoại xâm, Hùng vương và các Lạc tướng huy động thanh niên trai tráng ở các chiềng chạ tập hợp nhau lại chiến đấu.  **GV liên hệ:** - Truyện Thánh Gióng có giặc Ân , vua sai sứ giả đi tìm người tài giỏi cứu nước -> ND khắp nơi quyên góp gạo….đánh giặc.  \* GV trình chiếu cho HS quan sát Sơ đồ bộ máy nhà nước Văn Lang H 35 và mô tả thêm di tích đền Hùng -> thời các vua Hùng dựng nước Văn Lang là thời kỳ có thật trong lịch sử.  GV trình chiếu sơ đồ nhà nước VL  ***\* HS hoạt động nhóm***  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi:  Nhóm 1.Quan sát sơ đồ nhà nước VL, em có nhận xét gì?***(Tích hợp giáo dục kĩ năng sống nhận thức, tư duy sáng tạo, hợp tác)***  Nhóm 2.Giải thích câu nói của Bác Hồ.  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  - HS nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  \* Dự kiến sản phẩm:  1. Nhà nước Văn lang tuy còn đơn giản nhưng là tổ chức chính quyền cai quản cả nước.  2. Đây là trách nhiệm của thế hệ sau, đặc biệt là thế hệ trẻ…  **Liên hệ GD đạo đức :** Để có được nhà nước việt Nam chúng ta hôm nay biết bao thế hệ cha ông đã ngã xuống ,chúng ta phải biết giữ gìn bảo vệ phát huy những thành quả cha ông đã đạt được, ra sức học tập tốt để góp phần xây dựng đất nước .phải luôn ghi nhớ : “ Các vua Hùng đã có công dựng nước, bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước” như Bác Hồ đã nói.  **Rút kinh nghiệm:**  .....................................................................  ..................................................................... | **1/ Nhà nước Văn Lang ra đời trong hoàn cảnh nào ?**  - Khoảng cuối TK VIII – đầu TK VII TCN, ở đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung đã hình thành những bộ lạc lớn, gẫn gũi nhau về tiếng nói và phương thức hoạt động kinh tế  - Sản xuất phát triển.  - Trong các chiềng, chạ có sự phân biệt giàu nghèo, mâu thuẫn giàu nghèo đã nảy sinh.  - Sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước ở lưu vực các con sông lớn gặp nhiều khó khăn: lũ, lụt.  - Các bộ lạc, chiềng, chạ đã liên kết với nhau và bầu ra người có uy tín để tập hợp nhân dân các bộ lạc chống lũ lụt, bảo vệ mùa màng và cuộc sống.  => Cư dân Lạc Việt luôn phải đấu tranh với thiên nhiên để bảo vệ màu màng. Họ còn đấu tranh chống ngoại xâm và giải quyết xung đột giữa các tộc người, các bộ lạc với nhau => Nhà nước Văn Lang ra đời.  **2/ Nhà nước Văn Lang thành lập.**  **-** Địa bàn cư trú của bộ lạc Văn Lang ở ven sông Hồng, từ Ba Vì (Hà Tây) đến Việt Trì (Phú Thọ).  - Văn Lang là bộ lạc hùng mạnh và giàu có nhất thời đó.  - Thủ lĩnh của bộ lạc Văn Lang thống nhất các bộ lạc ở đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ thành liên minh các bộ lạc. Đó là nước Văn Lang.  - Nhà nước Văn Lang ra đời khoảng thế kỷ VII TCN  - Thủ lĩnh bộ lạc VL lên đứng đầu nhà nước, tự xưng là Hùng Vương.  - Kinh đô đóng ở Văn Lang (Bạch Hạc thuộc tỉnh Phú Thọ ngày nay).  **3/ Nhà nước Văn Lang được tổ chức như thế nào ?**  **-** Hùng vương chia nước làm 15 bộ, vua có quyền quyết định tối cao trong nước.  - Để giúp vua cai trị đất nước, Hùng Vương đặt ra các chức quan: Lạc hầu, lạc tướng.  - Đứng đầu các bộ là Lạc tướng; đứng đầu chiềng, chạ là Bồ chính.  - Nhà nước Văn Lang chưa có quân đội, chưa có pháp luật. |

4. Củng cố

*- Thời gian: 2 phút*

*- Mục tiêu:Giúp HS hệ thống kiến thức toàn bài*

*- Phương pháp dạy học: vấn đáp*

*- Kĩ thuật dạy học: động não*

*- Hình thức: dạy học cả lớp*

- Những lí do ra đời của nhà nước thời Hùng Vương ?

5. Hướng dẫn về nhà: (2’)

- Nắm vững nội dung bài.

- Nghiên cứu trước bài 13: Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang.

***Ngày 21/ 11/2017,TT duyệt***

Nguyễn Thị Lanh

**Soạn 24/11/2017**

**Giảng 28/11/2017**

**30/11/2017 Tiết 14, bài 13**

**ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CƯ DÂN VĂN LANG**

**A/ Mục tiêu bài học**

1. K.thức: HS hiểu thời Văn Lang, người dân Việt Nam đã xây dựng cho đất nước mình một cuộc sống vật chất và tinh thần riêng, vừa đầy đủ vừa phong phú tuy còn sơ khai.

2. Kỹ năng

\* Kĩ năng bài học: Rèn kỹ năng liên hệ thực tế khách quan, quan sát ảnh và nhận xét.

\* Kĩ năng sống: KN tự nhận thức, lắng nghe tích cực, tìm kiếm và xử lí thông tin.

3. Thái độ: giáo dục lòng yêu nước và ý thức về văn hoá DT.

4. Định hướng phát triển năng lực HS

- Năng lực chung: nhận thức, giao tiếp, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực chuyên biệt: Tái hiện sự kiện, hiện tượng, nhân vật; so sánh, phân tích, phản biện, khái quát hóa; nhận xét, đánh giá rút ra bài học lịch sử từ những sự kiện, hiện tượng, vấn đề lịch sử, nhân vật.

**B/ Chuẩn bị của GV& HS**

**1.Thầy:** ứng dụng CNTT: Tranh ảnh, lưỡi cày đồng, trống đồng, hoa văn trang trí trên mặt trống, truyện Hùng Vương.

**2.Trò:** Nghiên cứu trước bài, sưu tầm truyện Hùng Vương.

**C/ Phương pháp**

- PP: vấn đáp, đàm thoại, phân tích, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận nhóm, dự án.

- Kĩ thuật động não, chia nhóm,trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn, KWLH, giao nhiệm vụ, hoàn tất một nhiệm vụ.

**D/ Tiến trình dạy học - Giáo dục**

I. Ổn định tổ chức (1’)

+ 7B1 + 7B2

II. Kiểm tra bài cũ: (5’)

- HS các nhóm trưng bày sơ đồ bộ máy nhà nước Văn Lang và giải thích?

- Nhóm trưởng các nhóm hoán đổi nhau đánh giá cho điểm.

III. Bài mới

**Hoạt động 1: Khởi động(tình huống xuất phát)**

*- Thời gian: 2 phút*

*- Mục tiêu:Giúp HS tạo hứng thú tiết học*

*- Phương pháp dạy học:* nêu vấn đề, vấn đáp

*- Kĩ thuật dạy học: “trình bày một phút”*

*- Hình thức: dạy học cả lớp*

*\*GV dùng bảng phụ( dùng kĩ thuật KWLH vào bài)*

*? Trong tiết học trước, em đã biết những gì?(K)*

Nhà nước Văn Lang ra đời trong hoàn cảnh nào?.

Nhà nước Văn Lang thành lập

Nhà nước Văn Lang được tổ chức như thế nào ?

*? Trong tiết học này, em muốn những gì?(W)*

- HS trình bày những yêu cầu kiến thức cần GV hướng dẫn

* Nông nghiệp và các nghề thủ công
* Đời sống vật chất của cư dân Văn Lang
* Đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang

Nhà nước Văn Lang được hình thành trên cơ sở kinh tế xã hội phát triển, trên 1 địa bàn rộng lớn với 15 bộ. Để tìm hiểu rõ hơn về cội nguồn dân tộc và làm rơ những nội dung “em muốn biết”, bài học hôm nay cô sẽ giúp các em làm rõ...

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung bài học** |
| **Hoạt động 2**  **\* Thời gian: 11’**  **\* Mục tiêu:** HS nắm được nông nghiệp và các nghề thủ công.  **\* Phương thức**  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, phân tích, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, KWLH*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm,trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn, giao nhiệm vụ, nhóm, dự án.*  *- Hình thức: dạy học nhóm, dự án cá nhân*  GV trình chiếu cho HS quan sát hình 33 bài 11.  **-** GVyêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi:  **?** Cư dân Văn Lang đã xới đất dể gieo trồng bằng công cụ gì ?  **?** Hãy so sánh công cụ đồng với giai đoạn trước đó và ngày nay.  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  *- Nhận xét, đánh giá: HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  \* Dự kiến sản phẩm:  - So với trước: Tiến bộ hơn - đá.  - Ngày nay: Tiến bộ hơn nhiều, thế kỷ của sắt, thép, hiện đại hoá nông nghiệp, đưa máy móc vào nông nghiệp…  - GVyêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:  **?** Cùng với việc dùng cày, cư dân Văn Lang đã sử dụng sức kéo ntn ?  - HS suy nghĩ câu hỏi và trả lời cá nhân  - HS nhận xét, bổ sung; GV kết luận  \* Dự kiến sản phẩm:  + Như vậy nông nghiệp đã chuyển từ giai đoạn dùng cuốc sang cày, từ đá sang đồng…Họ dã dùng trâu, bò để cày. Đây là bước tiến dài trong lao động sản xuất của cư dân Văn Lang.  => Ngày nay, cây lúa vẫn là cây lương thực chính của nước ta.  **+** Trong nông nghiệp người dân Văn Lang biết trồng trọt, chăn nuôi gia súc trâu, bò để cày, lúa là cây lương thực chính, đời sống ổn định, người dân ít phụ thuộc vào thiên nhiên.  - Gv trình chiếu, yêu cầu HS quan sát H 36, 37, 38 và thảo luận:  **?** Qua các hình trên, em nhận thấy nghề nào được phát triển thời bấy giờ ?  **?** Theo em, việc tìm thấy trống đồng ở nhiều nơi trên đất nước ta và ở cả nước ngoài đã thể hiện điều gì.  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  *- Nhận xét, đánh giá: HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  \* Dự kiến sản phẩm:  GV giải thích: Trống đồng, thạp đồng là vật tiêu biểu cho văn minh Văn Lang, kỹ thuật luyện đồng đạt trình độ điêu luyện, nó là hiện vật tiêu biểu nhất cho trí tuệ, tài năng và thẩm mĩ của người thợ thủ công lúc bấy giờ.  - Chứng tỏ đây là thời kỳ đồ đồng và nghề luyện kim rất phát triển, cuộc sống no đủ ổn định, họ có cuộc sống văn hoá đồng nhất .  - Có sự trao đổi giữa vùng nọ với vùng kia, nước ta với nước khác (trống của In-đô, Ma-lai có nét giống với trống Đông Sơn).  **GVKL:** Như vậy, cùng với sản xuất nông nghiệp p.triển, thủ công nghiệp cũng phát triển, các ngành nghề được chuyên môn hoá, đặc biệt nghề luyện kim phát triển cao.  **Rút kinh nghiệm**  .................................................................................  .................................................................................  **Hoạt động 3**  ***\* Thời gian: 11’***  ***\* Mục tiêu:*** *HS hiểu được đời sống vật chất của cư dân Văn Lang.*  ***\* Phương thức***  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, phân tích, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, KWLH*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm,trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn, nhóm, dự án. giao nhiệm vụ,*  *- Hình thức: dạy học nhóm, cá nhân*  HSnghiên cứu mục 2  **-** GVyêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời các câu hỏi:  **?** Người VL ăn, ở, mặc, đi lại ntn? So với chúng ta ngày nay ?  **?** Vì sao họ lại ở nhà sàn ? (Tránh ẩm thấp, thú dữ).  **?** Tại sao đi lại của cư dân Văn Lang chủ yếu bằng thuyền ? (Ven sông, lầy lội).  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  *- Nhận xét, đánh giá: HS* nhận xét, bổ sung  => GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  \* Dự kiến sản phẩm:  - Ở nhà sàn (làm băng tre, gỗ, nứa...), ở thành làng chạ.  - Ăn: cơm rau, cá, dùng bát, mâm, muôi. Dùng mắm, muối, gừng.  - Mặc:  + Nam đóng khố, mình trần, chân đất.  + Nữ mặc váy, áo xẻ giữa có yếm che ngực, tóc để nhiều… dùng đồ trang sức trong ngày lễ.  - Đi lại bằng thuyền.  **Rút kinh nghiệm**  .................................................................................  .................................................................................  **Hoạt động 3**  **\* Thời gian: 11’**  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang.  **\* Phương thức**  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, phân tích, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, KWLH*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm,trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn, giao nhiệm vụ,nhóm, dự án.*  *- Hình thức: dạy học nhóm, cá nhân*  HSnghiên cứu mục 2  **-** GVyêu cầu HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi:  **?** Quan sát hình trang trí mặt trống, em có nhận xét gì ?  - Hs suy nghĩ cá nhân và trả lời  - HS nhận xét, đánh giá  - GV kết luận  - Dự kiến sản phẩm: Đời sống vật chất của cư dân Văn Lang ổn định, cuộc sống phong phú đa dạng.  - GVyêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:  **?** Nhà nước Văn Lang được tổ chức như thế nào?  - HS suy nghĩ câu hỏi và trả lời cá nhân  - HS nhận xét, bổ sung; GV kết luận  \* Dự kiến sản phẩm: Nhà nước Văn Lang được tổ chức đơn giản từ trung ương đến địa phương, từ nhà nước- bộ- làng- chạ.  **-** GVyêu cầu HS Quan sát H 38 suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời các câu hỏi:  1. Ngoài những ngày mệt nhọc, cư dân VL có những sinh hoạt chung gì ?  2. Các truyện “ *Trầu cau”, “ Bánh chưng bánh giầy*” cho ta biết thời Văn Lang đã có những tập tục gì ?  3.Các ngày lễ hội, các tục lệ, tín ngưỡng có ý nghĩa gì?  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm(4 nhóm, mỗi nhóm 1 câu hỏi) và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  *- Nhận xét, đánh giá: HS* nhận xét, bổ sung  => GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  \* Dự kiến sản phẩm:  1. Trai gái ăn mặc đẹp, trống khèn ca hát, đua thuyền… Đây là nét đẹp về nếp sống văn hoá của cư dân Văn Lang.  **GV:** - Hoa văn trên trống đồng minh chứng trang phục khác ngày thường  - Thường tổ chức lễ hội vào mùa xuân => thể hiện sự lạc quan, vui vẻ, mong “mưa thuận, gió hoà”…  2. Ăn trầu, gói bánh…cúng tổ tiên ngày tết.  **GV nhấn mạnh** **ý nghĩa của phong tục tập quán, lễ hội:** Đây là nét đẹp trong đời sống văn hoá, giúp cho đời sống tinh thần thêm phong phú, cuộc sống vui vẻ.  3. Điểm mới trong đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang là tổ chức lễ hội, vui chơi, đua thuyền, tập tục ăn trầu, gói bánh trưng ngày tết, thờ cúng Tổ tiên đất trời, có khiếu thẩm mĩ cao.  **Rút kinh nghiệm**  .................................................................................  ................................................................................. | **1/ Nông nghiệp và các nghề thủ công**  ***a, Nông nghiệp***  **-** Công cụ xới đất: lưỡi cày đồng.  **-** Sử dụng sức kéo bằng trâu, bò  **-** Văn Lang là một nước nông nghiệp:  + Trồng trọt: lúa là cây lương thực chính, ngoài ra còn trồng khoai, đậu, bí và cây ăn quả.  + Chăn nuôi: gia súc trâu, bò, lợn, gà…chăn tằm.  ***b/ Thủ công nghiệp***  **-** Nghề gốm, nghề dệt vải lụa, xây nhà, đóng thuyền được chuyên môn hoá.  **-** Nghề luyện kim được chuyên môn hoá cao. Đúc lưỡi cày, vũ khí, trống đồng, thạp đồng…  - Ngoài ra người Văn Lang còn biết rèn sắt.  **2/ Đời sống vật chất của cư dân Văn Lang**  - Ở nhà sàn (làm băng tre, gỗ, nứa...), ở thành làng chạ.  - Ăn: cơm rau, cá, dùng bát, mâm, muôi. Dùng mắm, muối, gừng.  - Mặc:  + Nam đóng khố, mình trần, chân đất.  + Nữ mặc váy, áo xẻ giữa có yếm che ngực, tóc để nhiều… dùng đồ trang sức trong ngày lễ.  - Đi lại bằng thuyền.  **3/ Đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang**  - Xã hội chia thành nhiều tầng lớp khác nhau: Quí tộc, dân tự do, nô tỳ (sự phân biệt giữa các tầng lớp chưa sâu sắc).  - Tổ chức lễ hội, vui chơi nhảy múa, đua thuyền.  - Có phong tục ăn trầu, nhuộm răng, làm bánh, xăm mình.  - Tín ngưỡng: Thờ cúng mặt trăng, mặt trời (các lực lượng siêu nhiên), thờ cúng tổ tiên.. Người chết được chôn trong thạp, bình và có đồ trang sức.  - Có khiếu thẩm mĩ cao.  => Đời sống vật chất và tinh thần hoà quyện vào nhau tạo nên tình cảm cộng đồng trong con người Văn lang (Cơ sở của TY nước – một truyền thống quý báu của dân tộc ta). |

IV/ Củng cố

*\* Thời gian:* 2 *phút*

*\* Mục tiêu:Giúp HS hệ thống kiến thức toàn bài*

*\*. Phương thức*

*- Phương pháp dạy học: vấn đáp*

*- Kĩ thuật dạy học: giao nhiệm vụ,*

*- Hình thức: dạy học cả lớp*

*\*GV dùng bảng phụ( dùng kĩ thuật KWLH)*

*? Trong tiết học này, em đã biết thêm những kiến thức gì?* ? Những yếu tố nào tạo nên tình cảm cộng đồng của cư dân Văn Lang ?(L)

**GVCC toàn bài:** Nhà nước Văn Lang ra đời, đời sống của cư dân Văn Lang có những chuyển biến về đời sống vật chất và tinh thần, đăc biệt là sự phát triển về nông nghiệp và thủ công nghiệp. Nơi ăn chốn ở và tập tục lễ hội của cư dân Văn Lang…Đó là cơ sở tồn tại của quốc gia này.

?Tình cảm cộng đồng của nhân dân ta ngày nay thể hiện ntn?(H)

- Tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách.

GV liên hệ với việc làm tình nguyện của thanh niên và sinh viên mới tốt nghiệp Đại học; đồng bào cả nước ủng hộ các tỉnh miền Trung trong các cơn bão số 12, 13 vừa qua...

V/ Hướng dẫn về nhà: (2’)

- Học thuộc bài cũ.

- Nghiên cứu trước bài 14 và trả lời câu hỏi trong SGK.

- Tìm đọc và nghiên cứu truyện “ Mị Châu Trọng Thuỷ”.

***Ngày 27/11/2017,TT CM duyệt***

Nguyễn Thị Lanh

**Soạn 01/12/2017**

**Giảng 05/12/10/2017**

**07/12/2017 Tiết 15, Bài 14**

**NƯỚC ÂU LẠC**

**A/ Mục tiêu bài học:**

1. Kiến thức: HS nắm được Tinh thần yêu nước, quyết tâm đấu tranh bảo vệ đất nước của nhân dân ta ngay buổi đầu dựng nước. Hiểu được bước tiến mới trong xây dựng đất nước thời An Dương Vương.

2 .Kĩ năng

- Kĩ năng bài dạy: rèn kỹ năng nhận xét, so sánh, rút ra bài học lịch sử và sử dụng đồ dùng trực quan.

\* Kĩ năng sống: KN tự nhận thức, tư duy sáng tạo, tạo, hợp tác, giải quyết vấn đề.

3. Thái độ: giáo dục tình cảm, tinh thần yêu mến quê hương đất nước, tinh thần cộng đồng luôn nhớ về cội nguồn.

- Tích hợp đạo dức:Tinh thần chiến đấu của người Tây Âu- Lạc Việt. Tinh thần hòa bình, đoàn kết.

4. Định hướng phát triển năng lực HS

- Năng lực chung: nhận thức, giao tiếp, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực chuyên biệt: Tái hiện sự kiện, hiện tượng, nhân vật; so sánh, phân tích, phản biện, khái quát hóa; nhận xét, đánh giá rút ra bài học lịch sử từ những sự kiện, hiện tượng, vấn đề lịch sử, nhân vật.

**B/ Chuẩn bị của GV& HS**

**1. Thầy:** CNTT:Lược đồ cuộc kháng chiến và bộ máy nhà nước.

**2. Trò :** Nghiên cứu trước bài và trả lời câu hỏi SGK. Sơ đồ nhà nước thời An Dương Vương.

**C/ Phương pháp**

- PP: vấn đáp, đàm thoại, phân tích, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận nhóm, dự án.

- Kĩ thuật động não, chia nhóm,trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn, KWLH, giao nhiệm vụ, hoàn tất một nhiệm vụ.

**D/ Tiến trình dạy học - Giáo dục:**

I. Ổn định tổ chức (1’)

II. Kiểm tra bài cũ: (5’)

- HS 3 nhóm đại diện trưng bày và thuyết trình bức tranh vẽ về đ/s vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang.

- Nhóm trưởng các nhóm hoán đổi nhau đánh giá cho điểm.

III. Bài mới.

**Hoạt động 1: Khởi động(tình huống xuất phát)**

*\* Thời gian: 2 phút*

*\*Mục tiêu: Giới thiệu bài*

*\* Phương thức*

*- Phương pháp dạy học:* nêu vấn đề, vấn đáp

*- Kĩ thuật dạy học: “trình bày một phút”*

*- Hình thức: dạy học cả lớp*

Nhà nước Văn Lang thế kỷ III TCN, ND không còn C/S yên bình như trước. Vua Hùng thứ 18 không chú ý đến xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Ở phương Bắc nhà Tần mở rộng bờ cõi xuống phía Nam, -> nhà nước mới ra đời ntn .

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung bài học** |
| **Hoạt động 2**  \* Thời gian:12 p  \* Mục tiêu: *HS nắm được**diễn biến, kết quả cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần của người Lạc Việt – người Tây Âu.*  \* Phương thức:  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  ***\* HS hoạt động cá nhân/cả lớp***  *- GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:*  **?** Nước Tần nằm ở đâu ? Là nước ntn ?  **?** Vì sao cuối thế kỷ III TCN quân Tần xâm lược nước ta.  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  **HS:** - Phía Bắc Văn Lang.  - Năm 221, nước Tần thành lập và dùng sức mạnh quân sự mạnh đánh Trung Nguyên (Trung Quốc nay). Và tiếp tục bành trướng xuống phía Nam.  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  ***\* HS hoạt động nhóm***  *- GV* yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi **(Tích hợp giáo dục kĩ năng sống** nhận thức, tư duy sáng tạo, hợp tác, giải quyết vấn đề)  **?** Người Tây Âu và người Lạc Việt có quan hệ với nhau ntn ?  ? Vì sao người Tây Âu và Lạc Việt cùng chiến đáu chống quân xâm lược Tần ? Em suy nghĩ gì về tinh thần chiến đấu của người Tây Âu và Lạc Việt?  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  *- HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  *\* Dự kiến sản phẩm:*  **-** Người Tây Âu và người Lạc Việt có quan hệ gần gũi, anh em từ lâu đời.  - Họ không chịu để mất nước ,không chụi đầu hàng, thể hiện tinh thần đoàn kết đấu tranh vì hòa bình . Tinh thần chiến đấu của người Tây Âu và Lạc Việt anh dũng ,kiên cường sáng tạo, đầy mưu trí trở thành truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta .  GV trình chiếu Lược đồ cuộc kháng chiến...  **GV Tích hợp giáo dục đạo đức cho HS tinh thần hòa bình,đoàn kết chiến thắng mọi kẻ thù:** Tinh thần chiến đấu đó luôn được nhân dân ta phát huy từ đời này sang đời khác, đánh bại rất nhiều các thế lực phong kiến phương bắc hung bạo như (nhà Hán, Nguyên, Minh Thanh…) tên đế quốc sừng sỏ như Pháp, Mỹ …  ***\* HS hoạt động nhóm***  *- GV* yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi ***(Tích hợp giáo dục kĩ năng sống*** nhận thức, tư duy sáng tạo, hợp tác, giải quyết vấn đề)  **?** Trong giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống xâm lược Tần, nhân dân Tây Âu và Lạc Việt đã gặp những khó khăn gì ?  **?** Để tiếp tục chiến đấu, họ đã làm gì (bầu ai chỉ huy)? Thuật lại cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần của người Tây Âu và Lạc Việt?  **?** Nhận xét cách đánh của người Tây Âu và Lạc Việt.  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  *- HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  *\* Dự kiến sản phẩm:*  - Thủ lĩnh người Tây Âu bị giết nhưng người Tây Âu và người Lạc Việt vẫn tiếp tục kháng chiến, họ kéo vào rừng sâu.  - Họ bầu Thục Phán làm thủ lĩnh chỉ huy cuộc kháng chiến.  - Diễn biến: SGK  - Cách đánh: Thông minh, sáng tạo đầy mưu trí.  **?** Kết quả cuộc kháng chiến ?  **?** Tại sao giặc lại thất bại ?  **HS:** - ND đoàn kết, tinh thần anh dũng, cách đánh sáng tạo.  - Quân Tần mất hết ý chí.  **GV:** Cuộc chiến đấu 6 năm cuối cùng giành thắng lợi. Vậy tình hình nước VL có gì thay đối sau kháng chiến chống quân Tần kết thúc ?  **Rút kinh nghiệm**  .................................................................................  .................................................................................  **Hoạt động 2(10’)**  ***\* Thời gian***  ***\* Mục tiêu:*** *HS nắm được**sự ra đời của nhà nước Âu Lạc và tổ chức*  *bộ máy Nhà nước Âu Lạc*  ***\* Phương thức:***  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn,KWLH.*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  **HS:** nghiên cứu -SGK  ***\* HS hoạt động cá nhân/cả lớp***  - GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:  **?** Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần ai là người có công nhất ? (Thục Phán).  **?** Vì sao vua Hùng nhường ngôi cho Thục Phán?  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  => Thục Phán là người tài giỏi, có công lớn trong cuộc kháng chiên chống quân xâm lược Tần.  ***\* HS hoạt động nhóm***  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi ***(Tích hợp giáo dục kĩ năng sống*** nhận thức, tư duy sáng tạo, hợp tác, giải quyết vấn đề)  **Nhóm 1+2**  **?** Sau khi lên ngôi, Thục Phán đã làm gì ?Việc lên ngôi của Thục Phán có hợp với qui luật tất yếu của lịch sử không? Hãy lí giải?  **?** Em biết gì về tên Âu Lạc ?  **Nhóm 3**  **?** Vì sao An Dương Vương lại đóng đô ở Phong Khê.  GV trình chiếu sơ đồ bộ máy nhà nước Âu Lạc  **Nhóm 4**  ? Quan sát sơ đồ bộ máy nhà nước Âu Lạc. Nhận xét về bộ máy Nhà nước Âu Lạc so với Nhà nước VL ?  An Dương Vương  ( Lạc hầu, lạc tướng)    Lạc tướng Lạc tướng  (bộ) (bộ)  Bồ chính Bồ chính Bồ chính  (Chiềng,chạ) Chiềng,chạ) (Chiềng,chạ)  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  - HS nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  \* Dự kiến sản phẩm:  **N1+2** Thục Phán lên làm vua tự xưng (hiệu) là An Dương Vương, đổi tên nước là Âu Lạc, tổ chức lại nhà nước, đóng đô ở Phong Khê (nay: Cổ Loa – Đông Anh- HN).  - Nước Âu Lạc là hợp nhất của hai chữ Tây Âu và Lạc mà thành.  - Đây là điều tất yếu vì Nhà nước không còn chăm lo tới đời sống của nhân dân, không lo tổ chức kháng chiến chống giặc ngoại xâm.  **N3** Là vùng đông dân, năm ở trung tâm đất nước, vừa gần sông Hồng lại có sông Hoàng chảy qua…giao thông thuận tiện.  **N4** Nhà nước Âu Lạc ra đời, đất nước có những thay đổi: Vua, địa điểm đóng đô…Bộ máy nhà nước không thay đổi song uy quyền nhà vua lớn hơn nhiều.  **Rút kinh nghiệm**  .................................................................................  .................................................................................  **Hoạt động 3**  ***\* Thời gian: 8 p***  ***\* Mục tiêu:*** *HS nắm được**nét thay đổi xã hội Âu Lạc có sự phân biệt giàu nghèo*  ***\* Phương thức:***  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn, KWLH*  *- Hình thức: dạy học nhóm, cá nhân*  **HS:** Nghiên cứu 3- SGK  - GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:  **?** Từ khi nước Văn Lang thành lập đến trước khi nước Âu Lạc ra đời trải qua bao nhiêu thế kỷ ? Chỉ ra những thay đổi đó ?  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  GV trình chiếu, HS quan sát H 39, 40- SGK 42 với H 31, 33 bài 11.  **\* HS hoạt động nhóm**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi:  **?** Nhận xét về sản xuất nông nhiệp và thủ công nghiệp  **?** Nguyên nhân nào dẫn đến sự thay đổi đó ?  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  - HS nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  \* Dự kiến sản phẩm:  **GV:** - H 39, 40 tiến bộ hơn, kỹ thuật cao hơn -Đồng.  - TCN: Các nghành đều phát triển hơn trước: cuốc sắt, rìu sắt được sản xuất ngày càng nhiều.  **\* HS hoạt động cá nhân/cả lớp**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:  **?** Khi sản phẩm xã hội tăng, của cải dư thừa nhiều, xã hội xuất hiện hiện tượng gì ?  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  **Rút kinh nghiệm**  .................................................................................  ................................................................................. | **1/ Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần diễn ra như thế nào?**  a. Nguyên nhân:  - Đời vua Hùng thứ 18 đất nước mất ổn định.  - Nhà Tần mở rộng lãnh thổ.  b. Diễn biến:  - Năm 218 TCN quân Tần tiến đánh xuống mạn Bắc Văn Lang- nơi người Lạc Việt – người Tây Âu sinh sống.  - Sau 4 năm chinh chiến, quân Tần kéo xuống đánh vùng Bắc Văn Lang.  - Thủ lĩnh người Tây Âu bị giết nhưng người Tây Âu và người Lạc Việt vẫn tiếp tục kháng chiến, họ kéo vào rừng sâu.  - Họ bầu Thục Phán làm thủ lĩnh chỉ huy cuộc kháng chiến.    - Ban ngày thì im hơi lặng tiếng, đến đêm thì bất thần xông ra đánh địch, làm cho quân địch tiến không được thoát không xong.  \* Kết quả: Người Việt đánh tan quân Tần.  **2/ Nước Âu Lạc ra đời**  - Hoàn cảnh ra đời: Năm 207 TCN, Thục Phán buộc vua Hùng 18 nhường ngôi cho mình => Nhà nước mới ra đời.  - Thục Phán lên làm vua tự xưng (hiệu) là An Dương Vương, đổi tên nước là Âu Lạc, tổ chức lại nhà nước, đóng đô ở Phong Khê (nay: Cổ Loa – Đông Anh- HN).  - Nước Âu Lạc là hợp nhất của hai chữ Tây Âu và Lạc mà thành.  \* Bộ máy nhà nước :  - Bộ máy nhà nước Âu Lạc không có gì khác trước, song quyền lực nhà vua cao hơn trước.  **3/ Đất nước thời Âu Lạc có gì thay đổi.**  - Thời gian: Hơn 4 thế kỷ  - Kinh tế: Nông nghiệp, đặc biệt thủ công nghiệp phát triển hơn trước, kỹ thuật cao hơn.  - Nguyên nhân: Kinh nghiệm sản xuất nhiều năm; nhu cầu XD dinh thự; quân đội hùng mạnh; nhu cầu chống giặc ngoại xâm => Đó là tinh thần vươn lên và thành quả của cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, bảo về Tổ quốc.  - Xã hội có sự phân biệt giàu nghèo => Mâu thuẫn giai cấp xuất hiện . |

IV. Củng cố

\* Thời gian: 2 phút

\* Mục tiêu:Giúp HS hệ thống kiến thức toàn bài

\* Phương thức

- Phương pháp dạy học: vấn đáp

- Kĩ thuật dạy học: động não

- Hình thức: dạy học cả lớp

? Nhà nước Văn Lang và Âu Lạc. Hãy chọn đúng sai vào đánh dấu vào các ô sau:

Khác xa nhà nước Văn Lang - **S**

* Không có gì thay đổi so với nhà nước Văn Lang **-Đ**

Có một số tổ chức khác với nhà nước Văn Lang **- S**

V. Hướng dẫn về nhà:(2’)

- Học thuộc bài cũ.

- Chuẩn bị bài tiếp: Nước Âu Lạc (tiếp).

**?** Sau khi lên ngôi, An Dương Vương làm gì ?

**?** Vì sao gọi là loa thành.

**?** Mô tả thành Cổ Loa theo sơ đồ ?

? Em có nhận xét gì về việc xây dựng công trình thành Cổ Loa vào thế kỷ III ->II TCN ở Âu Lạc ?

- Đọc và kể truyện *Mị Châu, Trọng Thủy*.

***Ngày 04/ 12/2017,TT duyệt***

Nguyễn Thị Lanh

**--------------\*\*\*\*---------------**

Soạn: 5/12/2017

Giảng: 13/12/2017

***Tiết 16***

**KIỂM TRA HỌC KỲ I**

**(Theo lịch của Phòng Giáo dục)**

**--------------\*\*\*\*---------------**

Soạn: 15/12/2017

Giảng: 19/12/2017(6A1)

21/12/2017(6A2)

***Tiết 17, bài 15***

**NƯỚC ÂU LẠC (tiếp)**

**A/ Mục tiêu bài học**

1. Kiến thức: HS thấy được giá trị thành Cổ Loa.

- Thành Cổ Loa là trung tâm chính trị, kinh tế, quân sự của nước Âu Lạc.

- Thành Cổ Loa là công trình quân sự độc đáo, thể hiện được tài năng quân sự của ông cha ta.

- Do mất cảnh giác nhà nước Âu Lạc rơi vào tay Triệu Đà.

2. Kĩ năng

- Kĩ năng bài dạy: rèn kỹ năng nhận xét, so sánh, rút ra bài học lịch sử và sử dụng đồ dùng trực quan.

**- Kĩ năng sống:** KN tự nhận thức, lắng nghe tích cực, tìm kiếm và xử lí thông tin.

3. Thái độ: giáo dục tình cảm, tinh thần yêu mến quê hương đất nước, tinh thần cộng đồng luôn nhớ về cội nguồn.

**- Tích hợp giáo dục đạo đức:** Cấu tạo thành Cổ Loa. Giáo dục ý thức trách nhiệm trong việc giữ gìn di tích lịch sử.

4. Định hướng phát triển năng lực HS

- Năng lực chung: nhận thức, giao tiếp, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực chuyên biệt: Tái hiện sự kiện, hiện tượng, nhân vật; so sánh, phân tích, phản biện, khái quát hóa; nhận xét, đánh giá rút ra bài học lịch sử từ những sự kiện, hiện tượng, vấn đề lịch sử, nhân vật.

**B/ Chuẩn bị**

**1. Thầy:** Như tiết 16, ƯDCNTT:phóng to sơ đồ thành Cổ Loa, tranh ảnh về thành Cổ Loa, lược đồ trận đánh của quân dân Âu Lạc và cuộc xâm lược của Triệu Đà.

- Truyện *Nỏ thần* và *Mị Châu, Trọng Thủy*.

**2. Trò :** Nghiên cứu trước bài theo câu hỏi, quan sát kênh hình trong SGK, tìm đọc và kể truyện *Mị Châu, Trọng Thủy*.

**C/ Phương pháp**

- PP: vấn đáp, đàm thoại, phân tích, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận nhóm, dự án.

- Kĩ thuật động não, chia nhóm,trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn, KWLH, giao nhiệm vụ, hoàn tất một nhiệm vụ.

**D/ Tiến trình dạy học - Giáo dục:**

I. Ổn định tổ chức (1’)

II. Kiểm tra bài cũ: Không

? Trình bày nguyên nhân, diễn biến, kết quả của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần ?

III. Bài mới

**Hoạt động 1: Khởi động(tình huống xuất phát)**

*\*Thời gian: 5 phút*

*\* Mục tiêu: Giới thiệu bài*

*\* Phương thức*

*- Phương pháp dạy học:* nêu vấn đề, vấn đáp

*- Kĩ thuật dạy học: KWLH*

*- Hình thức: dạy học cả lớp*

*\*GV dùng bảng phụ( dùng kĩ thuật KWLH vào bài)*

*? Trong tiết học trước, em đã biết những gì?(K)*

+ Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần diễn ra như thế nào?

+ Nước Âu Lạc ra đời.

+ Đất nước thời Âu Lạc có gì thay đổi.

*? Trong tiết học này, em muốn những gì?(W)*

- HS trình bày những yêu cầu kiến thức cần GV hướng dẫn

+ Thành Cổ Loa và lực lượng quốc phòng

+ Nhà nước Âu Lạc sụp đổ ra sao ?

Sau khi lên ngôi thành lập nước Âu Lạc, Nhà nước đã có những thay đổi về kinh tế, chính trị, quân sự ntn ? và nhà nước Âu Lạc sụp đổ ra sao ? Bài hôm nay cô sẽ hướng dẫn...

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung bài học** |
| **Hoạt động 1**  **HS:** nghiên cứu –SGK  *\* Thời gian: 18 p*  *\* Mục tiêu: HS nắm được**thành Cổ Loa là một công trình độc đáo, thể hiện sự sáng tạo của người Âu Lạc.*  *\* Phương thức:*  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn, KWLH*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  ***\* HS hoạt động cá nhân/cả lớp***  - GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:  **?** Sau khi lên ngôi, An Dương Vương làm gì ?  **?** Vì sao gọi là loa thành.  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  \* Dự kiến sản phẩm  **-** Cổ Loa vì thành có hình xoáy trôn ốc  GV: Có tên gọi là Chạ Chủ và Khả Lũ (theo An Nam chí lược của Lê Chắc chép thế kỷ XIV). Đến thế kỷ XV mới xuất hiện tên Loa thành và Cổ Loa.  GV trình chiếu và hướng dẫn HS quan sát thành Cổ Loa.  **GV:** mô tả thêm, cụ thể 3 vòng trên sơ đồ (**Tích hợp** **kĩ năng sống:** KN tự nhận thức, lắng nghe tích cực)  - Vòng thành nội: Hình chữ nhật, chu vi 1650m, cao 5m, mặt thành rộng 6->12m, chỉ có 1 cửa mở về hướng Nam phía TB giữa 2 vòng trong và ngoài có gò Đông Bắn, Đồng Chuông, Đồng Giáo,  - Vòng thành trung: Là 1 vòng thành khép kín, có chu vi khoảng 6500m cách thành nội không đều và không có hình dáng cân xứng, phía Nam và Đông gần nhau, phía Bắc và Tây cách xa nhau.Thành có 5 cửa……..  - Thành ngoại: Là 1 vòng khép kín, không có hình dáng rõ rệt chu vi khoảng 8m, cao 8m, chân thành rộng khoảng 12 -> 20m, thành ngoại có thêm 3 cửa Bắc, Đông, và Tây Nam...  =>Các thành đều có hào bao quanh……  **\* HS hoạt động cá nhân**  - GV yêu cầu HS mô tả thành Cổ Loa theo sơ đồ  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  HS thảo luận nhóm : ? Em có nhận xét gì về việc xây dựng công trình thành Cổ Loa vào thế kỷ III ->II TCN ở Âu Lạc ?  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  *- HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  *\* Dự kiến sản phẩm:*  - Đây là công trình lao động quy mô nhất của Âu Lạc, cách đây hơn 2000 năm, thể hiện tài năng, sáng tạo, kỹ thuật xây thành của nhân dân ta…) vừa là kinh đô vừa là công trình quân sự lớn để bảo vệ an ninh quốc gia ->Cổ Loa là một quân thành của nước Âu Lạc.  **-**GV: Sáng kiến khi xây thành, đó là cài xen các mảnh gốm vỡ vào tường đât...  **GV: tích hợp giáo dục đạo đức: HS ý thức trách nhiệm trong việc giữ gìn di tích lịch sử của dân tộc.**  ? Nếu được đến thăm thành Cổ Loa em có suy nghĩ gì ? (có thể đưa ra cuối bài )  - Tự hào là người dân Việt Nam, khâm phục óc sáng tạo của cha ông được chiêm ngưỡng công trình sáng tạo độc đáo của cha ông để lại, em ra sức học tập tốt để xứng đáng với những người đi trước , tuyên truyền giới thiệu với bạn bè thế giới về thành Cổ Loa…  ***\* HS hoạt động cá nhân/cả lớp***  - GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:  **?** Tại sao nói Cổ Loa là một quân thành.  **?** Căn cứ vào đâu ta kết luận Cổ Loa là một thành quân sự ?  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  \* Dự kiến sản phẩm  **-** Lực lượng quân đội lớn, bộ binh, thuỷ binh được trang bị vũ khí băng đồng, giáo, rìu, …nỏ.  - Căn cứ: Phía Nam thành – cầu Vực, phát hiện mũi tên đồng, đầm Cả là nơi tập trung thuyền chiến, vừa luyện tập vừa sẵn sàng chiến đấu.(GV trình chiếu ảnh)  HS Thảo luận nhóm bàn  **?** Em hãy so sánh điểm giống nhau và khác nhau của nhà nước Văn Lang- Âu Lạc ?  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  *- HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  *\* Dự kiến sản phẩm:*  - Giống: Tổ chức nhà nước.  - Khác: + Kinh đô- Văn Lang: trung du (B.Hạc- V.Phú).  + Âu Lạc: đồng bằng (Cổ Loa -ĐA- HN)  => Âu Lạc có thành Cổ Loa, vừa là kinh đô vừa là trung tâm chính trị, kinh tế, là công trình quân sự bảo vệ an ninh quốc gia => uy quyền của An Dương Vương cao hơn vua Hùng.  **GVKL:** Thành Cổ Loa là công trình đồ sộ, vững chắc, vừa là kinh đô, vừa công trình bảo vệ quốc gia, hiện nay vẫn còn dấu tích (chú ý câu ca dao). Cổ Loa là biểu tượng của nền văn minh Việt Cổ rất đáng tự hào.  **Rút kinh nghiệm**  .................................................................................  .................................................................................  **Hoạt động 2**  *\* Thời gian:16 p*  *\* Mục tiêu: HS nắm được**sự sụp đổ của nhà nước Âu Lạc và xâm lược của Triệu Đà*  *\* Phương thức:*  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn, KWLH*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  **HS:** nghiên cứu -SGK  **GV:** Nhà Triệu thành lập đặt tên nước là Nam Việt, song chúng vẫn mang nặng tư tưởng bành chướng và quyết tâm xâm lược Âu Lạc.  GV: Sơ lược tình hình Trung Quốc khi An Dương Vương xây dựng đất nước : nhà Tần đổ, đất nước lâm vào tình trạng loạn lạc. Ở vùng Hoa Nam Triệu Đà lập ra nước Nam Việt (gồm Quảng Đông và Quảng Tây) →Triệu Đà đánh các nước xung quanh để mở rộng lãnh thổ.  ***\* HS hoạt động cá nhân/cả lớp***  - GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:  ? Triệu Đà đem quân xâm lược Âu Lạc vào thời gian nào? Em hãy nhận xét tinh thần chiến đấu ban đầu của quân dân Âu Lạc?  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  \* Dự kiến sản phẩm  - HS trình bày theo SGK.  - Nhân dân Âu đã đoàn kết chiến đấu dũng cảm Lạc với vũ khí tốt đánh bại cuộc tấn công của Triệu Đà.  **GVtrình chiếu và** **trình bày trận đánh trên lược đồ:** Quân của Triệu Đà kéo vào nước ta theo đường sông Thương, tiến xuống vùng Tiên Du (Tiên Sơn- Bắc Ninh) và vùng núi Vũ Ninh (Quế Võ- Bắc Ninh), quân dân Âu Lạc từ Cổ Loa kéo lên chặn đánh giặc ở Tiên Du, Vũ Ninh. Tại đây quân ta với “nỏ thần” (nỏ của tướng Cao Lỗ chế tạo), đã chặn đánh giặc rất ác liệt, quân của Triệu Đà không thể tiến sâu đành giảng hoà rút lui.  ? Sau nhiều lần thất bại Triệu Đà đã dùng kế gian nào để đánh Âu Lạc?  =>Nhưng với ý đồ xâm lược Âu Lạc,Triệu Đà ngấm ngầm tập hợp thêm lực lượng…bí mật tiến hành kế li gián, dò xét phá vỡ lực lượng của An Dương Vương.  **GV:** Sau khi tìm kế li gián, Triệu Đà đem quân vào Âu Lạc, An Dương Vương chủ quan “ Ko sợ nỏ thần của ta à”…An Dương Vương ko giữ nổi thành bỏ chạy về phía Nam đến Diễn Châu- Nghệ An & chết ở đây (179 TCN).  ***\* HS hoạt động cá nhân/cả lớp***  - GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:  **?** Các em đã học truyện “ Mị Châu-Trọng thuỷ”, em hãy kể lại câu chuyện?  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  \* Dự kiến sản phẩm: Hs lên bảng kể tóm tắt truyện  ? Thất bại của An Dương Vương dẩn đến hậu quả như thế nào?  - Âu Lạc chịu sự đô hộ nặng nề, lâu dài của các thế lực phong kiến phương Bắc.  ***\* HS thảo luận nhóm***  ***-*** *GV* yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi:  ? Thất bại của An Dương Vương để lại cho đời sau bài học gì?  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  *- HS* nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  - Phải cảnh giác với kẻ thù, không được nhẹ dạ, cả tin chúng, dù có lúc chúng bị đánh bại. Vua phải biết tin tưởng ở trung thần, phải dựa vào dân để chống giặc giữ nước )  GV: liên hệ thực tế để giáo dục tinh thần cảnh giác.  **-** Mất cảnh giác nên An Dương Vương đã để Âu Lạc rơi vào tay Triệu Đà năm 179 TCN .  **GV:** Như vậy An Dương Vương vừa có công vừa có tội (công dựng nước, tội mất cảnh giác để nước ta rơi vào tay Triệu Đà, mở đầu hơn 1000 năm Bắc thuộc.  ***\* HS hoạt động cá nhân***  ? Ngày nay đất nước ta sống trong đôc lập, tự do đang trên đà CNH, HĐH, theo em, chúng ta có cần nâng cao tinh thần cảnh giác để bảo vệ đất nước không?  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  \* Dự kiến sản phẩm  - Các thế lực thù địch phản động trong và ngoài nước vẫn âm mưu chống phá cách mạng, lật đổ chính quyền, thực hiện “diễn biến hòa bình”, đa nguyên đa Đảng.  - Ngoài biển đảo, những năm gần đây, đặc biệt từ 01/5/2014 Trung Quốc hạ đặt giàn khoan Hải dương HD-981 trái phép vào khu đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam, có động thái tranh chấp với Việt Nam và một số quốc gia khác gây nên tình hình căng thẳng và phức tạp ở Biển Đông, bất chấp Tuyên bố của Tòa án quốc tế 12/7/2016 (vụ kiện của Phi - lip – pin) âm mưu nuuots trọn 2 quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam và độc chiếm Biển Đông.  ? Với vai trò là HS còn ngồi trên ghế nhà trường, các em sẽ nâng cao tinh thần cảnh giác như thế nào?  - Hãy nâng cao lòng tự hào, tự tôn dân tộc; lòng yêu nước; tinh thần đoàn kết, tích cực học tập, lao động sáng tạo thể hiện lòng yêu nước trên mọi lĩnh vực khác nhau; hiểu biết và tuyên truyền kiến thức về biển đảo; góp phần bảo vệ vững chắc vùng biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.  **Rút kinh nghiệm**  .................................................................................  ................................................................................. | **4/ Thành Cổ Loa và lực lượng quốc phòng**  - Sau khi lên ngôi, An Dương vương cho xây thành (thành Cổ Loa).  - Thành có 3 vòng khép kín, tổng chiều dài chu vi 16.000m, chiều cao thành 5m –>10m, mặt thành rộng trung bình 10m, chân thành rộng 10 -> 20m.  - Các thành đều có hào nước rộng từ 10->30m bao quanh, các hào thông với nhau, vừa nối với đầm Cả vừa nối với sông Hoàng.  - Thành Cổ Loa là một công trình độc đáo, thể hiện sự sáng tạo của người Âu Lạc. Cổ Loa là một quân thành.  **5/ Nhà nước Âu Lạc sụp đổ**  - Năm 207 TCN nhà Tần suy yếu, Triệu Đà thành lập nước Nam Việt.  - Khoảng năm 181- 180 TCN Triệu Đà đem quân đánh xuống Âu Lạc.  - Nhân dân Âu Lạc đã đoàn kết, chiến đấu dũng cảm với vũ khí tốt đánh bại cuộc tấn công của Triệu Đà.  - Năm 179 TCN Triệu Đà đánh Âu Lạc, An Dương Vương mắc mưu Triệu Đà để Âu Lạc rơi vào tay nhà Triệu .  - Bài học lịch sử: Phải cảnh giác với kẻ thù, không được nhẹ dạ, cả tin chúng, dù có lúc chúng bị đánh bại. Vua phải biết tin tưởng ở trung thần, phải dựa vào dân để chống giặc giữ nước |

**IV/ Củng cố**

\* Thời gian: 3 phút

\* Mục tiêu:Giúp HS hệ thống kiến thức toàn bài

\* Phương thức

- Phương pháp dạy học: vấn đáp

- Kĩ thuật dạy học: giao nhiệm vụ,

- Hình thức: dạy học cả lớp

\*GV dùng bảng phụ( dùng kĩ thuật KWLH)

? Trong tiết học này, em đã biết thêm những kiến thức gì? (L)

+ Thành Cổ Loa và lực lượng quốc phòng

+ Nhà nước Âu Lạc sụp đổ ra sao ?

**V/ Hướng dẫn về nhà (2 p)**

- Học bài, vẽ sơ đồ tư duy cho những nội dung kiến thức đã học trong 2 tiết.

- Làm bài tập SGK.

- Ôn tập các kiến thức đã học từ đầu năm học:

+ Buổi đầu lịch sử nước ta

+ Thời đại dựng nước Văn Lang - Âu Lạc

**Soạn: 22/12/2017**

**Giảng: 26/12/217 (6A1)**

**28/12/217 (6A2) *Tiết 18, Bài 16***

**ÔN TẬP CHƯƠNG I VÀ II**

**A/ Mục tiêu**

1. Kiến thức: Củng cố những kiến thức về lịch sử DT từ khi có con người xuất hiện trên đất nước ta cho đến thời dựng nước Văn Lang- Âu lạc.

- Nắm được những thành tựu kinh tế, văn hoá của các thời kỳ khác nhau.

- Năm được những nét chính về xã hội và ND thời Văn lang- Âu Lạc, cội nguồn DT.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng khái quát sự kiện, tìm ra những nét chính và thống kê các sự kiện một cách có hệ thống.

- Kĩ năng sống: KN tự nhận thức, lắng nghe tích cực, tìm kiếm và xử lí thông tin.

3. Thái độ: Củng cố kiến thức và tình cảm của HS đồi với Tổ quốc, với nền VHDT.

4. Định hướng phát triển năng lực HS

- Năng lực chung: nhận thức, giao tiếp, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực chuyên biệt: Tái hiện sự kiện, hiện tượng, nhân vật; so sánh, phân tích, phản biện, khái quát hóa; nhận xét, đánh giá rút ra bài học lịch sử từ những sự kiện, hiện tượng, vấn đề lịch sử, nhân vật.

**B/ Phương tiện thực hiện:**

**1. Thầy :** CNTT: Lược đồ thời nguyên thuỷ, tranh ảnh, một số câu ca dao, tục ngữ.

**2. Trò :** Làm đề cương theo hệ thống câu hỏi trong SGK.

- Kĩ năng bài dạy:

**C/ Phương pháp**

- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.

- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn, KWLH, giao nhiệm vụ.

**D/ Tiến trình dạy học - Giáo dục:**

I. Ổn định tổ chức (1’)

II. Kiểm tra bài cũ: K.tra sự chuẩn bị bài của HS.

II. Bài mới

**Hoạt động 1: Khởi động(tình huống xuất phát)**

*- Thời gian: 3 phút*

*- Mục tiêu: Giới thiệu bài*

*- Phương pháp dạy học:* nêu vấn đề, vấn đáp

*- Kĩ thuật dạy học: KWLH*

*- Hình thức: dạy học cả lớp*

*\*GV dùng bảng phụ( dùng kĩ thuật KWLH vào bài)*

*? Trong các tiết học chương I-II, em đã biết những gì?(K)*

+ Đời sông của người nguyên thủy trên đất nước ta

+ Những chuyển biến trong đời sống kinh tế

+ Những chuyển biến về xã hội

+ Nước Văn Lang

+ Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang

+ Nước Âu Lạc

*? Trong tiết học này, em muốn những gì?(W)*

- Khái quát những kiến thức cho toàn chương I - II

Các em vừa học xong thời kỳ lịch sử từ khi loài người xuất hiện trên đất nước đến thời kỳ dựng nước Văn Lang- Âu Lạc. Hôm nay chúng ta ôn tập hệ thống kiến thức trọng tâm .

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung bài học** | |
| **Hoạt động 2**  *\* Thời gian 9 p*  *\* Mục tiêu: HS xác định được thời gian, địa điểm dấu tích của sự xuất hiện những người đầu tiên trên đất nước ta.*  *\* Phương thức:*  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, giải quyết vấn đề, phân tích, dự án.*  *- Kĩ thuật động não trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn, KWLH*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, cá nhân*  **GV:** trình chiếu lược đồ Việt Nam.  **?** Xác định địa điểm ?  - Hs lên xác định các địa điểm dấu tích người tối cổ.  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  - H/dẫn HS lập sơ đồ.   |  | | --- | | **Địa điểm** | | - Hang Thẩm Hai, Thẩm Khuyên (Lạng Sơn)  - Núi Đọ (Thanh Hoá)  - Hang Kéo Lèng (Lạng Sơn)  - Phùng Nguyên |   **\* Rút kinh nghiệm**  ....................................................  ....................................................  ....................................................  **Hoạt động 3**  *\* Thời gian: 9 p*  *\* Mục tiêu: HS hệ thống được xã hội nguyên thuỷ Việt Nam trải qua những giai đoạn nào*  *\* Phương thức:*  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn, KWLH*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  **GV:** Cùng HS hệ thống lại kiến thức theo dự án chuẩn bị của HS ở nhà.  ***\* HS hoạt động cá nhân/cả lớp***  - GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:  **?** Căn cứ vào đâu em xác định những tư liệu này.  **?** Tổ chức xã hội của người nguyên thuỷ Việt Nam như thế nào ?  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  \* Dự kiến sản phẩm | | **1/ Dấu tích của sự xuất hiện những người đầu tiên trên đất nước ta (Thời gian, địa điểm)**  - Cách đây hàng chục vạn năm đã có người Việt cổ sinh sống .  - Địa điểm: Hang Thẩm Hai, Thẩm Khuyên ( Lạng Sơn), núi Đọ, Quan Yên (T.Hoá), Xuân Lộc (Đồng Nai).  - Thời gian: cách đây 40- 30 vạn năm.  - Hiện vật: răng và xương của người tổi cổ, công cụ đá (núi Đọ- Thanh Hoá).   |  |  | | --- | --- | | **Thời gian** | **Hiện vật** | | - 40 -30 vạn năm  - 4 vạn năm  - 4000-3500 năm | - Chiếc răng của người cổ  - Công cụ bằng đá của người nguyên thuỷ được ghè đẽo thô sơ  - Răng và mảnh xương trán của người tinh khôn.  - Nhiều công cụ bằng đồng thau. |   **2/ Xã hội nguyên thuỷ Việt Nam trải qua những giai đoạn nào**  - Giai đoạn Ngườm, Sơn Vi (đồ đá cũ), công cụ ghè đẽo thô sơ.  - VH Hoà Bình, Bắc Sơn (đồ đá giữa), công cụ ghè đẽo một mặt ; bắt đầu có đồ gốm (Bắc Sơn) => người Việt cổ bắt đầu chuyển sang Gđoạn đồ đá mới.  - VH Phùng Nguyên - Hoa Lộc: thời đại kim khí -> đồng thau xuất hiện.  - Bảng thống kê những giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thuỷ: |

GV trình chiếu bảng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Địa điểm** | **Thời gian** | **Công cụ sản xuất** |
| Người tối cổ | Sơn Vi | Hàng chục vạn năm | đồ đá cũ, công cụ được ghè đẽo thô sơ. |
| Người tinh khôn  (G.đoạn đầu) | Hoà Bình, Bắc Sơn | 40- 30 vạn năm | đồ đá mới, công cụ đá được mài tinh sảo. |
| Người tinh khôn  ( G.đoạn phát triển) | Phùng Nguyên –  Hoa Lộc | 4000- 3500 năm | Thời đại kim khí, công cụ sản xuất đồng thau, sắt. |

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Rút kinh nghiệm**  ...............................................................  ...............................................................  ...............................................................  **Hoạt động 4**  \* Thời gian: 10 p  \* Mục tiêu: HS khái quát được *những điều kiện nào dẫn đến sự ra đời của nhà nước Văn Lang- Âu Lạc*  \* Phương thức:  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh, thảo luận, nhóm, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn, KWLH*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, dạy học nhóm, cá nhân*  ***\* HS hoạt động nhóm***  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, trao đổi thảo luận thống nhất nhóm (trên cơ sở dự án ở nhà) trả lời câu hỏi:  **?** Vùng cư trú chủ yếu của người Văn Lang, Âu Lạc ?  **?** Cơ sở kinh tế của người Tây Âu và Lạc Việt ?  **?** Nêu những hiện vật tiêu biểu thể hiện sư p.triển cao của nền kinh tế ?  **?** Kinh tế p.triển dẫn đến sự phân hoá xã hội ntn ?  **?** Để bảo vệ sản xuất nông nghiệp và đất nước, người Việt cổ đã có nhu cầu gì?  - HS suy nghĩ câu hỏi trao đổi với nhau theo nhóm bàn và làm vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả, thảo luận  - HS nhận xét, bổ sung; GV nhận xét kết quả làm việc các nhóm  \* Dự kiến sản phẩm:  GV trình chiếu Lược đồ  - Vùng cư trú: đồng bằng châu thổ các con sông lớn (s.Hồng, Mã) ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.  - Cơ sở kinh tế: Nghề nông trồng lúa nước đã trở thành nghành chinh, chăn nuôi cũng phát triển  - Công cụ bằng đồng: lưỡi cuốc đồng, gốm…)  - Có kẻ giàu người nghèo)  **-** 15 bộ lạc ở ĐBBB va BTB cần liên kết với nhau chống thiên tai và ngoại xâm.  **\* Rút kinh nghiệm**  ...............................................................  ...............................................................  ...............................................................  **Hoạt động 5**  *\* Thời gian 8 p*  *\* Mục tiêu: HS biết khái quát những công trình VH tiêu biểu của thời Văn Lang, Âu Lạc*  *\* Phương thức:*  *- Phương pháp dạy học: vấn đáp, đàm thoại, giải quyết vấn đề, dự án.*  *- Kĩ thuật động não, chia nhóm, trình bày 1 phút, thực hành có hướng dẫn, KWLH*  *- Hình thức: dạy học cả lớp, cá nhân*  - GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:  **?** Những công trình VH tiêu biểu của thời Văn Lang, Âu Lạc ?  - HS suy nghĩ câu hỏi  - HS trình bày  - HS/ GV nhận xét, bổ sung  \* Dự kiến sản phẩm  GV trình chiếu hình ảnh trống đồng Đông Sơn và sơ đồ thành cổ Loa  + Nhìn vào các hoa văn của trống đồng người ta thấy những văn hoá vật chất và tinh thần thời kỳ đó, trống dùng trong lễ hội cầu mưa thuận gió hoà.  **\* Rút kinh nghiệm**  ...............................................................  ............................................................... | **3/ Những điều kiện nào dẫn đến sự ra đời của nhà nước Văn Lang- Âu Lạc**  - Vùng cư trú: đồng bằng châu thổ các con sông lớn (s.Hồng, Mã) ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.  - Cơ sở kinh tế: Nghề nông trồng lúa nước đã trở thành nghành chinh, chăn nuôi cũng phát triển  - Thủ công: Nghề luyện kim phát triển đạt đến trình độ cao nhất là nghề đúc đồng, làm ra nhiều công cụ sản xuất phục vụ sản xuất: Lưỡi cày, cuốc, đặc biệt là trống đồng  - Các quan hệ xã hội:  + Dân cư ngày càng đông quan hệ xã hội ngày càng rộng.  + Xuất hiện sự phân biệt giàu, nghèo ngày càng rõ .  - Tình cảm cộng đồng: nhu cầu hợp tác trong sản xuất, trong chiến đấu bảo vệ độc lập dân tộc.  - Sự xuất hiện của các nền văn hoá lớn (tiêu biểu là Đông Sơn).  - Sự p.triển kinh tế ( chăn nuôi, trồng trọt, lúa nước…)  - Chống thiên tai, ngoại xâm (nhà Tần).  **4/ Công trình văn hoá tiêu biểu của Văn Lang, Âu Lạc.**  - Trống đồng: là hiện vật tượng trưng cho nền văn ming Văn Lang, Âu Lạc  - Thành cổ Loa: là kinh đô của Âu Lạc, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của đất nước, khi có chiến tranh là thành quân sự bảo vệ an ninh quốc gia. |

**IV/ Củng cố**

\* Thời gian: 3 phút

\* Mục tiêu: Giúp HS hệ thống kiến thức toàn bài

\*. Phương thức

- Phương pháp dạy học: vấn đáp

- Kĩ thuật dạy học: giao nhiệm vụ,

- Hình thức: dạy học cả lớp

\*GV dùng bảng phụ( dùng kĩ thuật KWLH)

? Trong tiết học này, em đã biết hệ thống được những kiến thức gì?

- Hs khái quát nội dung bài học.

**V/ Hướng dẫn học bài (2 p)**

- Ôn lại toàn bộ kiến thức đã học.

- Chuẩn bị giờ sau: Kĩ thuật học kì I.

***Ngày 25 /12/2017,TT duyệt***

Nguyễn Thị Lanh